

LỜI MỞ ĐẦU

Quản trị tài chính có vai trò rất quan trọng và có phạm vi rất rộng lớn, hiện hữu trong tất cả mọi hoạt động của doanh nghiệp và hạch toán kế toán là bộ phận quan trọng của hệ thống quản trị tài chính, nó có vai trò tích cực trong việc điều hành và kiểm soát các hoạt động kinh tế góp phần tích cực vào việc quản lý tài chính của nhà nước nói chung và quản lý doanh nghiệp nói riêng vì nó giúp cho các nhà quản trị doanh nghiệp đưa ra quyết định nhanh chóng và hợp lý nhất đảm bảo cho sản xuất kinh doanh ổn định và phát triển bền vững.

Trong quá trình hạch toán kế toán việc phản ánh kết quả tiêu thụ, ghi nhận doanh thu, thu nhập của doanh nghiệp đầy đủ và kịp thời góp phần đẩy tăng tốc độ chu chuyển vốn lưu động, tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình sản xuất. Việc ghi chép chính xác nghiệp vụ kinh tế này có ảnh hưởng rất lớn đến tình hình thực hiện tài chính doanh nghiệp, giúp doanh nghiệp có được cái nhìn toàn diện đúng đắn về tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Nhận thức được tầm quan trọng đó và qua tìm hiểu thực tế tình hình tổ chức công tác kế toán tại công ty cổ phần Vinaway kết hợp với lý thuyết đã học ở trường, em đã chọn đề tài: ***“Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần Vinaway”*** cho khóa luận tốt nghiệp của mình.

Đối tượng nghiên cứu của đề tài: Khóa luận tập trung nghiên cứu quá trình hạch toán các nghiệp vụ như sau:

1. Hạch toán các nghiệp vụ tiêu thụ hàng hóa
2. Hạch toán các khoản chi phí liên quan đến tiêu thụ hàng hóa
3. Xác định kết quả tiêu thụ hàng hóa tại công ty

Mục đích nghiên cứu của đề tài:

- ✓ Về mặt lý luận: Hệ thống những vấn đề lý luận cơ bản về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.
- ✓ Về mặt thực tế: Mô tả và phân tích thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần Vinaway.
- ✓ Đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần Vinaway.

Phạm vi nghiên cứu của đề tài:

- Về không gian: Đề tài được thực hiện tại công ty cổ phần Vinaway
- Về thời gian: Đề tài được thực hiện từ ngày 16/03/2010 đến ngày 10/07/2010.
- Việc phân tích được lấy từ số liệu của năm 2009.

Kết cấu của khoá luận:

Ngoài lời mở đầu và kết luận, kết cấu của khoá luận gồm 3 chương sau:

- Chương 1: Lý luận chung về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.
- Chương 2: Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần Vinaway.
- Chương 3: Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần Vinaway.

Với mong muốn được củng cố, hoàn thiện và ngày càng nâng cao trình độ nghiệp vụ về kế toán, em rất mong được sự xem xét, chỉ bảo, tham gia góp ý kiến của các quý thầy cô nhằm giúp cho luận văn này đạt kết quả tốt hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

Chương 1

LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP

1.1 KHÁI QUÁT CHUNG VỀ DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP

1.1.1 Khái quát về doanh thu

Doanh thu là tổng giá trị của các lợi ích kinh tế doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

1.1.1.1 Phân loại doanh thu:

- *Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:* Là toàn bộ số tiền thu được, hoặc sẽ thu được từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có). Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là số tiền ghi trên hoá đơn, trên hợp đồng cung cấp lao vụ dịch vụ.

- *Doanh thu tiêu thụ nội bộ* là số tiền thu được do bán hàng hoá, sản phẩm, cung cấp dịch vụ tiêu thụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc trong cùng một công ty, tổng công ty tính theo giá bán nội bộ.

- *Doanh thu tài chính* là các khoản thu nhập liên quan đến hoạt động tài chính bao gồm doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

- *Thu nhập khác* là khoản thu góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu từ hoạt động ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu.

1.1.1.2 Điều kiện ghi nhận doanh thu:

Theo chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14:

Thời điểm ghi nhận doanh thu là thời điểm thoả mãn đồng thời 5 điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá cho người mua.

- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá.
- Giá trị các khoản doanh thu được xác định tương đối chắc chắn
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

1.1.1.3 Các khoản giảm trừ doanh thu

Trong điều kiện kinh doanh hiện nay, để đẩy mạnh bán hàng, thu hồi nhanh chóng tiền hàng doanh nghiệp cần có chế độ khuyến khích đối với khách hàng, nếu khách hàng mua với khối lượng lớn sẽ được doanh thu chiết khấu, còn nếu hàng kém phẩm chất thì khách hàng có thể chấp nhận thanh toán hoặc yêu cầu doanh nghiệp giảm giá.

Tổng số doanh thu bán hàng sau khi trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu gọi là doanh thu thuần

- *Chiết khấu thương mại*: Là số tiền mà doanh nghiệp đã giảm trừ hoặc đã thanh toán cho người mua do mua hàng hoá, dịch vụ với khối lượng lớn theo thoả thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trên hợp đồng kinh tế mua bán hoặc các cam kết mua bán hàng.

- *Giảm giá hàng bán*: Là số tiền giảm trừ cho khách hàng ngoài hoá đơn hay hợp đồng cung cấp dịch vụ do các nguyên nhân đặc biệt như hàng kém phẩm chất, không đúng quy cách, giao hàng không đúng thời gian, địa điểm trong hợp đồng...(do chủ quan doanh nghiệp).

- *Hàng bán bị trả lại*: Là số hàng đã được coi là tiêu thụ (đã chuyển quyền sở hữu, đã thu tiền hay được người chấp nhận trả tiền) nhưng lại bị người mua từ chối và trả lại do người bán không tôn trọng hợp đồng kinh tế đã ký kết nhưng không phù hợp với yêu cầu, tiêu chuẩn quy cách kỹ thuật, hàng kém phẩm chất, không đúng chủng loại

- *Thuế tiêu thụ đặc biệt*: Được đánh vào doanh thu của các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu các mặt hàng, dịch vụ mà Nhà nước không khuyến khích sản xuất và hạn chế tiêu thụ như rượu, bia, thuốc lá...

- **Thuế xuất khẩu:** Được đánh vào tất cả các mặt hàng, dịch vụ trao đổi với nước ngoài, khi xuất khẩu ra khỏi biên giới Việt Nam. Doanh nghiệp trực tiếp xuất khẩu hoặc uỷ thác xuất khẩu thì phải nộp thuế này

$$\begin{array}{ccccccc} & & & & & \text{Thuế TTĐB,} & \\ & & & & & \text{thuế XK phải} & \\ \text{Doanh thu} & = & \text{DT bán} & - & \text{Chiết} & - & \text{DT BH} & - & \text{Giảm} & & \\ \text{BH thuần} & & \text{hàng} & & \text{khẩu TM} & & \text{bị trả lại} & & \text{giá hàng} & - & \\ & & & & & & & & \text{bán} & & \text{nộp, thuế} & \\ & & & & & & & & & & \text{GTGT trực tiếp} \end{array}$$

1.1.2 Khái quát về chi phí

Chi phí là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ các hao phí về lao động sống và lao động vật hóa mà doanh nghiệp đã bỏ ra tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh trong một kỳ kế toán nhất định.

❖ Phân loại chi phí

Giá vốn hàng bán: Là giá trị giá vốn của sản phẩm, vật tư, hàng hóa lao vụ, dịch vụ tiêu thụ là giá thành sản xuất hay chi phí sản xuất. Với vật tư tiêu thụ, giá vốn là giá trị ghi sổ, còn với hàng hóa tiêu thụ, giá vốn bao gồm trị giá mua của hàng hóa tiêu thụ cộng với chi phí thu mua phân bổ cho hàng tiêu thụ.

Chi phí bán hàng: Là những khoản chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra có liên quan đến hoạt động tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, lao vụ trong kỳ như chi phí nhân viên bán hàng, chi phí dụng cụ bán hàng, chi phí quảng cáo.

Chi phí quản lý doanh nghiệp: Là khoản chi phí phát sinh có liên quan đến toàn bộ hoạt động của cả doanh nghiệp mà không tách riêng ra cho bất kỳ hoạt động nào. Thuộc cho phí quản lý doanh nghiệp bao gồm chi phí quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và chi phí chung khác.

Chi phí hoạt động tài chính: Là các khoản chi phí liên quan đến các hoạt động hoặc chi phí các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết...

Chi phí khác: Là các chi phí và các khoản lỗ do các sự kiện hay nghiệp vụ bất thường mà doanh nghiệp không thể dự kiến trước được như: chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ, tiền phạt do vi phạm hợp đồng, các khoản phạt, truy thu thuế,...

1.1.3 Khái quát về xác định kết quả kinh doanh (KD) của doanh nghiệp

Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp là chỉ tiêu phản ánh toàn bộ kết quả của hoạt động sản xuất, kinh doanh, hoạt động tài chính và hoạt động khác mà doanh nghiệp tiến hành trong kỳ

Kết quả này được xác định bằng cách so sánh giữa một bên là doanh thu thuần về bán hàng, cung cấp dịch vụ, kinh doanh bất động sản đầu tư với một bên là các chi phí liên quan đến sản phẩm đầu tư đã tiêu thụ trong kỳ (giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí kinh doanh bất động sản đầu tư,...)

1.1.4 Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả KD

Để đáp ứng tốt các yêu cầu quản lý tình hình tiêu thụ hàng hoá của doanh nghiệp thì kế toán bán hàng phải thực hiện tốt các nhiệm vụ sau:

- Phản ánh các ghi chép đầy đủ kịp thời chính xác tình hình hiện có và sự biến động của từng loại hàng hoá theo chỉ tiêu số lượng, chất lượng, chủng loại và giá trị
- Phản ánh và ghi chép đầy đủ kịp thời chính xác các khoản doanh thu các khoản giảm trừ doanh thu và chi phí của từng hoạt động trong doanh nghiệp, đồng thời phải theo dõi thật chi tiết, cụ thể tình hình thanh toán của từng đối tượng khách hàng để thu hồi kịp thời vốn kinh doanh
- Phản ánh đầy đủ các chi phí phát sinh như giá vốn bán hàng, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí hoạt động tài chính, cũng như các chi phí khác làm cơ sở xác định kết quả bán hàng
- Ngoài ra kế toán bán hàng còn nhiệm vụ kiểm tra giám sát thực hiện kế hoạch bán hàng, kế hoạch lợi nhuận, phân phối lợi nhuận và làm nghĩa vụ đối với Nhà nước, cung cấp thông tin cho việc lập các báo cáo tài chính.

1.2 NỘI DUNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI DOANH NGHIỆP

1.2.1 Tổ chức công tác kế toán doanh thu tại doanh nghiệp

1.2.1.1 Tổ chức công tác kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

a. Nguyên tắc ghi nhận kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:

- Doanh thu và chi phí liên quan đến cùng một giao dịch phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp và phải theo năm tài chính.

- Chỉ ghi nhận doanh thu trong kỳ kế toán khi thoả mãn đồng thời các điều kiện ghi nhận doanh thu bán hàng, doanh thu cung cấp dịch vụ, doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, tiền cổ tức và lợi nhuận được chia đã quy định theo chuẩn mực kế toán số 14 và các quy định của chế độ kế toán hiện hành.

- Khi hàng hoá hoặc dịch vụ được trao đổi để lấy hàng hoá hoặc dịch vụ tương tự về bản chất và giá trị thì việc trao đổi đó không được coi là một giao dịch tạo ra doanh thu và không được ghi nhận là doanh thu.

- Đối với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, doanh thu bán hàng là giá bán chưa có thuế GTGT;

- Đối với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ không thuộc diện chịu thuế GTGT, hoặc chịu thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán;

- Đối với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc thuế xuất khẩu thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán (bao gồm cả thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc thuế xuất khẩu);

- Những doanh nghiệp nhận gia công vật tư, hàng hoá thì chỉ phản ánh vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hoá nhận gia công.

- Đối với hàng hoá nhận bán đại lý, ký gửi theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng thì hạch toán vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ phần hoa hồng bán hàng mà doanh nghiệp được hưởng.

- Trường hợp bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp thì doanh nghiệp ghi nhận doanh thu bán hàng theo giá bán trả ngay và ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính về phần lãi tính trên khoản phải trả nhưng trả chậm phù hợp với thời điểm ghi nhận doanh thu được xác nhận.

b. Chứng từ sử dụng:

- Hoá đơn bán hàng và cung cấp dịch vụ (Hoá đơn thông thường Mẫu số 01/GTKT-3LL, Hoá đơn giá trị gia tăng Mẫu số 02/GTTT-3LL)

- Phiếu xuất kho (Mẫu số 03/PXK-3LL)

- Phiếu thu tiền mặt (Mẫu số 01-TT)

- Giấy báo có của ngân hàng,...

c. Sổ sách sử dụng:

- Bảng kê hoá đơn chứng từ hàng hoá dịch vụ bán ra
- Nhật ký chung, sổ cái tài khoản 511, 512
- Bảng cân đối số phát sinh, Báo cáo tài chính

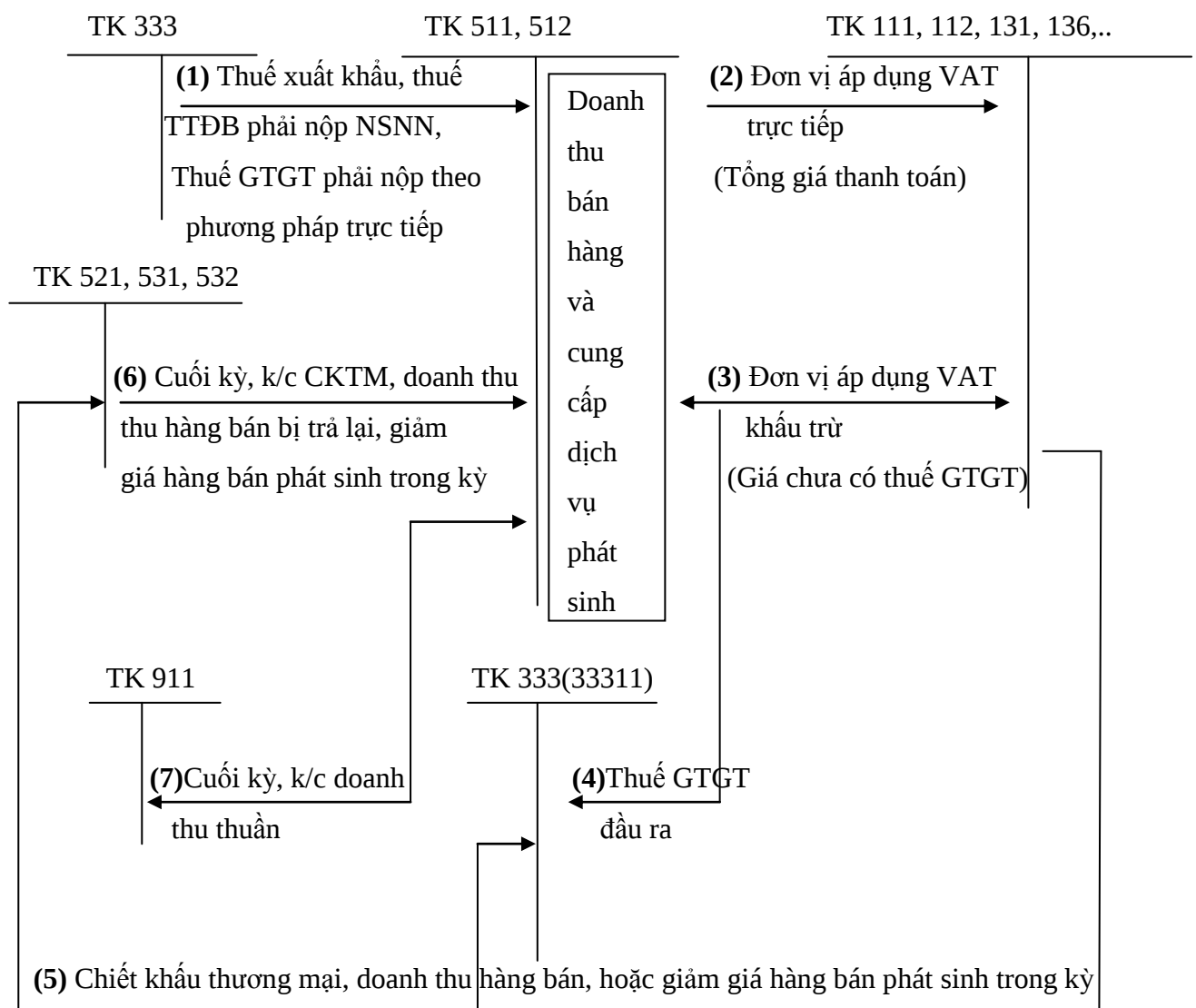
d. Tài khoản sử dụng

Kế toán sử dụng TK 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

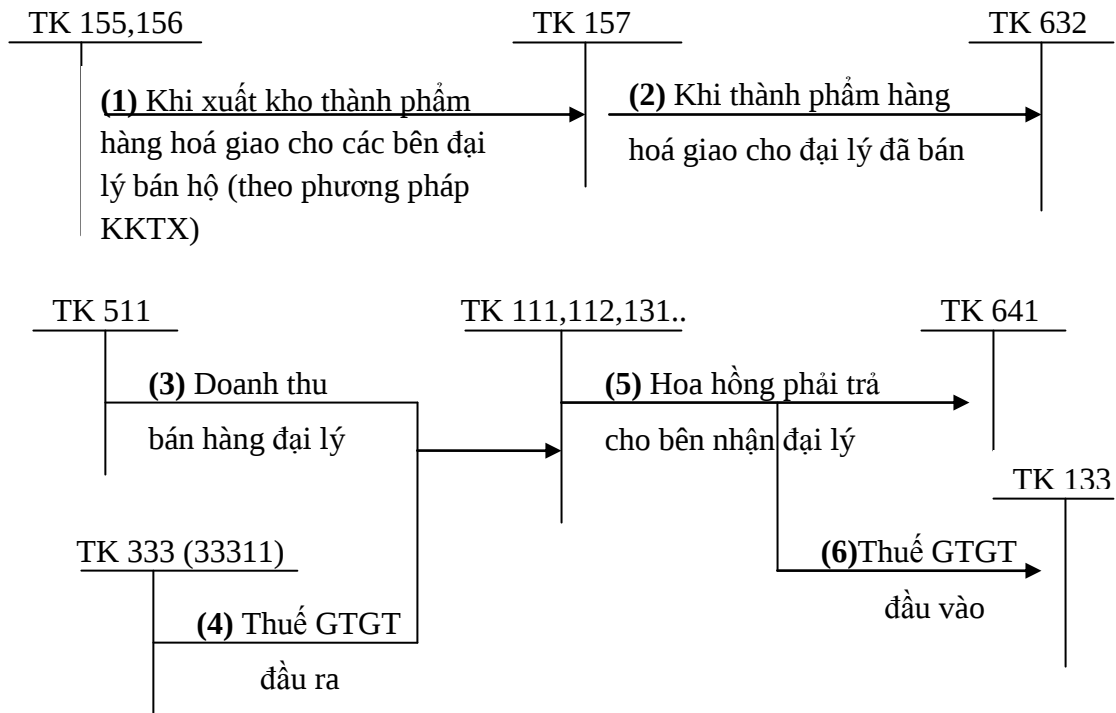
Kế toán sử dụng TK 512 – Doanh thu bán hàng nội bộ.

e. Phương pháp hạch toán doanh thu:

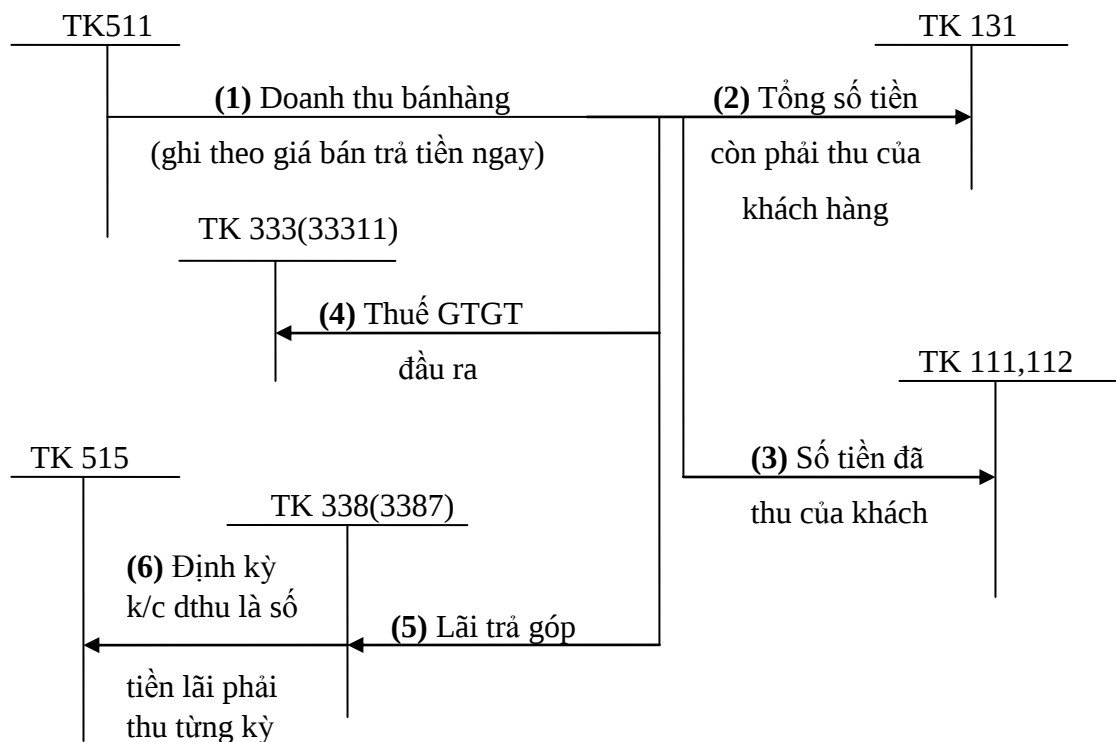
Sơ đồ 1.1: Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ



Sơ đồ 1.2: Kế toán bán hàng thông qua đại lý
(Theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng)



Sơ đồ 1.3: Kế toán bán hàng theo phương pháp trả chậm (hoặc trả góp)



1.2.1.2 Tổ chức công tác kế toán các khoản giảm trừ doanh thu**a. Chiết khấu thương mại****➤ Các trường hợp xảy ra:**

- Trường hợp người mua mua hàng nhiều lần mới đạt được lượng hàng mua được hưởng chiết khấu thì khoản chiết khấu thương mại này được ghi giảm trừ vào giá bán trên “Hoá đơn GTGT” hoặc “Hoá đơn bán hàng” lần cuối cùng.

- Trường hợp người mua hàng mua hàng với khối lượng lớn được hưởng chiết khấu thương mại, giá bán phản ánh trên hoá đơn là giá đã giảm (đã trừ chiết khấu thương mại) thì khoản chiết khấu thương mại này không được hạch toán vào TK 521_Doanh thu bán hàng phản ánh theo giá đã trừ chiết khấu thương mại.

➤ Tài khoản sử dụng:

Kế toán sử dụng TK 521 - Chiết khấu thương mại.

b. Kế toán hàng bán bị trả lại

Hàng bán bị trả lại là số sản phẩm, hàng hoá doanh nghiệp đã xác định tiêu thụ nhưng bị khách hàng trả lại do vi phạm các điều kiện đã cam kết trong hợp đồng kinh tế như hàng kém phẩm chất, sai quy cách, chủng loại.

Hàng bán bị trả lại phải có văn bản đề nghị của người mua ghi rõ lý do trả lại hàng, số lượng, giá trị hàng bị trả lại, đính kèm hoá đơn (nếu trả lại toàn bộ) hoặc bản sao hợp đồng (nếu trả lại một phần hàng) và đính kèm chứng từ nhập lại kho của doanh nghiệp số hàng nói trên.

➤ Tài khoản sử dụng:

- Kế toán sử dụng TK 531 – Hàng bán bị trả lại.

c. Kế toán giảm giá hàng bán

Giảm giá hàng bán là khoản giảm trừ được doanh nghiệp (bên bán) chấp nhận trên giá đã thoả thuận trong hoá đơn, vì lý do hàng bán bị kém phẩm chất, không đúng quy cách ... đã ghi trong hợp đồng.

➤ Tài khoản sử dụng:

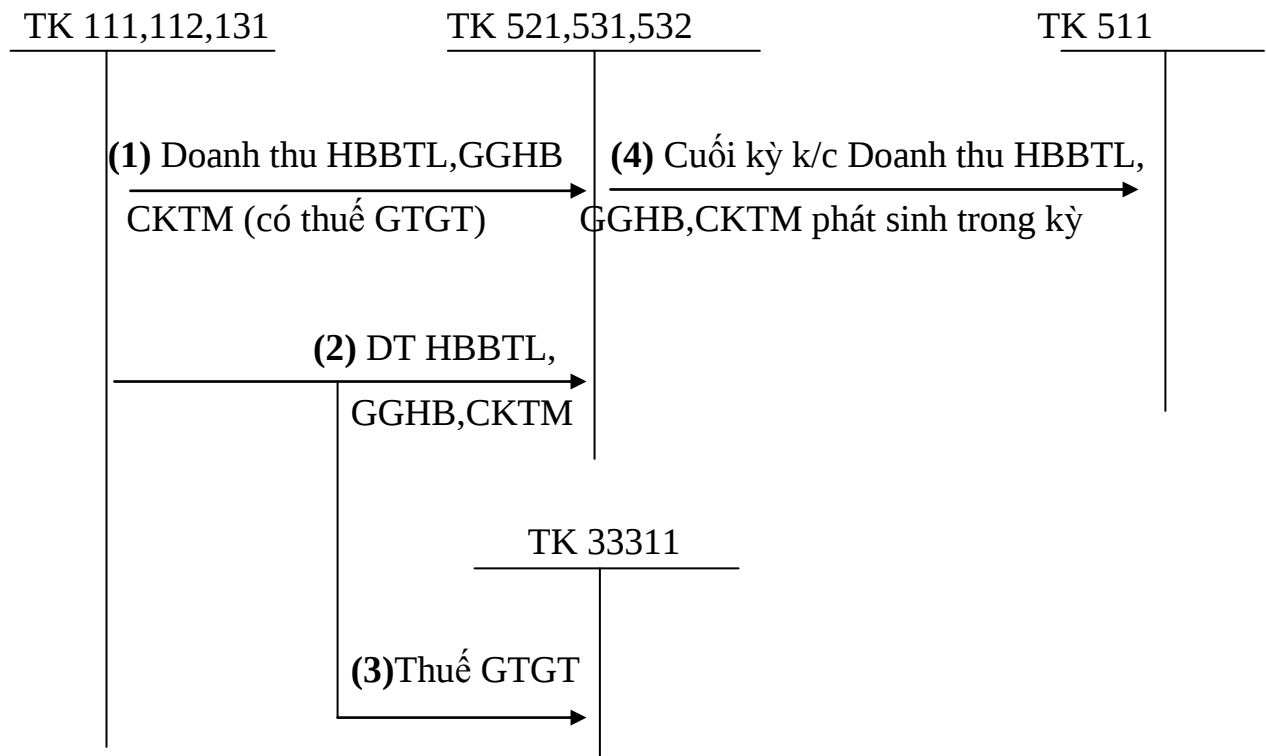
- Kế toán sử dụng TK 532 - Giảm giá hàng bán.

- Chỉ phản ánh vào TK 532 các khoản giảm trừ do việc chấp thuận giảm giá ngoài hoá đơn, tức là sau khi đã có hoá đơn bán hàng. Không phản ánh vào tài

khoản này số giảm giá đã được ghi trên hoá đơn bán hàng và đã được trừ vào tổng giá trị bán trên hoá đơn.

d. Phương pháp hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu

Sơ đồ 1.4: Hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu



e. Các khoản thuế làm giảm doanh thu:

- Thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp được tính:

$$\text{❖ Số thuế GTGT phải nộp} = \text{GTGT của hàng hoá, dịch vụ} \times \text{Thuế suất thuế GTGT (\%)}$$

$$\text{❖ GTGT} = \text{Giá thanh toán của hàng hoá, dịch vụ bán ra} - \text{Giá thanh toán của hàng hoá, dịch vụ mua vào tương ứng}$$

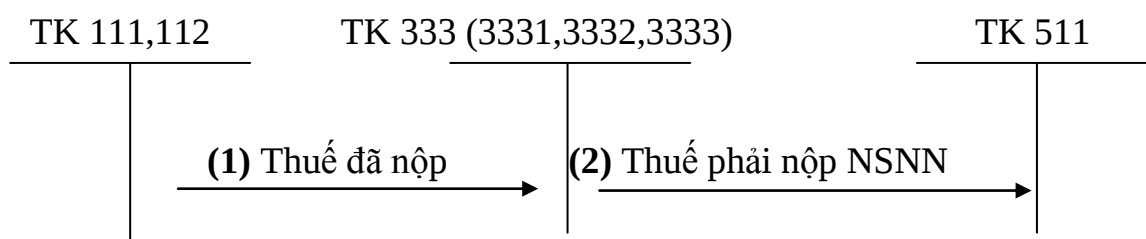
- Thuế tiêu thụ đặc biệt: là khoản thuế doanh nghiệp phải nộp trong trường hợp doanh nghiệp tiêu thụ những mặt hàng thuộc danh mục vật tư, hàng hoá chịu thuế tiêu thụ đặc biệt.

Cách tính: Thuế TTĐB phải nộp = Giá tính thuế TTĐB x Thuế suất.

- Thuế xuất khẩu: là khoản thuế doanh nghiệp phải nộp khi xuất khẩu hàng hoá mà hàng hoá đó phải chịu thuế xuất khẩu.

- Sơ đồ 1.5: Sơ đồ hạch toán các khoản thuế làm giảm doanh thu (trang bên)

Sơ đồ 1.5: Sơ đồ hạch toán các khoản thuế làm giảm doanh thu



1.2.1.3 Tổ chức công tác kế toán doanh thu hoạt động tài chính

❖ Doanh thu hoạt động tài chính gồm:

- Tiền lãi: Lãi cho vay; lãi tiền gửi; lãi bán hàng trả chậm, trả góp; lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hóa, dịch vụ; lãi cho thuê tài chính;...

- Thu nhập từ cho thuê tài sản, cho người khác sử dụng tài sản (Bằng sáng chế, nhãn hiệu thương mại, bản quyền tác giả, phần mềm vi tính tạo ra từ nội bộ DN) (Nếu là cho thuê hoạt động, cho thuê BĐSĐT thì hạch toán vào TK 511);

- Cổ tức, lợi nhuận được chia;

- Thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn;

- Thu nhập chuyển nhượng, cho thuê cơ sở hạ tầng;

- Thu nhập về các hoạt động đầu tư khác;

- Chênh lệch lãi do bán ngoại tệ; khoản lãi chênh lệch tỷ giá ngoại tệ;

- Chênh lệch lãi chuyển nhượng vốn;

❖ Tài khoản sử dụng:

- Kế toán sử dụng TK 515: “Doanh thu hoạt động tài chính”

❖ Phương pháp hạch toán:

- Sơ đồ 1.6: Sơ đồ hạch toán một số nghiệp vụ kinh tế chủ yếu của TK 515 (trang bên)

1.2.1.4 Kế toán thu nhập khác

❖ Thu nhập khác của doanh nghiệp gồm:

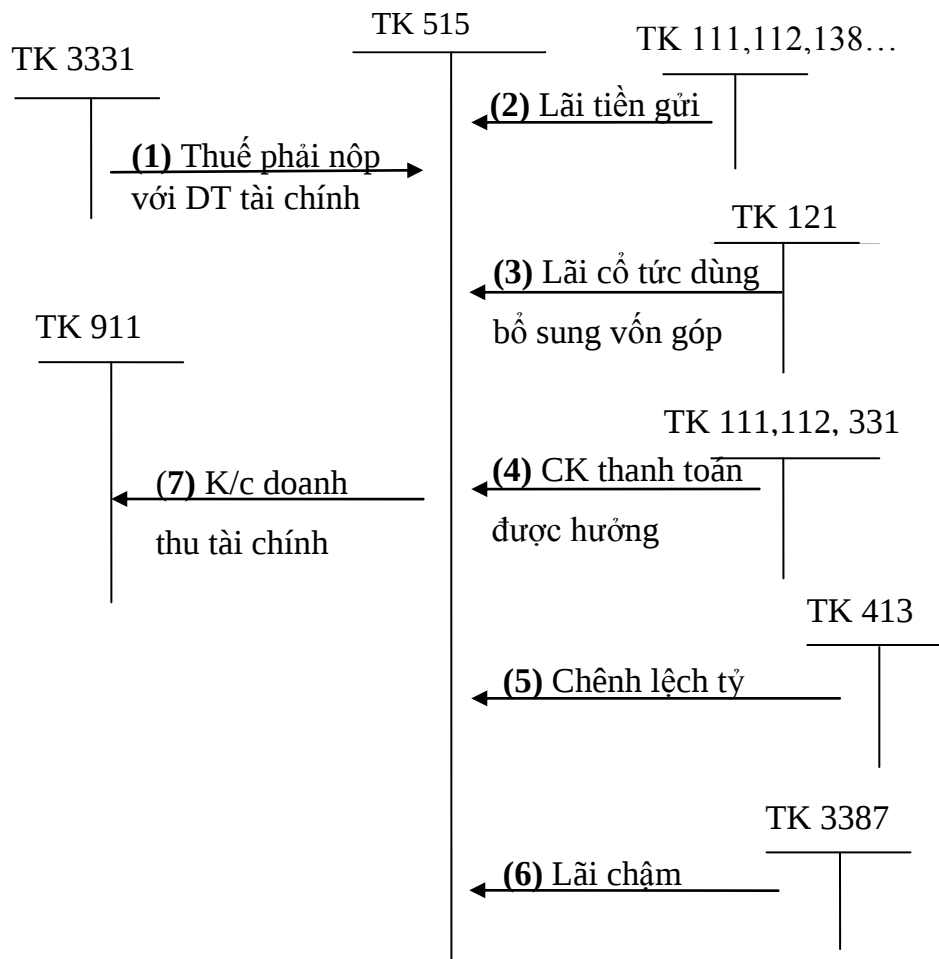
- Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ;

- Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng;

- Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ;

- Các khoản thuế được NSNN hoàn lại;

1.6: Sơ đồ hạch toán một số nghiệp vụ kinh tế chủ yếu của TK 515



- Thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ;
- Các khoản tiền thưởng của khách hàng liên quan đến tiêu thụ hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ không tính trong doanh thu (nếu có);
- Thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật của các tổ chức, cá nhân tặng cho doanh nghiệp.
- Các khoản thu nhập kinh doanh của những năm trước bị bỏ sót hay quên ghi sổ kế toán, năm nay mới phát hiện ra,...

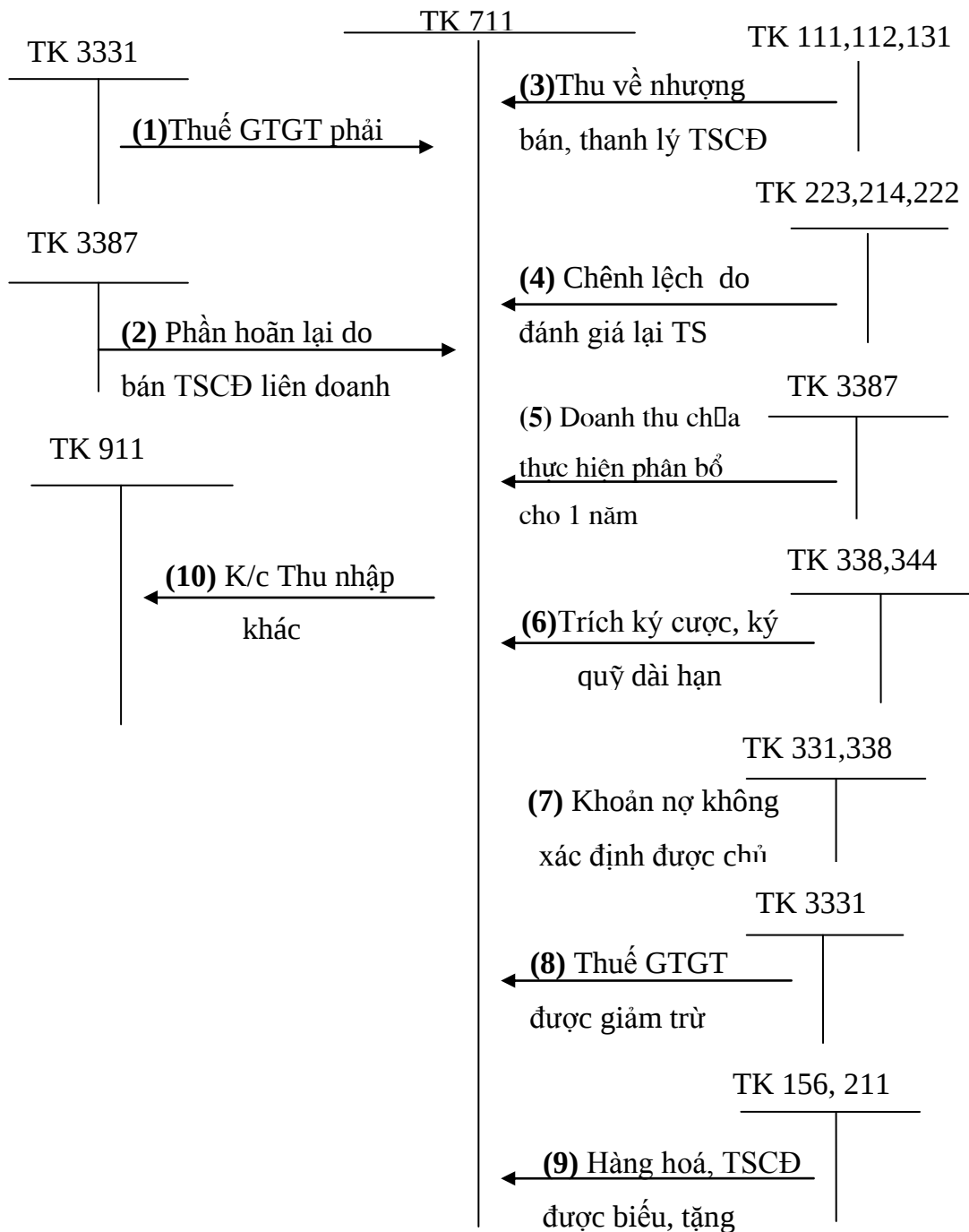
❖ **Tài khoản sử dụng:**

- Kế toán sử dụng TK 711: “Thu nhập khác”

❖ **Phương pháp hạch toán:**

- Sơ đồ 1.8: Sơ đồ hạch toán thu nhập khác (trang bên)

Sơ đồ 1.7: Sơ đồ hạch toán thu nhập khác



1.2.2 Tổ chức công tác kế toán chi phí tại doanh nghiệp

1.2.2.1 Tổ chức công tác kế toán giá vốn hàng bán

a. Phương pháp xác định giá vốn của hàng xuất kho để bán:

- Đối với DN sản xuất: Trị giá vốn của hàng xuất kho để bán hoặc thành phẩm hoàn thành không nhập kho đưa bán ngay chính là giá thành sản xuất thực tế của thành phẩm xuất kho hoặc giá thành sản xuất thực tế của thành phẩm hoàn thành.

- Đối với DN thương mại: Trị giá vốn của hàng xuất kho để bán bao gồm: Trị giá mua thực tế của hàng xuất kho để bán và chi phí mua hàng phân bổ cho số hàng đã bán.

Trong đó:

+ Trị giá mua thực tế của hàng xuất kho để bán được xác định theo một phương pháp tính giá trị giá hàng tồn kho.

+ Chi phí mua hàng phân bổ cho số hàng đã bán: Do chi phí mua hàng liên quan đến nhiều chủng loại hàng hóa, liên quan cả đến khối lượng hàng hóa trong kỳ và hàng hóa đầu kỳ, cho nên cần phân bổ chi phí mua hàng cho hàng đã bán trong kỳ và hàng tồn kho cuối kỳ.

Theo chuẩn mực 02 – hàng tồn kho ban hành và công bố theo QĐ số 149/2001/QĐ – BTC ngày 31/12/2001. Việc tính trị giá mua thực tế của hàng xuất kho để bán được tính theo một trong bốn phương pháp sau:

➤ **Phương pháp bình quân gia quyền:**

$$\begin{array}{ccccc} \text{Trị giá thực tế} & & \text{Lượng} & & \text{Giá đơn vị bình} \\ \text{hàng xuất kho} & = & \text{xuất kho} & \times & \text{quân gia quyền} \end{array}$$

Giá đơn vị bình quân gia quyền có thể được tính theo hai cách:

• **Giá đơn vị bình quân gia quyền cả kỳ:**

$$\begin{array}{ccccc} \text{Giá đơn vị} & & \text{Trị giá hàng tồn} & + & \text{Trị giá hàng nhập} \\ \text{bình quân gia} & = & \text{đầu kỳ} & & \text{trong kỳ} \\ \text{quyền cả kỳ} & & \text{Lượng hàng tồn} & + & \text{Lượng hàng nhập} \\ & & \text{đầu kỳ} & & \text{trong kỳ} \end{array}$$

• **Giá đơn vị bình quân gia quyền liên hoàn:**

$$\begin{array}{ccccc} \text{Giá đơn vị bình quân gia} & = & \text{Trị giá hàng tồn sau lần nhập } i & & \\ \text{quyền sau lần nhập } i & & \text{Lượng hàng tồn sau lần nhập } i & & \end{array}$$

➤ **Phương pháp nhập trước – xuất trước:**

Theo phương pháp này kế toán xác định đơn giá thực tế nhập kho của từng lần nhập và giả thiết rằng hàng nào nhập trước thì xuất trước. Như vậy, đơn giá xuất

kho là đơn giá của mặt hàng nhập trước và giá tồn cuối kỳ là đơn giá của những lần nhập sau cùng.

➤ **Phương pháp nhập sau - xuất trước:**

Theo phương pháp này kế toán theo dõi đơn giá của từng lần nhập và giá thiết hàng nào nhập sau sẽ xuất trước. Căn cứ vào số lượng xuất kho, kế toán tính giá xuất kho theo nguyên tắc trước hết lấy đơn giá của lần nhập sau cùng, số lượng còn lại tính theo đơn giá của các lần nhập trước đó. Như vậy giá thực tế tồn cuối kỳ là giá của các lần nhập đầu tiên.

➤ **Phương pháp đích danh:**

DN quản lý phải theo dõi vật liệu, công cụ dụng cụ, hàng hoá nhập theo từng lô hàng, từng mặt hàng một cách chi tiết. Khi xuất kho thì kế toán căn cứ vào đơn giá thực tế nhập và số lượng nhập của hàng hoá đó để tính giá thực tế xuất kho.

b. Chứng từ và sổ sách sử dụng:

Các chứng từ sử dụng:

- Phiếu xuất kho
- Bảng kê mua hàng

Sổ sách sử dụng:

- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái tài khoản 632
- Bảng cân đối số phát sinh
- Báo cáo tài chính

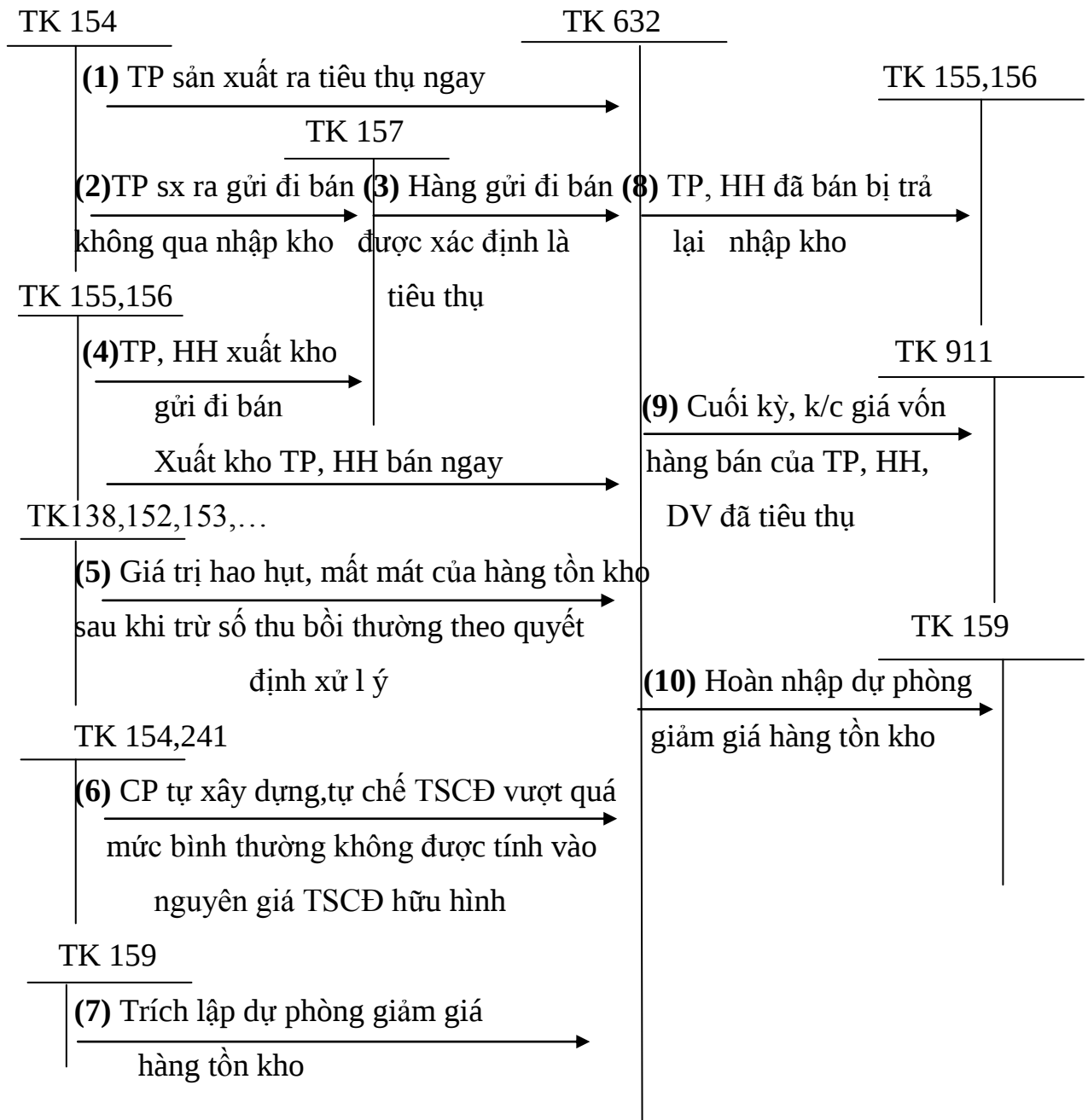
c. Tài khoản sử dụng:

Kế toán sử dụng TK 632 – Giá vốn hàng bán.

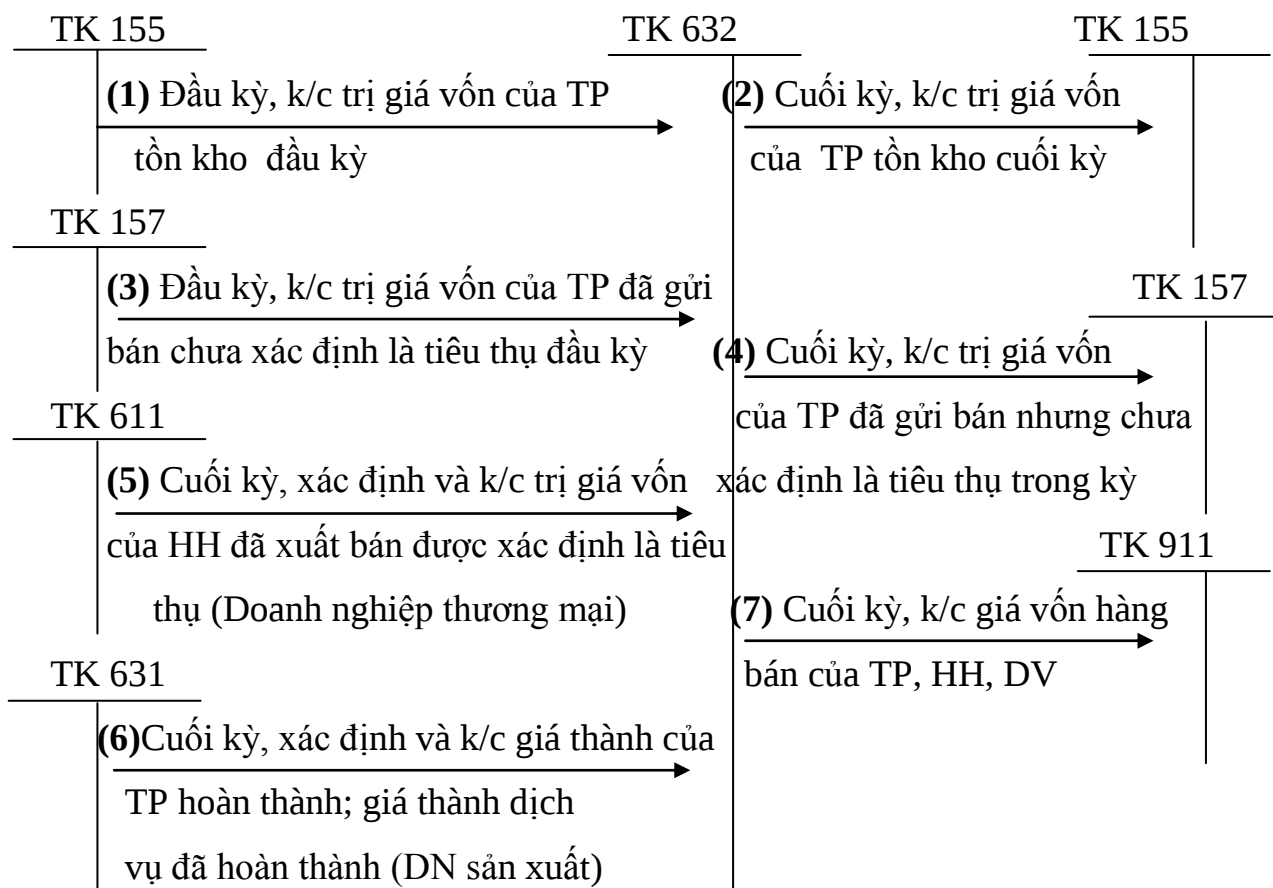
d. Phương pháp hạch toán:

- Sơ đồ 1.9: Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên (Trang 17)
- Sơ đồ 1.10: Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ (Trang 18)

Sơ đồ 1.8: Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên



Sơ đồ 1.9: Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ



1.2.2.2 Tổ chức công tác kế toán chi phí bán hàng

Trong kế toán tài chính, phục vụ yêu cầu cung cấp thông tin kế toán, CPBH thực tế phát sinh trong kỳ được phân loại và tập hợp theo các yếu tố chi phí. Cuối kỳ, kế toán CPBH cần được phân bổ và kết chuyển để xác định kết quả kinh doanh. Việc phân bổ và kết chuyển chi phí này tùy vào từng loại hình DN và đặc điểm sản xuất kinh doanh

Chi phí bán hàng bao gồm: Chi phí nhân viên bán hàng, chi phí vật liệu bao bì, chi phí dụng cụ đồ dùng, chi phí khấu hao tài sản cố định, chi phí bảo hành sản phẩm, chi phí bằng tiền khác.

a. Chứng từ và sổ sách sử dụng:

✓ *Chứng từ kế toán sử dụng:*

- Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội (Mẫu số 11 – LĐTL)
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ (Mẫu số 06 – TSCĐ)
- Bảng phân bổ nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ (Mẫu số 07 – VT)

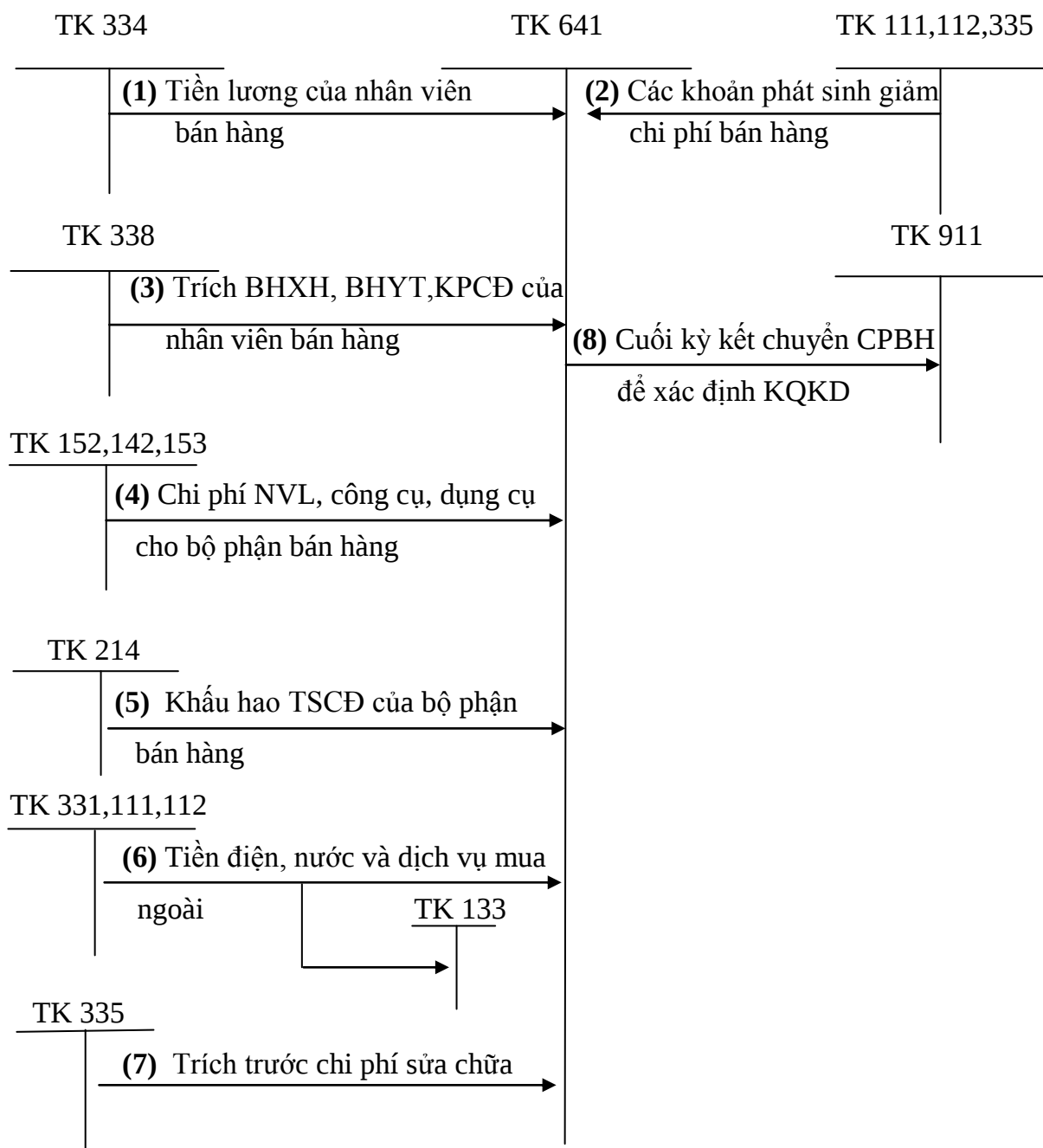
- Hoá đơn GTGT (Mẫu số 01 GTKT – 3LL)
- Phiếu chi (Mẫu số 02 – TT), Giấy báo nợ tiền gửi ngân hàng
- ✓ *Sổ sách kế toán sử dụng:* Sổ chi tiết tài khoản 641, Sổ nhật ký chung, Sổ cái tài khoản 641

b. Tài khoản sử dụng:

- Kế toán sử dụng TK 641 – “Chi phí bán hàng”

c. Phương pháp hạch toán

Sơ đồ 1.10: Sơ đồ hạch toán chi phí bán hàng



1.2.2.3 Tổ chức công tác kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp là chi phí gián tiếp của hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, nó ảnh hưởng rất lớn đến kết quả kinh doanh cuối kỳ. Vì vậy, cần xác định chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ cho hợp lý.

Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm: Chi phí nhân viên quản lý, chi phí vật liệu quản lý, chi phí đồ dùng văn phòng, chi phí khấu hao tài sản cố định, thuế, phí, lệ phí, chi phí dự phòng, chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác.

a. Chứng từ và sổ sách sử dụng:

✓ Chứng từ kế toán sử dụng:

- Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội (Mẫu số 11 – LĐTL)
- Bảng phân bổ nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ (Mẫu số 07 – VT)
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ (Mẫu số 06 – TSCĐ)
- Phiếu chi (Mẫu số 02 – TT)
- Hoá đơn GTGT (Mẫu số 01 GTKL – 3LL)
- Hoá đơn thông thường (Mẫu số 02 GTGT – 3LL)
- Giấy báo nợ tiền gửi ngân hàng

✓ Sổ sách kế toán sử dụng:

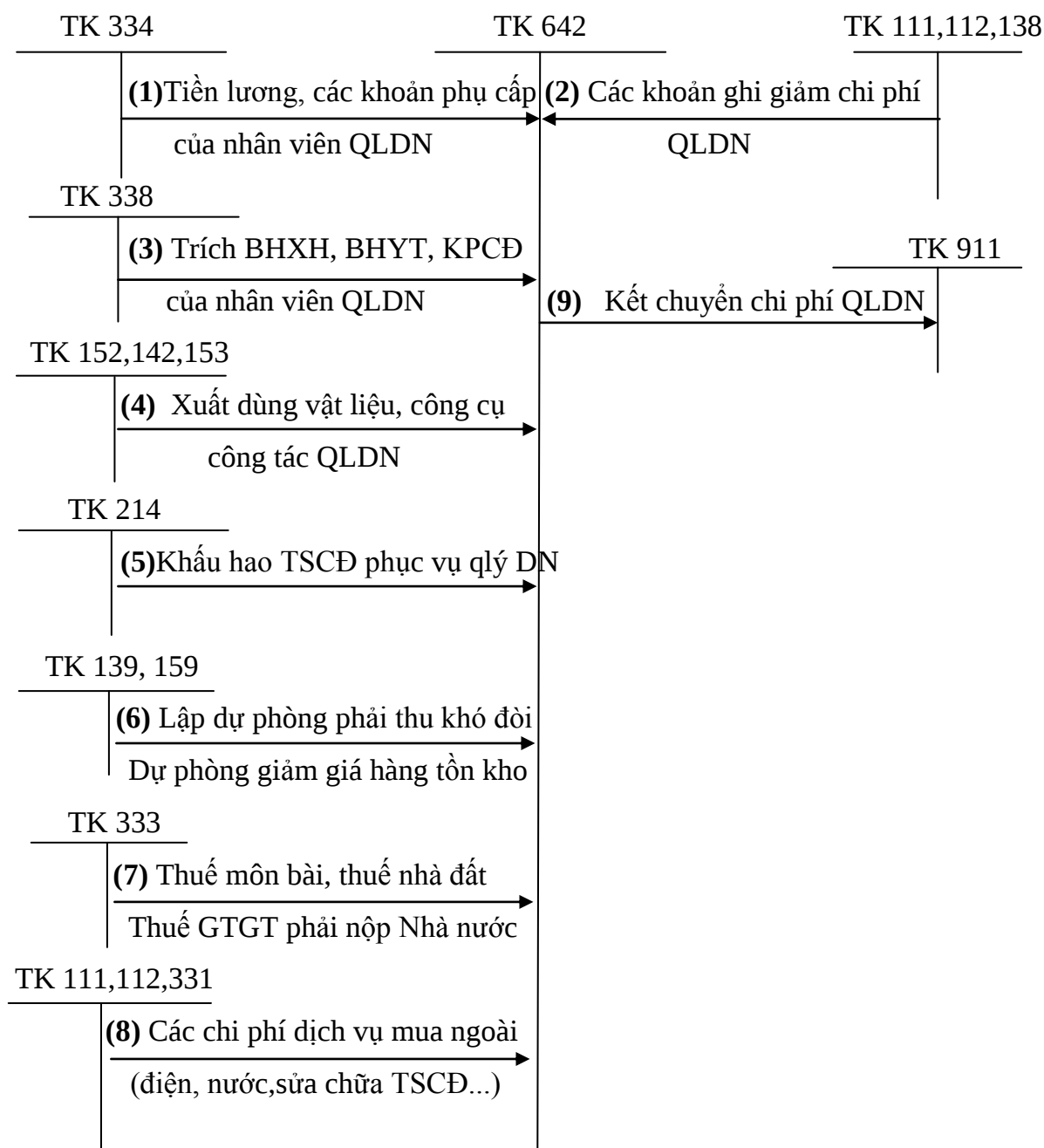
- Sổ chi tiết tài khoản 642
- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái tài khoản 642

b. Tài khoản sử dụng:

- TK 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp. TK 642 có 8 TK cấp 2 như sau:
 - + TK 6421: Chi phí nhân viên quản lý.
 - + TK 6422: Chi phí vật liệu quản lý.
 - + TK 6423: Chi phí đồ dùng văn phòng.
 - + TK 6424: Chi phí khấu hao TSCĐ.
 - + TK 6425: Thuế, phí và lệ phí.
 - + TK 6426: Chi phí dự phòng
 - + TK 6427: Chi phí dịch vụ mua ngoài.
 - + TK 6428: Chi phí bằng tiền khác

c. Phương pháp hạch toán:

Sơ đồ 1.11: Sơ đồ hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp



1.2.2.4 Tổ chức công tác kế toán thuế chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp:

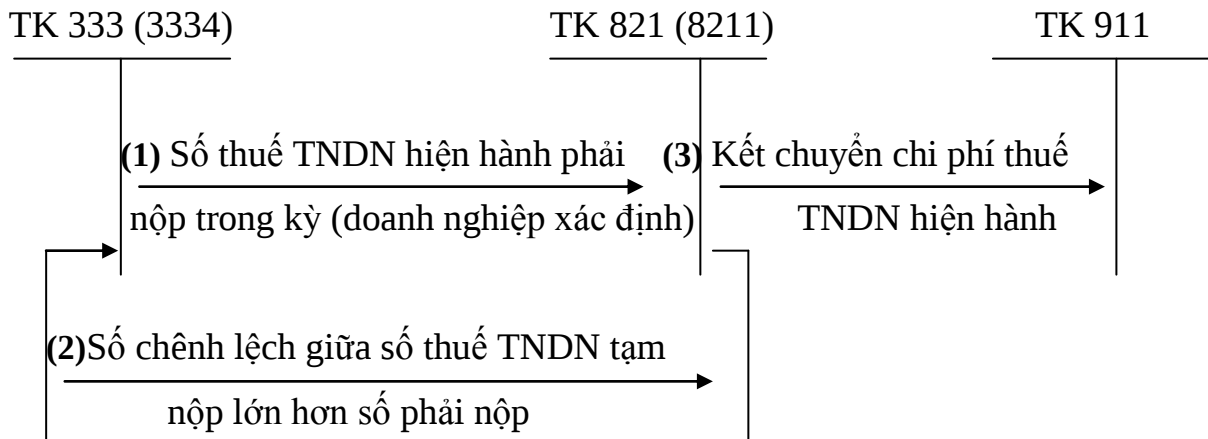
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành

❖ Tài khoản kế toán sử dụng:

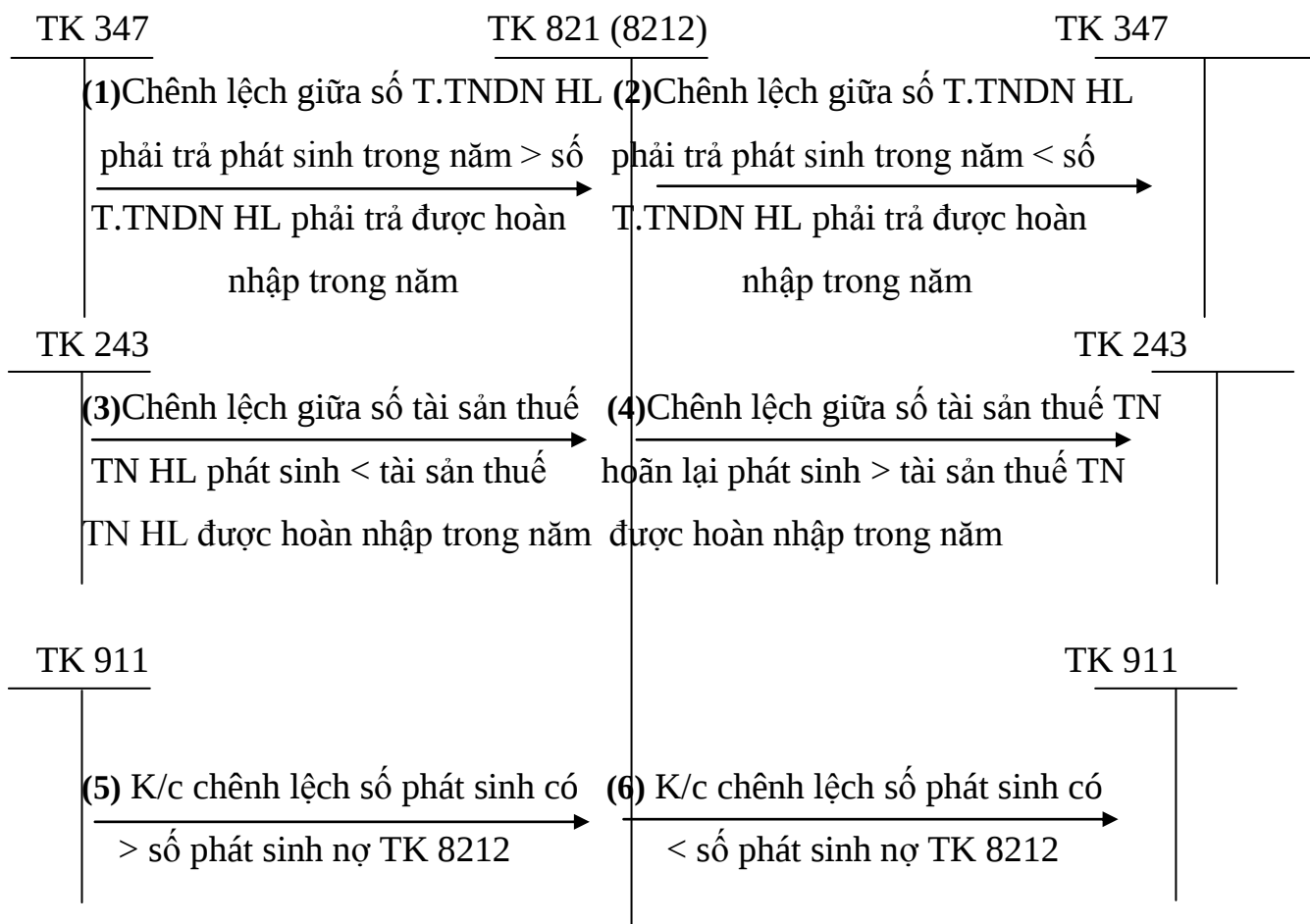
- TK 821 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

❖ **Phương pháp hạch toán:**

Sơ đồ 1.12: Sơ đồ hạch toán thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.



Sơ đồ 1.13: Sơ đồ hạch toán thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (TNDN HL)



1.2.2.5 Tổ chức công tác kế toán chi phí tài chính

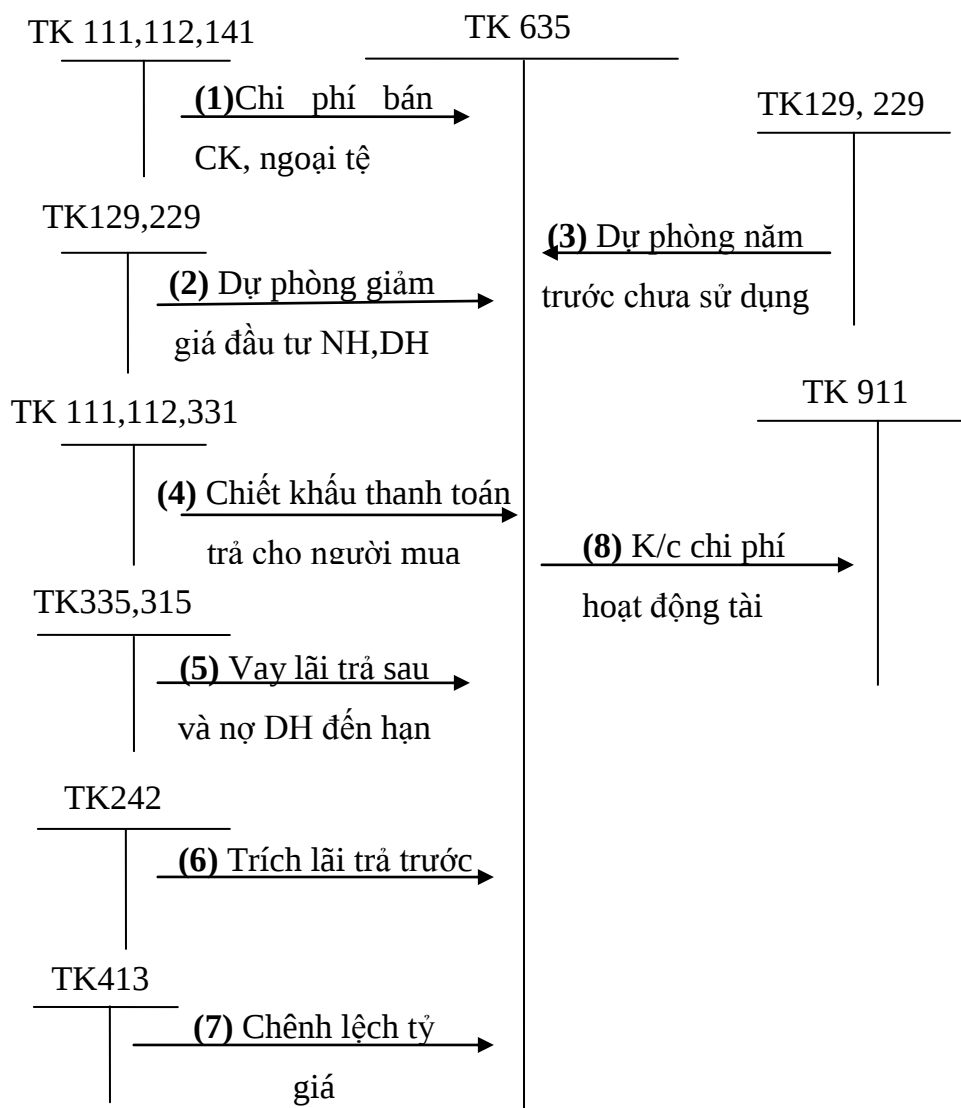
Chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán,...; khoản lập và hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, đầu tư khác, khoản lỗ về chênh lệch tỷ giá ngoại tệ và bán ngoại tệ,...

❖ Tài khoản sử dụng:

- Kế toán sử dụng TK 635 – Chi phí tài chính

❖ Phương pháp hạch toán:

Sơ đồ 1.14: Sơ đồ hạch toán một số nghiệp vụ kinh tế chủ yếu của TK 635



1.2.2.6 Chi phí khác

➤ **Chi phí khác phát sinh, gồm:**

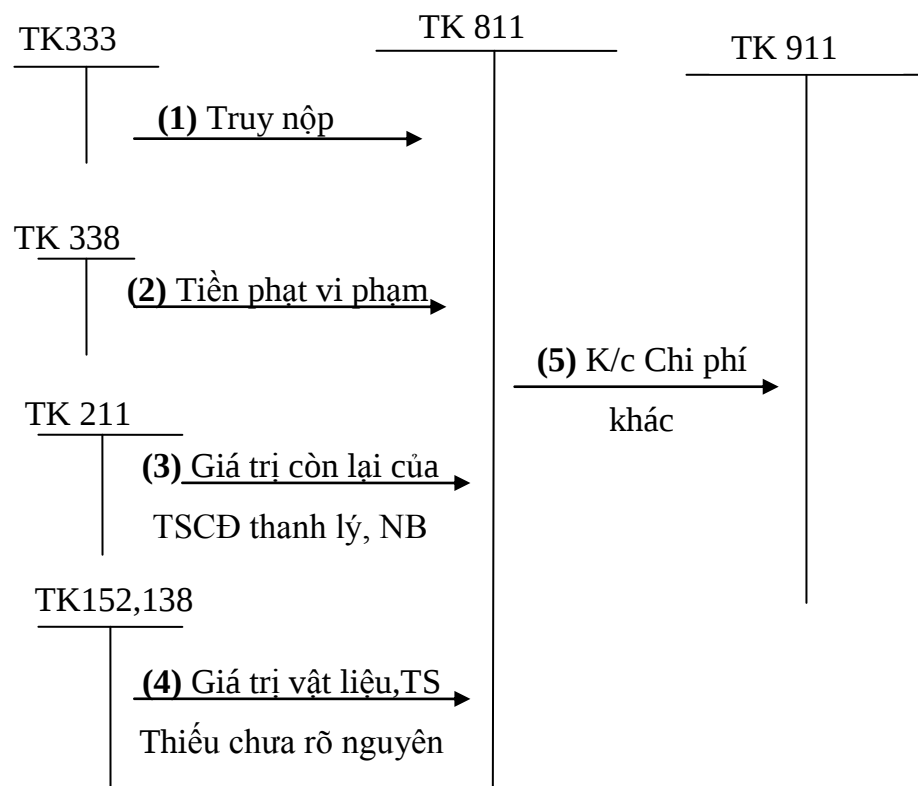
- Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán TSCĐ (nếu có);
- Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế;
- Bị phạt thuế, truy nộp thuế;
- Các khoản chi phí do kế toán bị nhầm, hoặc bỏ sót khi ghi sổ kế toán;
- Các khoản chi phí khác.

➤ **Tài khoản sử dụng:**

Kế toán sử dụng TK 811 – Chi phí khác.

➤ **Phương pháp hạch toán:**

Sơ đồ 1.15 Sơ đồ hạch toán một số nghiệp vụ kinh tế của TK 811



1.2.3 Tổ chức công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh (bán hàng)

1.2.3.1 Kết quả bán hàng

Kết quả bán hàng là mối quan tâm hàng đầu của mọi doanh nghiệp hoạt động trong nền kinh tế thị trường và là mục tiêu cuối cùng của hoạt động kinh doanh, kết

quả kinh doanh tốt là điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp mở rộng quy mô kinh doanh của doanh nghiệp, tăng sức cạnh tranh, kiểm định vị thế của mình trên thương trường kết quả không tốt do trình độ quản lý thấp, không có năng lực trong kinh doanh, sẽ đưa hoạt động của doanh nghiệp bị đình trệ và cuối cùng đi đến phá sản.

- Kết quả hoạt động kinh doanh thông thường là kết quả từ những hoạt động tạo ra doanh thu của doanh nghiệp như hoạt động bán hàng, cung cấp dịch vụ, hoạt động tài chính

- Kết quả bán hàng chính là kết quả hoạt động kinh doanh chính và được biểu hiện dưới chỉ tiêu lợi nhuận gộp và lợi nhuận thuần về bán hàng

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Kết quả} & = & \text{Doanh thu} & & \text{Giá vốn} & & \text{Chi phí} \\ \text{bán hàng} & & \text{thuần} & - & \text{hàng bán} & - & \text{bán hàng} \\ & & & & & & \text{Chi phí quản lý} \\ & & & & & & \text{doanh nghiệp} \end{array}$$

Trong đó:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Doanh thu} & = & \text{Tổng DT tiêu} & & \text{Giảm giá hàng bán,} & & \text{Thuế xuất khẩu,} \\ \text{thuần} & & \text{thụ hàng hoá} & - & \text{hàng bán bị trả lại} & - & \text{thuế nhập khẩu} \end{array}$$

1.2.3.2 Nhiệm vụ của kế toán xác định kết quả bán hàng

Nhận biết tầm quan trọng của việc xác định kết quả đòi hỏi kế toán xác định kết quả phải thực hiện những nhiệm vụ sau:

- Ghi chép chính xác các chi phí phát sinh trong kỳ, phân bổ đúng cho các đối tượng chịu chi phí

- Cung cấp thông tin chính xác, kịp thời, và chi tiết về kết quả hoạt động kinh doanh giúp lãnh đạo quản lý điều hành, xây dựng chiến lược kinh doanh, giúp cơ quan thuế kiểm tra tình hình nộp thuế thu nhập doanh nghiệp

- Thông qua việc ghi chép kế toán kết quả hoạt động kinh doanh kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch lợi nhuận từ hoạt động kết quả kinh doanh của doanh nghiệp

1.2.3.3 Chứng từ và tài khoản sử dụng:

➤ *Chứng từ sử dụng:* Căn cứ vào sổ theo dõi chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, giá vốn hàng bán, doanh thu cuối kỳ kết chuyển xác định kết quả kinh doanh và một số các số liên quan khác

➤ *Tài khoản sử dụng*

- TK 911: Xác định kết quả kinh doanh - TK khoản này sử dụng để xác định

kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

- Nguyên tắc hạch toán TK 911:

+ TK này phản ánh đầy đủ, chính xác kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của kì hạch toán theo đúng quy định của cơ chế quản lý tài chính.

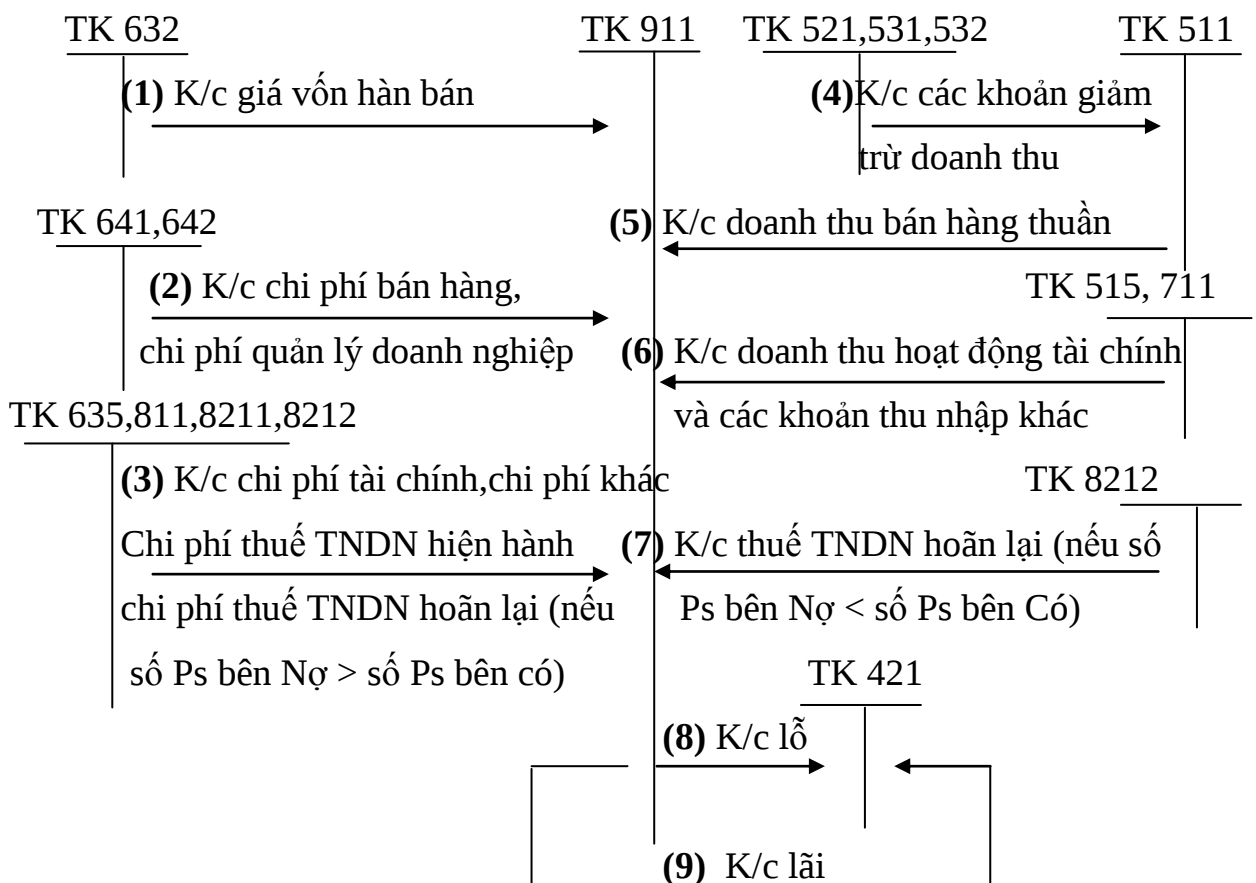
+ Kết quả hoạt động kinh doanh phải được hạch toán chi tiết theo từng loại hoạt động.

+ Trong từng loại hoạt động kinh doanh có thể cần hạch toán chi tiết cho từng loại sản phẩm, từng ngành hàng, từng loại, từng khâu, lao vụ, dịch vụ.

+ Các khoản doanh thu và thu nhập được kết chuyển vào TK này là số doanh thu thuần và thu nhập thuần

1.2.3.4 Phương pháp hạch toán:

Sơ đồ 1.16: Hạch toán kết quả hoạt động sản xuất – kinh doanh (bán hàng)



1.3 HỆ THỐNG SỔ KẾ TOÁN VÀ HÌNH THỨC KẾ TOÁN SỬ DỤNG TẠI CÁC DOANH NGHIỆP

Doanh nghiệp phải căn cứ vào quy mô, đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh, yêu cầu quản lý, trình độ nghiệp vụ của cán bộ kế toán, điều kiện trang thiết

bị kỹ thuật tính toán, lựa chọn một hình thức kế toán phù hợp và phải tuân thủ theo đúng quy định của hình thức sổ kế toán đó. Doanh nghiệp được áp dụng một trong 5 hình thức kế toán như sau:

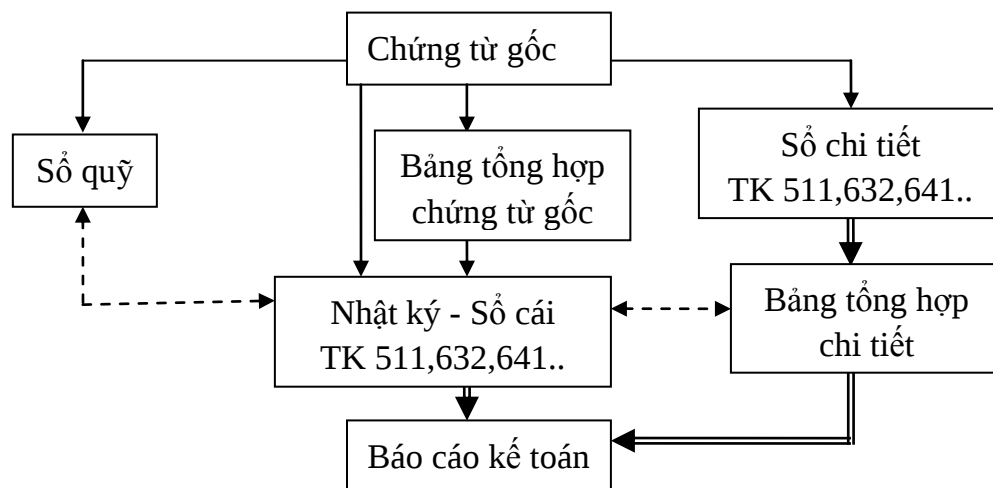
- * **Ghi chú:** $\longrightarrow$: Ghi hàng ngày (định kỳ).
 $\Longrightarrow$: Ghi vào cuối tháng (hoặc định kỳ).
 $\longleftrightarrow$: Đối chiếu, kiểm tra.

1.3.1 Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán nhật ký - sổ cái: các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế (theo tài khoản kế toán) trên cùng một sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ nhật ký - sổ cái. Căn cứ vào sổ nhật ký – sổ cái là các chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

Hình thức kế toán nhật ký - sổ cái gồm các loại sổ kế toán sau:

- Nhật ký, sổ cái
- Các sổ,thẻ kế toán chi tiết



Sơ đồ 1.17: Trình tự hạch toán theo hình thức Nhật ký - Sổ cái

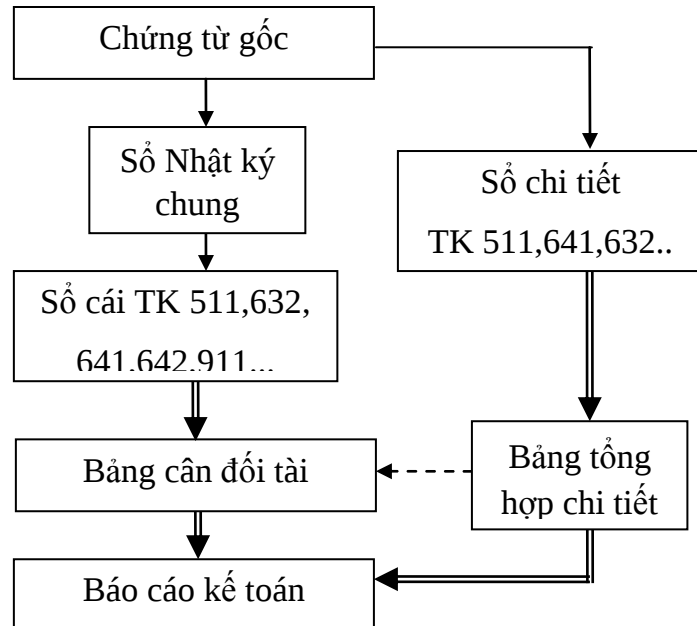
1.3.2 Hình thức kế toán Nhật ký chung

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán nhật ký chung: Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ nhật ký mà trọng tâm là sổ nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định

khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ nhật ký chung để ghi sổ cái cho từng nghiệp vụ phát sinh

Hình thức kế toán nhật ký chung gồm các loại sổ chủ yếu sau:

- + Sổ nhật ký chung, sổ nhật ký đặc biệt
- + Sổ cái
- + Các sổ, thẻ kế toán chi tiết



Sơ đồ 1.18: Trình tự hạch toán theo hình thức Nhật ký chung

1.3.3 Hình thức kế toán Nhật ký chứng từ

Tập hợp và hệ thống hóa các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên có của các tài khoản kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ kinh tế đó theo các tài khoản đối ứng nợ.

Kết hợp chặt chẽ việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian với việc hệ thống hóa các nghiệp vụ theo nội dung kinh tế (theo TK).

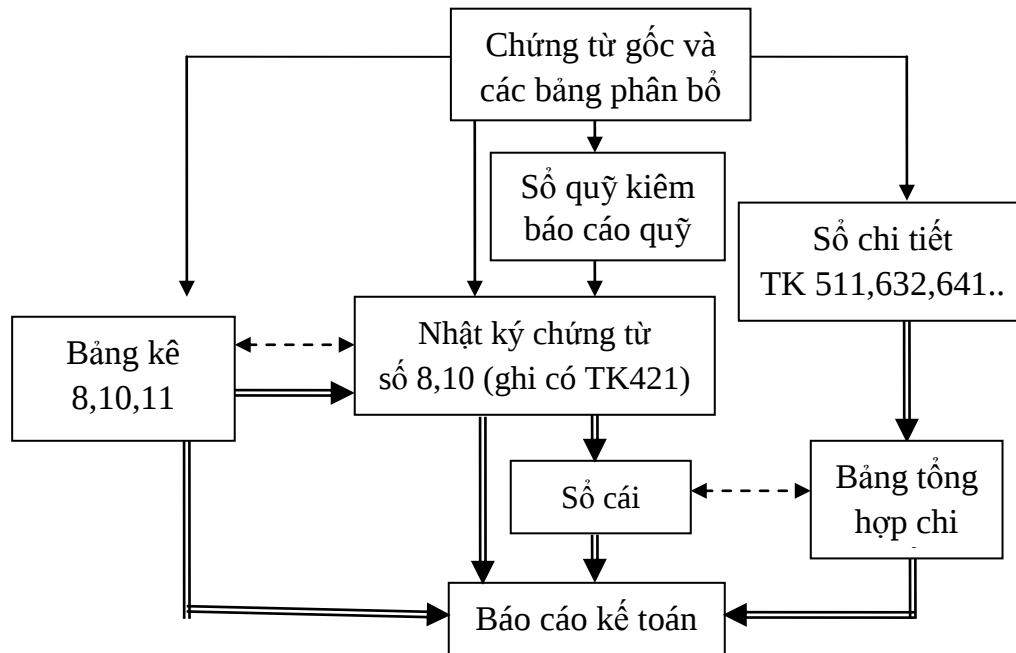
Kết hợp rộng rãi việc hạch toán tổng hợp với hạch toán chi tiết trên cùng một sổ kế toán và trong cùng một quá trình ghi chép.

Sử dụng các mẫu sổ in sẵn có quan hệ đối ứng tài khoản, chỉ tiêu quản lý kinh tế, tài chính và lập báo cáo tài chính

Hình thức kế toán nhật ký – chứng từ gồm các loại sổ kế toán sau:

- + Nhật ký chứng từ

- + Bảng kê
- + Sổ cái
- + Sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết



Sơ đồ 1.19: Trình tự hạch toán theo hình thức Nhật ký chứng từ.

1.3.4 Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là “chứng từ ghi sổ”. Việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm:

Ghi theo trình tự thời gian trên sổ đăng ký chứng từ ghi sổ

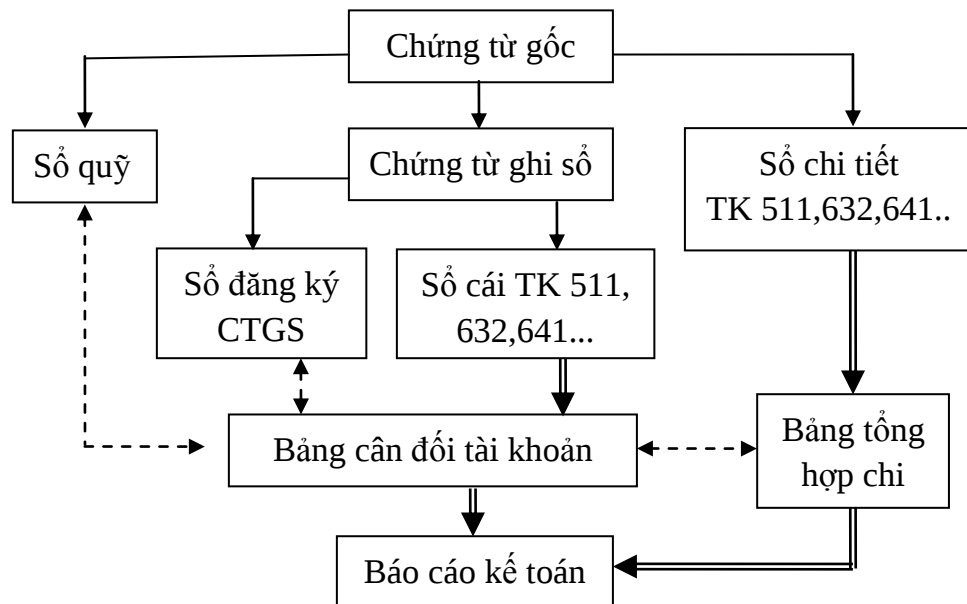
Ghi theo nội dung kinh tế trên sổ cái

Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế.

Chứng từ ghi sổ được đánh số theo từng tháng hoặc cả năm (theo số thứ tự trong sổ đăng ký chứng từ ghi sổ) và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.

Hình thức kế toán chứng từ ghi sổ gồm các loại sổ kế toán sau:

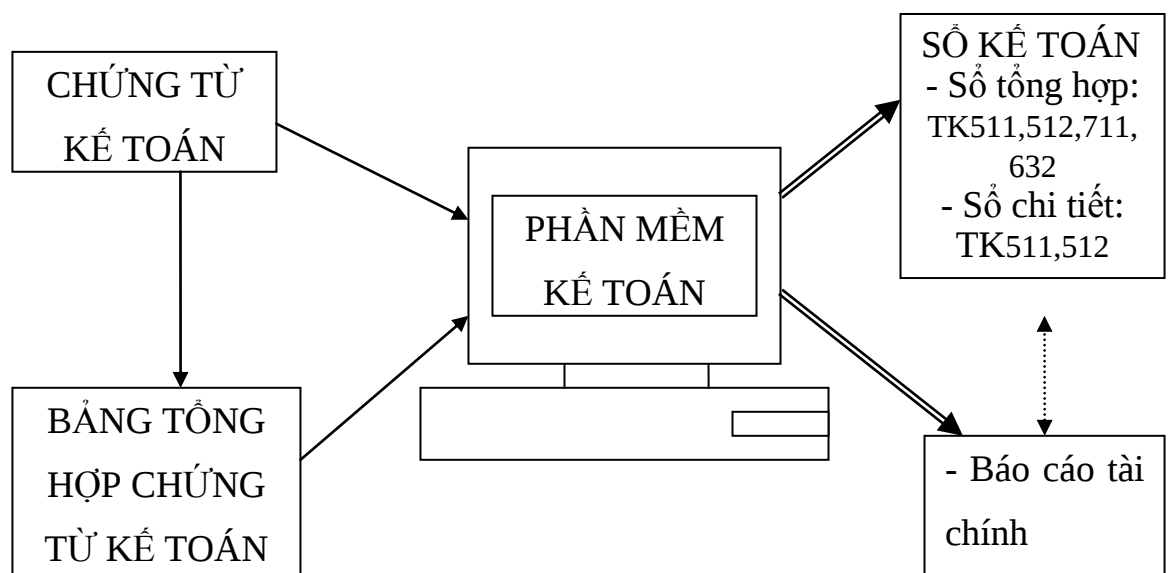
- + Chứng từ ghi sổ
- + Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ
- + Sổ cái
- + Các sổ, thẻ kế toán chi tiết



Sơ đồ 1.20: Trình tự hạch toán theo hình thức Chứng từ ghi sổ

1.3.5 Hình thức kế toán trên máy Vi tính

Đặc trưng cơ bản của kế toán trên máy vi tính là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán trên máy vi tính được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiện thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán. Nhưng phải được in đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.



Sơ đồ 1.21: Trình tự kế toán theo hình thức trên máy vi tính

Chương 2

THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN VINAWAY

2.1 ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH CHUNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN VINAWAY

2.1.1. Giới thiệu chung về công ty

- ❖ Tên giao dịch Tiếng Việt: **Công ty Cổ phần VINAWAY**
- ❖ Tên giao dịch Tiếng Anh: **VINAWAY Joint Stock Company**
- ❖ Tên viết tắt : **VINAWAY, JSC**
- ❖ Trụ sở : Tầng 15, nhà B, Tòa nhà Bộ Tổng Tham mưu, TP. Hà Nội
- ❖ Chi nhánh : 144/10A1 Điện Biên Phủ, P.25, Q.Bình Thạnh, TP.HCM
- ❖ Tel : (84-4) 2248 9668 – 6650 9100
- ❖ Fax : (84-4) 2228 3530
- ❖ Email : **contact@vinaway.com**
- ❖ Website : <http://www.vinaway.com.vn> – <http://www.thietkewebvn.net>
- ❖ Slogan : **NÂNG TẦM CUỘC SỐNG**

2.1.2 Quá trình hình thành và phát triển của doanh nghiệp:

Công ty Cổ phần VINAWAY là đơn vị được thành lập theo Quyết định số 1505/2002 ngày 13 tháng 03 năm 2002 của Bộ Thương Mại. Với số vốn điều lệ đăng ký ban đầu 50 tỷ. Và được Sở kế hoạch Đầu tư thành phố Hà Nội cấp giấy đăng ký kinh doanh số 0103021637 ngày 01/04/2002, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 09/11/2005.

Nhằm đáp ứng nhu cầu của xã hội trước sự bùng nổ của Internet, VINAWAY tập trung cung cấp Dịch vụ Thiết kế website, Quảng bá website và Cung ứng các Phần mềm ứng dụng trên môi trường Internet. VINAWAY cung cấp các sản phẩm trên nền tảng và các ứng dụng trên môi trường Website như thông tin trực tuyến e-News, thương mại điện tử e-Commerce (**TMDT**) và các giải pháp đặc thù cho các tổ chức, doanh nghiệp (ERP)...

Đáp ứng nhu cầu mở rộng về quy mô và phạm vi hoạt động, VINAWAY đã mở thêm chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh và có hệ thống phân phối ở khắp

các tỉnh thành trong cả nước bởi đối tác của VINAWAY là các công ty tin học khác thuộc nhiều địa bàn khác nhau.

VINAWAY hiện đang áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001-2000 nhằm đảm bảo hệ thống luôn được kiểm soát để cung cấp đến khách hàng những sản phẩm và dịch vụ tốt nhất.

2.1.3. Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh:

- *Hình thức sở hữu vốn:* doanh nghiệp cổ phần.
- *Lĩnh vực kinh doanh:* kinh doanh thương mại và dịch vụ
- *Ngành nghề kinh doanh:*
 - + Chuyên kinh doanh buôn bán linh kiện, thiết bị điện tử, điện lạnh.
 - + Cung cấp, tư vấn các giải pháp công nghệ thông tin
 - + Cung cấp các phần mềm du lịch, phần mềm quản trị doanh nghiệp, phần mềm về sổ liên lạc trong các trường học...
 - + Mua bán trực tuyến, quảng cáo trực tuyến, quảng cáo thương mại và phí thương mại
 - + Xây dựng và phát triển các website cộng đồng

2.1.4. Những thuận lợi, khó khăn và thành tích của doanh nghiệp:

Thuận lợi:

- Toàn thể CBNV nỗ lực làm việc với nhiệt huyết cao để nâng tầm của mỗi cá nhân, nâng tầm của tổ chức và góp phần nâng tầm của xã hội.
- Tinh thần làm việc nhóm (team-work) cùng chia sẻ và hợp tác. Mỗi cá nhân là một mắt xích không thể tách rời tạo nên một tập thể đoàn kết vững mạnh, giúp Công ty đạt được mọi mục tiêu đã đề ra.
- VINAWAY đã trúng thầu và thực hiện nhiều dự án tư vấn giải pháp thiết kế xây dựng Website, cũng như dự án phần mềm hệ thống trong các lĩnh vực khác nhau đã tạo dựng cho VINAWAY bề dày kinh nghiệm trong việc thực hiện các dự án lớn.
- Cùng với bề dày trên 5 năm kinh nghiệm và trải qua hàng trăm dự án thiết kế web, đội ngũ VINAWAY đã áp dụng thành công hệ thống quản trị nội dung

website do chính VINAWAY nghiên cứu và phát triển, mà không sử dụng các hệ quản trị nội dung web miễn phí có sẵn

➤ ***Khó khăn:***

- Các chi phí tăng: giá điện, giá nước, giá xăng... kéo theo sự gia tăng về chi phí đầu vào trong doanh nghiệp
- Thị trường chung đang trong thời kỳ “khát” vốn, nên các khách hàng e dè và cẩn trọng hơn khi quyết định đầu tư cho website
- Thị trường thiết kế web có tính cạnh tranh cao, trong thị trường đã có và ngày càng xuất hiện nhiều đối thủ cạnh tranh hơn.
- Hiện nay, các công ty buôn bán về thiết bị điện tử khá nhiều, dẫn đến sự cạnh tranh về các mặt hàng lớn.

➤ ***Những thành tích cơ bản mà doanh nghiệp đạt được:***

- VINAWAY đã trúng thầu và thực hiện nhiều dự án tư vấn giải pháp thiết kế xây dựng Website, cũng như dự án phần mềm hệ thống trong các lĩnh vực khác nhau đã tạo dựng cho VINAWAY bề dày kinh nghiệm trong việc thực hiện các dự án lớn.
- Bên cạnh đó, trong thời gian qua công ty cũng kinh doanh thành công nghề tay trái của mình đó là buôn bán đồ điện tử, linh kiện điện tử, điện lạnh; được nhiều công ty biết đến như là một đối tác tin cậy và hợp tác làm ăn lâu dài.

2.1.5. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của doanh nghiệp:

Bộ máy quản lý được tổ chức theo cơ cấu trực tuyến chức năng.

Công ty được phân ra các khối, phòng ban có chức năng nhiệm vụ riêng theo mục đích hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Các phòng chức năng thực hiện theo sự điều hành của ban giám đốc và có sự phối kết hợp giữa các phòng khi cần thiết trong công việc để thực hiện những mục tiêu của công ty.

Cụ thể:

- ***Tổng giám đốc:*** là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định mọi vấn đề có liên quan để hoạt động của công ty
- ***Ban giám đốc:*** Ban giám đốc của công ty bao gồm Giám đốc và Phó GD

+ ***Giám đốc:*** Do HĐQT bổ nhiệm, là người điều hành hoạt động của công ty và chịu trách nhiệm trước HĐQT về việc thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao. Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của công ty.

+ ***Phó giám đốc:*** Thực hiện các nhiệm vụ do Giám đốc phân công hoặc ủy quyền. Cụ thể giúp Giám đốc điều hành toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh trong công ty. Tham mưu cho Giám đốc trong việc bố trí nhân sự phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh của công ty, đề xuất các chiến lược kinh doanh....

- *Khối kinh doanh:*

+ ***Phòng kinh doanh:*** Phòng kinh doanh có nhiệm vụ tiến hành xây dựng triển khai thực hiện các kế hoạch kinh doanh, tổng hợp và phân tích kết quả hoạt động kinh doanh của công ty. Bên cạnh đó, phòng kinh doanh còn phụ trách giao dịch thương thảo, ký kết các hợp đồng với khách hàng. Tổ chức hoạt động Marketing để duy trì và mở rộng thị trường, đa dạng các hình thức dịch vụ, tăng hiệu quả kinh doanh.

Trưởng phòng kinh doanh: điều hành phòng kinh doanh, có nhiệm vụ nắm bắt nhu cầu của khách hàng, điều hành hoạt động đàm phán, tư vấn theo kế hoạch và theo đơn đặt hàng với các đối tác, thống kê báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty.

+ ***Phòng chăm sóc khách hàng:*** thực hiện nhiệm vụ tìm kiếm khách hàng từ các nguồn khác nhau, xây dựng cơ sở dữ liệu về khách hàng.

- ***Khối kỹ thuật:*** có nhiệm vụ chuyển giao sản phẩm đến tay khách hàng, hướng dẫn sử dụng, hỗ trợ kỹ thuật cho khách hàng, nghiệm thu và thanh lý hợp đồng, bảo trì và hỗ trợ khách hàng sử dụng website

Trưởng phòng kỹ thuật có nhiệm vụ lên kế hoạch, triển khai các công việc thiết kế website. Xây dựng các phần mềm ứng dụng. Đồng thời giám sát sự hoạt động của các bộ phận:

+ ***Biên tập tin:*** thu thập thông tin, dữ liệu, xây dựng bộ cục giao diện

+ ***Quản trị mạng :*** thiết kế các hệ thống mạng an toàn, nâng cao tính bảo mật, nắm lòng các kỹ thuật xâm nhập cũng như các biện pháp phòng chống tấn công hiệu quả

+ **Quản lý chất lượng sản phẩm:** Hướng dẫn và xác định các yêu cầu về chất lượng (hay các tiêu chí xác định chất lượng) đối với sản phẩm trên từng công đoạn, thao tác sản xuất ở tại mỗi bộ phận chức năng. Xác định mức độ quan trọng của mỗi tiêu chí, thiết lập biểu mẫu kiểm soát với tần suất thích hợp tại mỗi bộ phận chức năng; Đào tạo tập huấn cho nhân viên về cách thức đạt được các tiêu chí chất lượng, tuân thủ quy trình thực hiện và kiểm soát;

- **Khối chức năng:** Bao gồm 4 bộ phận chia thành các phòng ban riêng:

+ **Phòng nhân sự:** Quản lý, bố trí nhân sự, tham gia lập kế hoạch lao động tiền lương, kế hoạch lao động... đáp ứng kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty. Lập quy hoạch cán bộ trước mắt và lâu dài; lập kế hoạch và thực hiện việc đào tạo, bồi dưỡng phát triển cán bộ và lao động. Đồng thời đảm bảo chế độ cho người lao động theo chế độ chính sách hiện hành. Phối hợp với các đơn vị, phòng ban liên quan để soạn thảo các quy chế hoạt động của Công ty và của các đơn vị.

+ **Phòng hành chính:** Tham mưu giúp việc cho giám đốc về công tác cán bộ, sắp xếp bố trí cán bộ công nhân viên đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh đề ra. Đảm bảo cho các bộ phận, cá nhân trong Công ty thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ đạt hiệu quả trong công việc. Các bộ phận thực hiện đúng nhiệm vụ tránh chồng chéo. Đảm bảo tuyển dụng và xây dựng, phát triển đội ngũ CBCNV theo yêu cầu, chiến lược của Công ty.

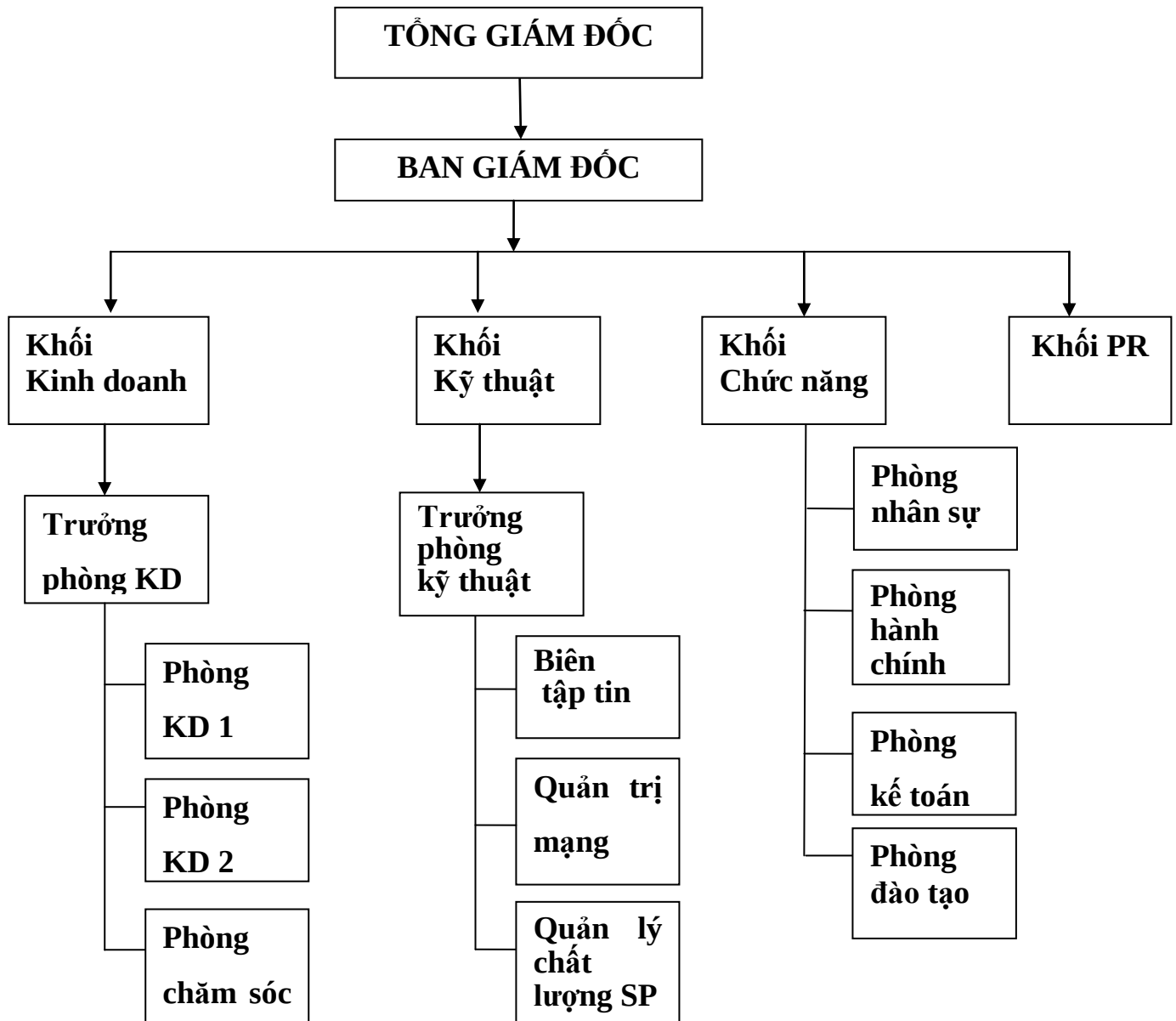
+ **Phòng kế toán:** Hạch toán, thống kê các hoạt động sản xuất kinh doanh theo quy định của nhà nước. Tham mưu giúp việc cho Giám đốc thực hiện nghiêm túc các quy định về kế toán tài chính hiện hành. Thường xuyên cung cấp cho Giám đốc về tình hình tài chính, nguồn vốn, hiệu quả sử dụng vốn. Trong đó Trưởng phòng tài chính kế toán giúp Giám đốc chỉ đạo, quản lý điều hành công tác tài chính và kế toán, xúc tiến và quản lý công tác đầu tư, công tác tiền lương, thưởng và các khoản thu nhập hoặc chi trả theo chế độ, chính sách đối với người lao động.

+ **Phòng đào tạo:** Xây dựng quy hoạch phát triển, lập chương trình, kế hoạch đào tạo cán bộ nhân viên. Tổ chức nghiên cứu xác định nhu cầu đào tạo làm cơ sở xây dựng kế hoạch phát triển đào tạo dài hạn của nhân viên. Đánh giá tính phù hợp

của sản phẩm đào tạo với yêu cầu của người sử dụng lao động, tham mưu cho Giám đốc về đổi mới công tác đào tạo.

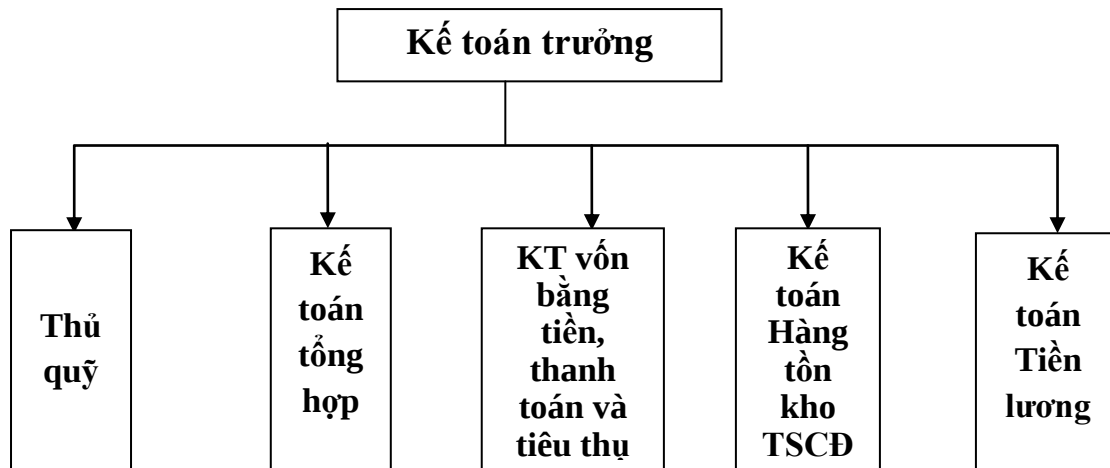
- **Khối PR:** có vai trò giúp doanh nghiệp truyền tải các thông điệp đến khách hàng và những nhóm công chúng quan trọng, đưa sản phẩm dễ đi vào nhận thức của khách hàng

Sơ đồ 2.1: Sơ đồ bộ máy quản lý điều hành của công ty cổ phần Vinaway



2.1.6 Tổ chức công tác kế toán tại công ty:

2.1.6.1 Tổ chức bộ máy kế toán:



Sơ đồ 2.2: Sơ đồ bộ máy kế toán công ty cổ phần Vinaway

❖ *Mối quan hệ của từng người và mối quan hệ giữa các kế toán:*

Công ty cổ phần Vinaway đã áp dụng hình thức tổ chức bộ máy kế toán tập trung. Sở dĩ công ty chọn hình thức này xử lý cung cấp thông tin một cách kịp thời. Mặt khác phòng kế toán của công ty với đội ngũ nhân sự đông đảo, có trình độ chuyên môn cao và được trang bị những thiết bị, phần mềm hiện đại.

Phòng kế toán trung tâm của công ty đã thực hiện toàn bộ công tác kế toán từ thu nhận ghi sổ, xử lý thông tin trên hệ thống báo cáo phân tích và tổng hợp của công ty.

Phòng kế toán của công ty hiện có 08 người và mỗi nhân viên đều được công ty trang bị một máy tính để bàn hoặc máy tính xách tay để phục vụ cho công việc hằng ngày. Mặt khác công ty còn kết nối internet nhằm giúp cán bộ công nhân viên trong công ty liên lạc cập nhập tình hình cũng như nâng cao các kiến thức xã hội, kiến thức chuyên môn. Hệ thống mạng nội bộ còn giúp các cán bộ công nhân viên trong công ty liên hệ với nhau thuận tiện, nhanh chóng và tiện lợi.

Với đội ngũ nhân viên kế toán kể trên, phòng kế toán đã chia ra thành nhiều bộ phận, bao gồm:

- *Kế toán trưởng:*

+ Là người chịu trách nhiệm trước Ban giám đốc về việc chỉ đạo tổ chức thực hiện công tác kế toán trong Công ty. Kế toán có chức năng, nhiệm vụ chỉ đạo

chung mọi hoạt động bộ máy kế toán của công ty, bao gồm các mối quan hệ tài chính với cơ quan thuế, kiểm toán, lập các bảng biểu về tình hình sản xuất kinh doanh của công ty.

+ Thường xuyên tham mưu giúp việc cho giám đốc thấy rõ mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị mình, từ đó đề ra biện pháp xử lý. Giúp cho kế toán trưởng là các cán bộ nhân viên làm việc trong văn phòng.

- **Kế toán tổng hợp:** có các nhiệm vụ sau: Kiểm tra đối chiếu số liệu giữa các đơn vị nội bộ, dữ liệu chi tiết và tổng hợp; Kiểm tra các định khoản các nghiệp vụ phát sinh. Kiểm tra sự cân đối giữa số liệu kế toán chi tiết và tổng hợp; Hạch toán thu nhập, chi phí, khấu hao, TSCĐ, công nợ, nghiệp vụ khác, thuế GTGT và báo cáo thuế khối văn phòng CT, lập quyết toán văn phòng cty; Lập báo cáo tài chính theo từng quý, 6 tháng, năm và các báo cáo giải trình chi tiết.

- **Thủ quỹ:** giữ tiền và các khoản tương đương tiền; nhập xuất tiền theo giấy tờ hợp lệ của cơ quan (phiếu chi, phiếu xuất); Lập sổ quỹ tiền mặt, sau đó đối chiếu với sổ cái tiền mặt

- **Kế toán vốn bằng tiền:** Phản ánh chính xác, kịp thời những khoản thu, chi và tình hình tăng giảm, thừa thiếu của từng loại vốn bằng tiền. Đồng thời hướng dẫn và kiểm tra việc ghi chép của thủ quỹ. Kiểm tra thường xuyên, đối chiếu số liệu củ thủ quỹ với kế toán tiền mặt để đảm bảo tính cân đối thống nhất.

- **Kế toán hàng tồn kho và tài sản cố định:** kế toán viên có nhiệm vụ theo dõi tình hình tăng, giảm của tài sản cố định và sự biến động của các khoản đầu tư dài hạn. Từ đó công ty có biện pháp cụ thể với các khoản đầu tư dài hạn và chịu trách nhiệm theo dõi hàng tồn kho lập và quản lý chứng từ liên quan về hàng tồn kho, theo dõi về chi phí sản xuất sản phẩm, tiêu thụ sản phẩm.

- **Kế toán tiền lương:** tính lương và trích các khoản theo lương kịp thời và chính xác

2.1.6.2. Đặc điểm hình thức hạch toán kế toán

✓ **Các loại sổ sách được dùng trong hình thức nhật ký chung:**

- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái

- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

✓ **Chế độ kế toán áp dụng tại công ty:**

Công ty TNHH Phát triển công nghệ đang áp dụng chế độ kế toán ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của bộ trưởng bộ Tài chính. Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Hệ thống báo cáo tài chính theo quyết định này bao gồm:

- Bảng cân đối kế toán (mẫu số B01-DN)
- Báo cáo kết quả kinh doanh (mẫu số B02-DN)
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (mẫu số 03-DN)
- Thuyết minh báo cáo tài chính (mẫu số B09-DN)

✓ **Hình thức kế toán áp dụng tại công ty:**

Căn cứ vào Quyết định số 1141/TC/QĐ/ĐKT ngày 01/11/1995, Quyết định số 167/2000/QĐ-BTC ngày 25/10/2000, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung hướng dẫn thực hiện kèm theo:

- Chế độ kế toán áp dụng: Chế độ Kế toán Việt Nam
- Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01 kết thúc vào ngày 31/12 cùng năm
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là: Đồng Việt Nam
- Phương pháp khấu hao: Theo phương pháp khấu hao đường thẳng
- Phương pháp (PP) hạch toán hàng tồn kho theo PP: kê khai thường xuyên

Hiện nay Công ty đang sử dụng phần mềm kế toán máy SAS INNOVA để thuận tiện cho các cán bộ, đặc biệt là các cán bộ nhân viên trong phòng kế toán. Đối với hạch toán trên máy vi tính, quan trọng nhất là khâu thu thập, xử lý phân loại chứng từ và định khoản kế toán. Đây là khâu đầu tiên của quy trình hạch toán trên máy vi tính và là khâu quan trọng nhất vì kế toán chỉ vào dữ liệu cho máy thật đầy đủ và chính xác, còn thông tin đầu ra như Sổ chi tiết, Sổ cái và các Báo cáo kế toán đều do máy tự xử lý thông tin, tính toán và đưa ra các bảng biểu khi cần in.

+Từ màn hình máy tính kế toán kích đúp chuột vào biểu tượng chương trình, nhập mật khẩu người sử dụng, giao diện chương trình sẽ hiện ra (Biểu số 2.3 - trang bên):

Biểu số 2.3: Giao diện phần mềm kế toán SAS INNOVA



Quy trình xử lý dữ liệu trên phần mềm kế toán Sas innova như sau:

- Khai báo các khoản danh mục chính
- Khai báo số dư đầu kỳ
- Nhập nghiệp vụ kinh tế phát sinh
- Xử lý dữ liệu
- Kiểm tra và in báo cáo

Tất cả các đối tượng cần quản lý trong doanh nghiệp đã được mã hoá, khai báo và cài đặt trong chương trình phần mềm kế toán:

1) Thông tin đầu vào: Định kỳ kế toán căn cứ vào nội dung nghiệp vụ kinh tế phát sinh được cập nhật dữ liệu vào máy theo đúng đối tượng được mã hoá, cài đặt trong phần mềm, đúng quan hệ đối ứng tài khoản. Máy sẽ tự động vào sổ chi tiết theo từng đối tượng và tự động tổng hợp ghi vào sổ cái các tài khoản có trong định khoản, bảng kê liên quan

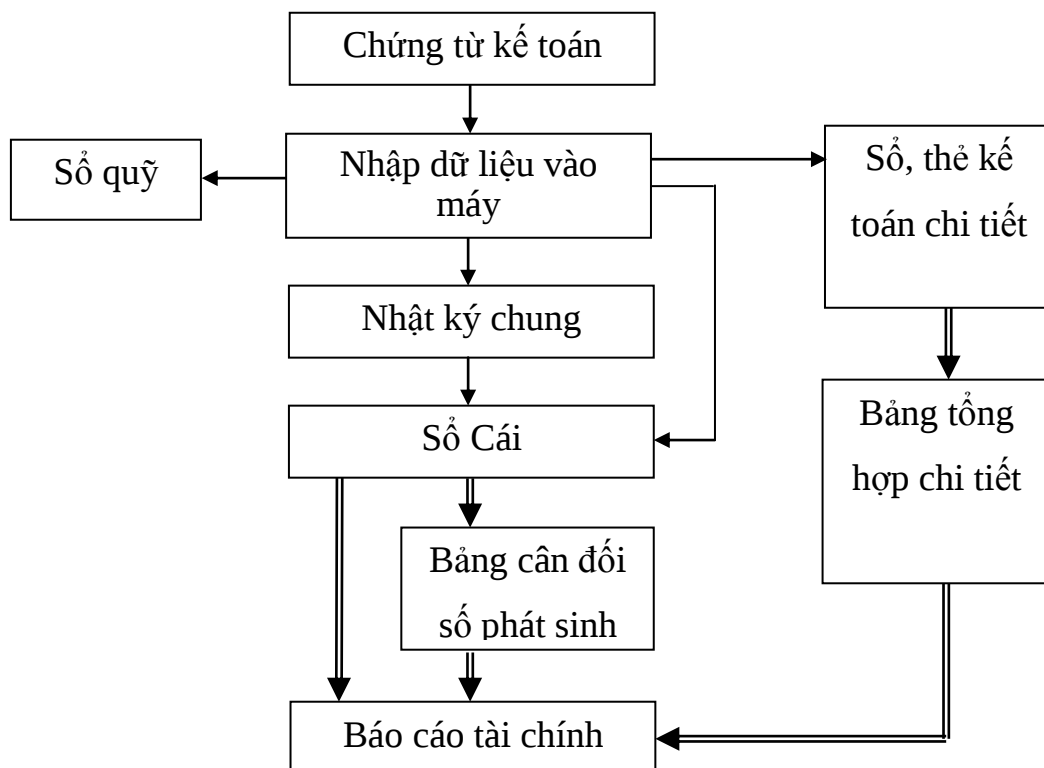
2) Chương trình được làm tự động qua các bút toán kết chuyển đã cài đặt. Khi kế toán chọn bút toán kết chuyển đúng máy tính sẽ tự động chuyển toàn bộ giá trị dư Nợ (dư Có) hiện thời của tài khoản được kết chuyển sang bên Có (bên Nợ) của tài khoản được kết chuyển

3) Thông tin đầu ra: Kế toán có thể in ra các Sổ chi tiết, Sổ cái bất cứ lúc nào các thông tin từ các nghiệp vụ đã được cập nhật. Các sổ báo cáo là kết quả bút toán kết chuyển chỉ có dữ liệu sau khi kế toán sử dụng bút toán kết chuyển tự động

4) Thông tin trên các Sổ cái tài khoản được ghi chép thường xuyên trên cơ sở cộng dồn từ các nghiệp vụ đã được cập nhật một cách tự động

Cuối niên độ, kế toán căn cứ vào Sổ cái và Bảng tổng hợp liên quan để lập Bảng cân đối kế toán và các Báo cáo kế toán theo quy định chung

Sơ đồ 2.4: Quy trình luân chuyển chứng từ tại Công ty



Ghi chú: : $\longrightarrow$: Ghi hàng ngày
 : $\Longrightarrow$: Ghi cuối tháng, cuối kỳ

**Biểu số 2.5: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty
trong 2 năm 2008-2009**

Đơn vị: VNĐ

Chỉ tiêu	Năm 2008	Năm 2009	So sánh	
			Chênh lệch	%
DT Thuần	97.699.716.009	107.158.982.595	9.459.266.586	9,68
Giá vốn hàng bán	93.592.069.835	89.623.554.610	(3968515225)	(4,24)
Lợi nhuận gộp	4.107.646.174	17.535.427.985	13.427.781.811	326,9
LN Thuần	6.769.577.137	23.007.965.354	16.238.388.217	239,87
Tổng LN KT trước thuế	7.140.623.012	23.023.587.217	15.882.964.205	222,43
CP thuế TNDN hiện hành	1.999.374.444	5.755.896.804	3.756.522.360	187,88
LN sau thuế TNDN	5.141.248.568	17.267.690.413	12.126.441.845	235,87

Qua bảng trên ta thấy doanh thu năm 2009 tăng so với năm 2008 là 9.459.266.586 tương đương 9,68%; điều này cho thấy công ty đã mở rộng sản xuất kinh doanh, công tác bán hàng được quan tâm nhiều hơn, sản phẩm đã tạo được uy tín trên thị trường. Doanh thu tăng đồng thời làm cho Lợi nhuận gộp cũng tăng lên 13.427.781.811 tương đương 326.9%. Trong năm 2009 công ty đạt tổng lợi nhuận là 23.023.587.217 tăng 15.882.964.205 tương đương với tỷ lệ 222.43%, một mức tăng khá cao. Đóng góp vào ngân sách Nhà nước 5.755.896.804 tăng 3.756.522.360 tương đương 187,88%. Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2008 chỉ đạt 5.141.248.568 nhưng năm 2009 lợi nhuận là 17.267.690.413 tăng 12.126.441.845 tương đương 235,87% . Chứng tỏ quy mô hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm 2009 là khá lớn.

2.2 THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN VIANAWAY

2.2.1 Tổ chức kế toán doanh thu tại công ty CP Vinaway

2.2.1.1 Tổ chức kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

a. Đặc điểm công tác bán hàng

Trong điều kiện hiện nay, công tác tiêu thụ sản phẩm được coi là một công tác rất quan trọng, nó quyết định sự thành bại của một doanh nghiệp. Do vậy để đẩy mạnh số lượng sản phẩm bán ra tăng lợi nhuận, công ty đã có những phương thức bán hàng khác nhau phù hợp với những khách hàng khác nhau. Bên cạnh đó, việc xác định giá bán là một nhân tố rất quan trọng đối với doanh nghiệp. Giá bán biểu thị của việc bù đắp chi phí và mang lại lợi nhuận cho doanh nghiệp. Đối với khách hàng, giá bán là biểu thị của chi phí bỏ ra. Hiểu được mối quan hệ trên, công ty đã cân nhắc và đưa giá bán phù hợp đảm bảo người mua có thể chấp nhận được.

Công ty cổ phần Vinaway tiến hành theo phương thức bán hàng trực tiếp. Theo phương thức này công ty có thể bán buôn với số lượng lớn hoặc bán lẻ với xuất bán trực tiếp cho đối tượng khách hàng có khối lượng nhỏ. Với những khách hàng mua sản phẩm thiết kế web theo hợp đồng đã ký hay mua sản phẩm khác của công ty theo đơn đặt hàng, công ty luôn đề ra chính sách giá cả phù hợp trên cơ sở giá thị trường hoặc giá đã thỏa thuận với khách hàng trong các hợp đồng mua bán trên cơ sở hai bên cùng có lợi để tạo mối quan hệ tốt với khách hàng và duy trì mối quan hệ đó lâu dài.

Các phương thức thanh toán:

- Bán hàng thu tiền ngay, thanh toán trực tiếp bằng tiền mặt: Áp dụng với khách hàng mua ít, không thường xuyên hoặc khách hàng có nhu cầu thanh toán ngay. Phương thức này giúp cho doanh nghiệp thu hồi vốn nhanh, tránh được tình trạng chiếm dụng vốn.

- Thanh toán chậm: Phương thức này áp dụng cho khách hàng thường xuyên và có uy tín với doanh nghiệp

- Thanh toán qua ngân hàng: Hình thức này được trích chuyển từ tài khoản

người phải trả sang tài khoản người được hưởng thông qua ngân hàng và phải trả lệ phí cho ngân hàng. Sau khi công ty thực hiện giao hàng xong, bản thân người bán ký phát đến ngân hàng, ngân hàng sẽ tiến hành chi trả. Đồng tiền phát sinh là tiền ghi sổ chứ không phải là tiền thực tế.

b. Chứng từ và sổ sách sử dụng:

Căn cứ vào hợp đồng kinh tế, yêu cầu của khách hàng đối với Công ty về việc mua bán các sản phẩm của Công ty, căn cứ vào thời hạn giao hàng đã thỏa thuận, khi sản phẩm xuất ra khỏi Công ty và chuyển tới khách hàng thì sản phẩm này được coi là tiêu thụ và được khách hàng chấp nhận.

Các chứng từ bao gồm:

- Phiếu xuất kho, Biên bản giao nhận hàng hóa
- Hóa đơn GTGT
- Phiếu thu
- Giấy báo có của ngân hàng

Sổ sách kế toán sử dụng:

- Bảng kê hóa đơn chứng từ hàng hóa dịch vụ bán ra
- Nhật ký bán hàng, Nhật ký chung
- Sổ cái TK 511
- Bảng cân đối phát sinh, Báo cáo tài chính

c. Tài khoản sử dụng:

- TK 511: Doanh thu bán hàng
- Trong đó TK 511 dùng để phản ánh tổng số doanh thu bán hàng thực tế của công ty

d. Phương pháp hạch toán doanh thu:

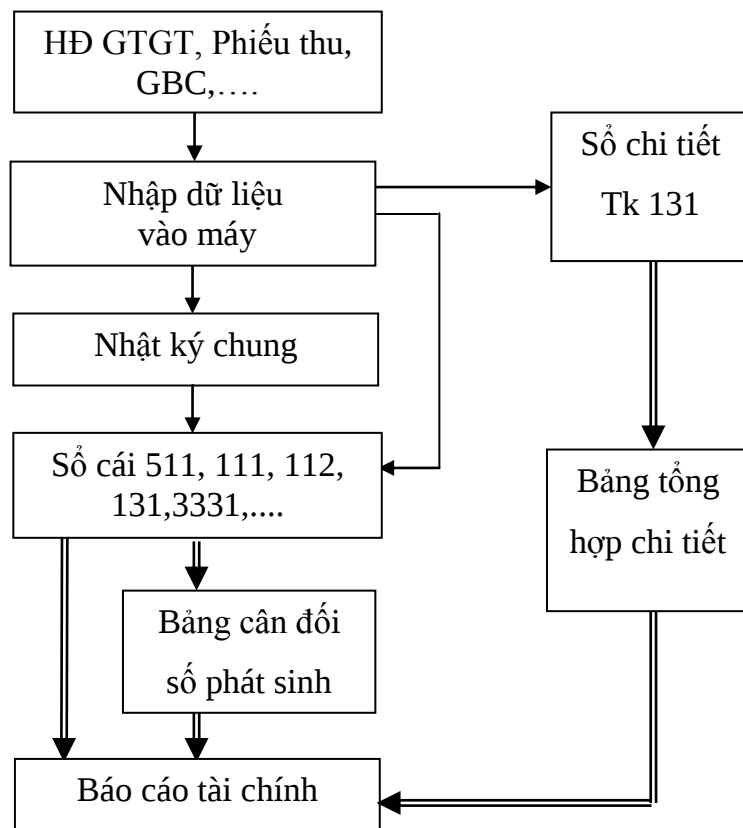
- Khách hàng mua hàng tại kho hay tại Công ty, thì phòng kinh doanh sẽ viết giấy xuất kho cho người mua, căn cứ vào phiếu xuất kho kế toán viết hoá đơn GTGT giao cho khách hàng (liên màu đỏ). Khách hàng khi nhận được hoá đơn có thể thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán.

- Khi phát sinh nghiệp vụ liên quan đến doanh thu sau khi thời điểm ghi nhận doanh thu được xác định kế toán viết hoá đơn GTGT và căn cứ vào hình thức

thanh toán của khách hàng để lập chứng từ gốc liên quan: Phiếu thu nếu khách hàng thanh toán bằng tiền mặt, giấy báo có của NH nếu khách hàng thanh toán bằng chuyển khoản, chứng từ chứng kế khác nếu khách hàng trả tiền sau.

- Căn cứ vào hoá đơn bán hàng kế toán nhập số liệu vào máy và từ đó số liệu sẽ được tự động chuyển vào bảng kê chi tiết hoá đơn chứng từ dịch vụ bán ra, Nhật ký chung và Sổ cái. Từ Sổ cái các TK 511, 632, 711 911, 421... số liệu được tự động tổng hợp vào Báo cáo tài chính.

Sơ đồ 2.5: Quy trình ghi sổ doanh thu bán hàng



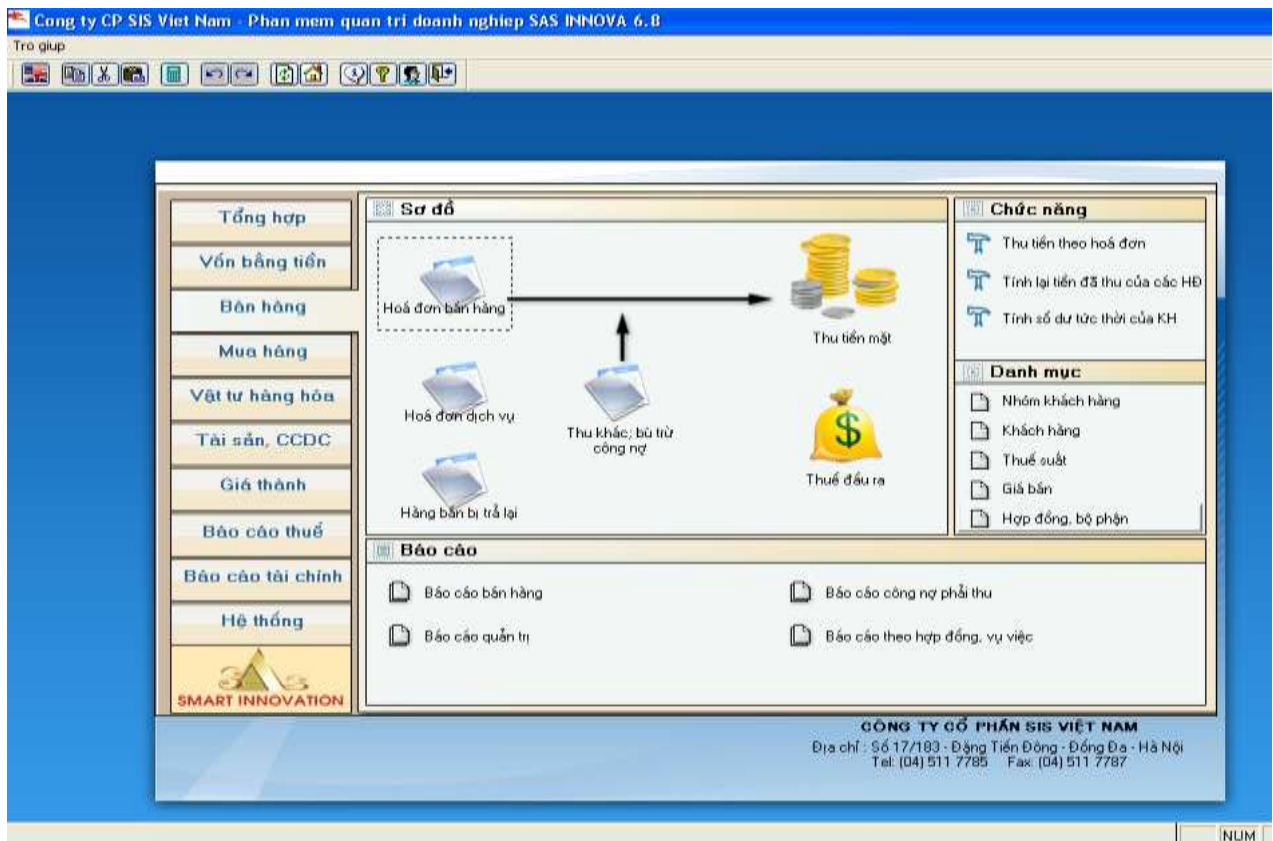
e. Trình tự kế toán bán hàng trên máy vi tính

Kích đúp chuột vào biểu tượng SAS INNOVA trên màn hình vi tính. Lúc đó trên màn hình vi tính sẽ xuất hiện giao diện chính của chương trình kế toán đang sử dụng. Sau đó, từ các chứng từ gốc (như hóa đơn GTGT, phiếu thu, giấy báo có...) kế toán sẽ nhập dữ liệu vào máy vi tính thông qua thiết bị nhập và được lưu giữ trên thiết bị nhớ dạng tệp tin dữ liệu chi tiết, từ các dữ liệu chi tiết được chuyển vào các tệp sổ cái để hệ thống hóa các nghiệp vụ theo từng đối tượng quản lý.

Các phím chức năng thường sử dụng: F3- Sửa, F4- Thêm, F7- In, F8- Xóa, ESC- Quay ra.

Kế toán cập nhật hóa đơn bán hàng bằng cách vào mục “Bán hàng”, sau đó vào mục “Hóa đơn bán hàng”; nhấn vào “Mới” để nhập số liệu liên quan đến phát sinh nghiệp vụ bán hàng. Ấn F4-Thêm dòng, F8-Xóa dòng, F5- Xem.

Biểu số 2.6: Giao diện phần mềm kế toán phần Bán hàng



Ví dụ 1: Theo hợp đồng số 2210/2009/HĐMB ngày 20/12/2009, Công ty xuất bán cho công ty cổ phần thương mại số Duy Anh một số USB đã thanh toán bằng tiền mặt, tổng cộng tiền thanh toán: 39.270.000, thuế suất GTGT cho loại mặt hàng này: 10%.

Thủ kho viết phiếu xuất kho với số lượng theo yêu cầu của khách hàng.

Từ phiếu xuất kho kế toán viết Hóa đơn GTGT (Biểu số 2.7) thành ba liên:

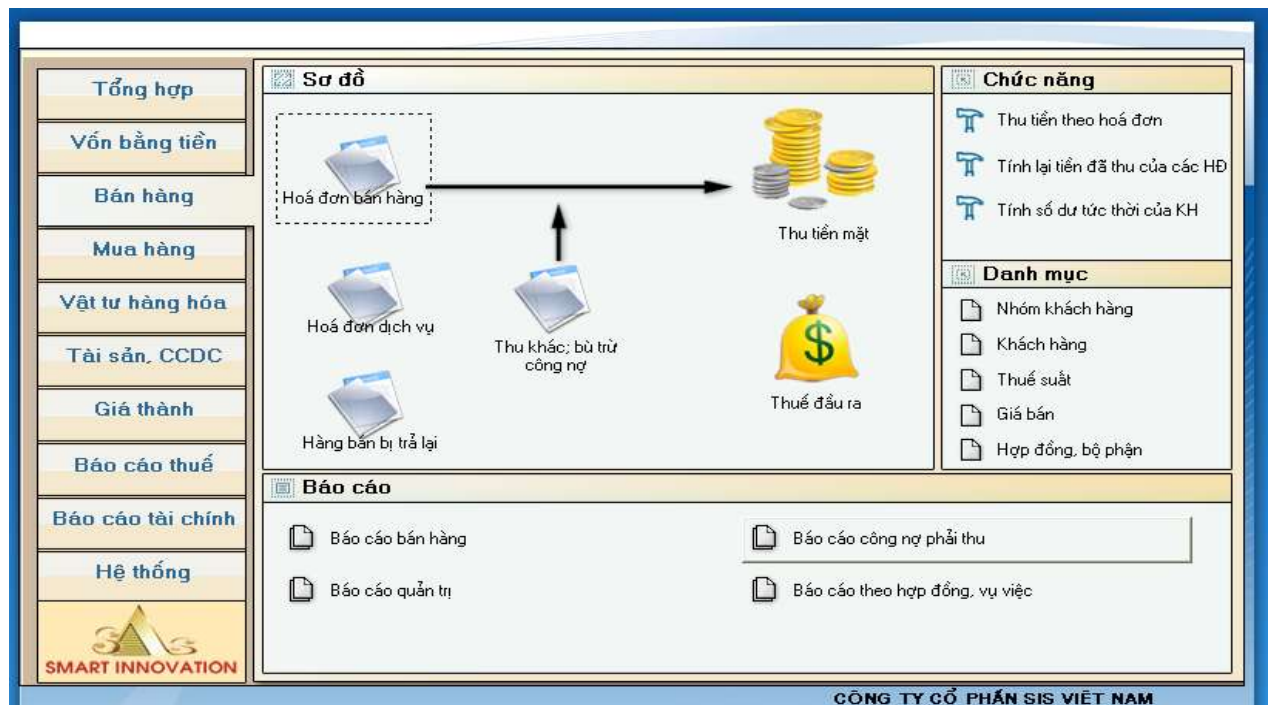
- Liên 1: Màu tím để lưu lại chứng từ gốc
- Liên 2: Màu đỏ giao khách hàng
- Liên 3: Màu xanh để lưu nội bộ

Biểu số 2.7: Hóa đơn giá trị gia tăng

HÓA ĐƠN		Mẫu số 01 GTKT-3LL			
GIÁ TRỊ GIA TĂNG		KU/2009B			
Liên 1: Lưu		0082412			
Ngày 20 tháng 12 năm 2009					
Đơn vị bán hàng: Công ty cổ phần Vianway.....					
Địa chỉ: Số 15B, Mỹ Đình, Hà Nội.....					
Số tài khoản:					
Điện thoại: MST: 0102595719.....					
Họ tên người mua hàng:Trần Thị Thanh Hồng.....					
Tên đơn vị: Công ty cổ phần thương mại số Duy anh.....					
Địa chỉ: B202, 47 Đống Đa, Hà Nội.....					
Số tài khoản:					
Hình thức thanh toán: .. TM..... MST: 0101119121.....					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	USB loại 2 GB	Chiếc	50	150.000	7.500.000
2	USB loại 4 GB	Chiếc	30	250.000	7.500.000
3	USB loại 8 GB	Chiếc	30	420.000	12.600.000
4	USB loại 16 GB	Chiếc	10	810.000	8.100.000
Cộng tiền hàng:					35.700.000
Thuế suất GTGT: 10%					Tiền thuế GTGT: 3.570.000
Tổng cộng tiền thanh toán:					39.270.000
Số tiền bằng chữ: Ba mươi chín triệu hai mươi bảy nghìn đồng chẵn					
Người mua hàng		Người bán hàng		Thủ trưởng đơn vị	
(Ký, ghi rõ họ tên)		(Ký, ghi rõ họ tên)		(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	

Từ chứng từ gốc là hóa đơn giá trị gia tăng, kế toán tiến hành nhập số liệu vào máy qua phần mềm kế toán Sas Innova.

Từ màn hình máy tính, kế toán vào theo đường dẫn: “Bán hàng/hóa đơn bán hàng”. Màn hình xuất hiện như sau:



Kế toán kích vào ô “hóa đơn bán hàng”, sau đó nhập số liệu có liên quan đến hóa đơn giá trị gia tăng, theo biểu số 2.7:

Biểu số 2.8: Giao diện nhập hóa đơn bán hàng

Hoa đơn bán hàng

Mã hạch toán: Mã khách: 131DA Công ty thương mại số Duy Anh

Địa chỉ: B 202, 47 Đồng Đa, Hà Nội MST: 0101119121

Người mua: Trần Thị Than Số dư: 0

Diễn giải: Bán hàng, thu tiền

BPKD: Số phiếu xuất: 55

Tên hàng kê thuế: USB

Số hóa đơn: 0082412

Số seri: KU/2009

Ngày lập ctừ: 20/12/2009

Ngày hạch toán: 20/12/2009

Tỷ giá: VND 1,00

Mã nx (tk nợ): 1111

☐ Xuất theo giá vốn đích danh cho VT giá TB F4-Thêm dòng, F8-Xóa dòng, F5-Xem PN, Ctrl+Tab-Ra khỏi chi tiết

Mã hàng	Tên hàng	Đvt	Mã kho	Vụ việc	Tồn kho	Số lượng	Giá bán V
156G2	USB 2BG	Chiếc	K2		100,000	50,00	50 000,00
156G4	USB4BG	Chiếc	K2			30,00	50 000,00
156G8	USB8BG	Chiếc	K2			30,00	20 000,00
156G16	USB 16BG	Chiếc	K2			10,00	10 000,00

Số lượng: 120,00

Tiền vốn: 32 000 000

Tiền hàng: 35 700 000

Tiền thuế: 3 570 000

Tiền ck:

Tổng TT: 39 270 000

Mã thuế: 10 10,00% Tk thuế: 1111 / 33311

Tk ck:

Trạng thái: 1 1 - Ghi, 2 - Chưa, 3 - Ghi SC, 4 - Ghi SK

Sửa HT thuế ☐

Sửa tiền thuế ☐

Nhập tiền ck ☐

Tạo phiếu thu ☐

Hạn TT: 0

Lưu Mới In ctừ Huỷ bỏ Xóa Xem Tìm Copy Quay ra

ABC 0905-0320EDDB2 # CuongHi 13/06/2010

Tiếp theo, kế toán kích vào ô “lưu” để lưu số liệu vừa nhập. Muốn xem mẫu hóa đơn giá trị gia tăng, kế toán kích vào ô “in chứng từ” theo biểu số 2.8:

Biểu số 2.9: Giao diện đường dẫn xem hóa đơn bán hàng

Từ biểu 2.9, kế toán chọn số 1 rồi kích “xem”, màn hình xuất hiện mẫu HĐ GTGT:

STT	Mã kho	Tên, nhãn hiệu, quy cách phẩm chất vật tư (sản phẩm hàng hóa)	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực nhập		
A	B	C	D	1	2	S	4
1	K2	156G2 - USB 2BG	Chiếc	50,00		150 000,0000	7 500 000
2	K2	156G4 - USB 4BG	Chiếc	30,00		250 000,0000	7 500 000
3	K2	156G8 - USB 8BG	Chiếc	30,00		420 000,0000	12 600 000
4	K2	156G16 - USB 16BG	Chiếc	10,00		810 000,0000	8 100 000
Công tiền hàng:							36 700 000
Tiền CK:							0
Tiền thuế GTGT:							3 570 000
Tổng cộng tiền thanh toán:							39 270 000

Muốn xem phiếu thu, cũng từ biểu số 2.8, kế toán chọn số 2 rồi kích “xem”.

Màn hình xuất hiện Phiếu thu:

Cong ty CP SIS Viet Nam - Phan mem quan tri doanh nghiep SAS INNOVA 6.8

Print Preview

Thu

CÔNG TY CP SIS VIỆT NAM
Số 17/103 Đặng Tiến Đông - Đống Đa - Hà Nội

PHIẾU THU

Ngày 20 tháng 12 năm 2009

Quyển số:.....
Số: 50
Nợ: 1111 : 39 270 000
Có: 33311 : 3 570 000
511 : 35 700 000

Họ, tên người nộp tiền: Bích Vân
Địa chỉ: B 202, 47 Đống Đa, Hà Nội
Lý do nộp: Bán hàng thu tiền
Số tiền: 39 270 000 đ
Bằng chữ: Ba mươi chín triệu, hai trăm bảy mươi nghìn đồng chẵn

Kèm theo: 0 chứng từ gốc.

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ):

Ngày... tháng... năm.....

Thủ trưởng đơn vị (Ký, họ tên) Kế toán trưởng (Ký, họ tên) Người lập phiếu (Ký, họ tên) Thủ quỹ (Ký, họ tên) Người nộp (Ký, họ tên)

CÔNG TY CP SIS VIỆT NAM
Số 17/103 Đặng Tiến Đông - Đống Đa - Hà Nội

Quyển số:.....
Số: 50

Tprinttmp (c:\tmpsas60\38229468\printtmp.dbf) Record: EOF/13 Exclusive NUM

Biểu số 2.10: Giao diện Phiếu thu

Công ty lập phiếu thu nhằm xác định số tiền mặt thực tế nhập quỹ và làm căn cứ để thủ quỹ thu tiền, ghi sổ quỹ, kết toán ghi sổ các khoản thu có liên quan

PT được lập làm 3 liên: thủ quỹ giữ lại một liên để ghi sổ quỹ, 1 liên giao cho người nộp tiền, 1 liên lưu nơi lập phiếu (Phần mềm kế toán Sas innova)

Sau khi lập hóa đơn GTGT và PT, số liệu sẽ được tự động vào các sổ chi tiết, nhật ký bán hàng (Biểu số 2.10 – trang bên), sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.11 – trang 52, 53, 54) và Sổ cái (Biểu số 2.12 – trang 55).

Cuối tháng kế toán thực hiện Bút toán khóa sổ để kết chuyển doanh thu xác định kết quả kinh doanh

Đơn vị: Công ty cổ phần Vinaway

Mẫu số S03a-DN

Địa chỉ: 15B -Mỹ Đình-Hà Nội

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/2/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ NHẬT KÝ BÁN HÀNG

Năm: 2009

Chứng từ		Khách hàng	Diễn giải	TK	Có 33311	Có 511	Tổng cộng
NT	SH						
							
19/12/09	PT 90	Cty TNHH Hòa Long	Bán hàng	1111	1.547.500	15.475.000	17.022.500
19/12/09	HĐ 82411	Tổng cty dầu khí VN	Thiết kế web	131	0	45.012.000	45.012.00
20/12/09	HĐ 82412	Cty CP TM số Duy Anh	Bán hàng	1111	3.570.000	35.700.000	39.270.000
							
		Tổng cộng			9.851.140.254	107.158.982.595	117.010.122.849

Biểu số 2.12: Trích Sổ nhật ký chung

Đơn vị: CTY CỔ PHẦN VINAWAY

Mẫu số S03a-DN

Địa chỉ: 15B - Mỹ Đình - HN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày

20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

TRÍCH SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2009

ĐVT: VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK		Số phát sinh	
Số hiệu	NT		Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
						
PX54/12	18/12	Xuất bán cho cty	632		124.952.478	
		Bình Minh		156		124.952.478
HĐ51469	18/12	Bán hàng chưa thu tiền	131		145.842.950	
		Doanh thu bán hàng		511		132.584.500
		Thuế GTGT đầu ra		3331		13.258.450
PC48/12	18/12	Thanh toán tiền điện	641		1.707.500	
		HĐ0647243 pvụ	642		1.105.420	
		sản xuất kinh doanh	133		281.292	
				111		3.094.212
						
PC51/12	19/12	Thanh toán tiền nước	641		259.250	
		p.vụ SXKD tháng 12	642		300.000	
			133		55.925	
				111		615.175
						
		- Cộng chuyển trang			121.879.037.250	121.879.037.250
		- Cộng lũy kế			908.734.208.667	908.734.208.667

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Đơn vị: CTY CỔ PHẦN VINAWAY

Mẫu số S03a-DN

Địa chỉ: 15B - Mỹ Đình - HN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày

20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

TRÍCH SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2009

Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK		Số phát sinh	
Số hiệu	NT		Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
						
HĐ82412	20/12	Bán hàng thu tiền	111		39.270.000	
		Doanh thu bán hàng		511		35.700.000
		VAT đầu ra tương		3331		3.570.000
PX55/12	20/12	Xuất hàng bán cho	632		32.000.000	
		CPTM số Duy Anh		156		32.000.000
						
HĐ98643	30/12	Nhập kho đầu DVD	156		26.250.000	
		Thuế GTGT đầu vào	133		2.625.000	
		Đã trả bằng tiền mặt		111		28.875.000
						
BC542172	31/12	Nhập lãi tiền gửi	112		2.541.429	
		hàng ABC tháng 12		515		2.541.429
PKT23/12	31/12	Trích khấu hao	641		500.000	
		Tháng 12	642		1.108.904	
				214		1.608.904
		- Cộng chuyển trang			121.879.037.250	121.879.037.250
		- Cộng lũy kế			908.734.208.667	908.734.208.667

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

Đơn vị: CTY CỔ PHẦN VINAWAY

Mẫu số S03a-DN

Địa chỉ: 15B - Mỹ Đình - HN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày

20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

TRÍCH SỔ NHẬT KÝ CHUNG**Năm 2009**

Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK		Số phát sinh	
Số hiệu	NT		Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
						
PKT30/12	31/12	Kết chuyển Doanh	511		107.158.982.595	
		thuần.		911		107.158.982.595
PKT31/12	31/12	Kết chuyển 515	515		15.263.695.662	
				911		15.263.695.662
PKT32/12	31/12	Kết chuyển 632	911		89.623.554.610	
				632		89.623.554.610
PKT33/12	31/12	Kết chuyển 641	911		4.889.357.442	
				641		4.889.357.442
PKT34/12	31/12	Kết chuyển 642	911		4.891.800.851	
				642		4.891.800.851
PKT35/12	31/12	Xác định thuế TNDN	821		6.442.230.299	
		phải nộp		3334		6.442.230.299
PKT36/12	31/12	Kết chuyển 821	911		6.442.230.299	
				821		6.442.230.299
PKT37/12	31/12	Kết chuyển LNST	911		16.565.735.055	
				421		16.565.735.055
		- Cộng chuyển trang			131.538.972.284	131.538.972.284
		- Cộng lũy kế			950.273.180.951	950.273.180.951

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên)

Biểu số 2.13: Trích sổ cái TK 511

Đơn vị: CTY CỔ PHẦN VINAWAY

Mẫu số S03b-DN

Địa chỉ: 15B - Mỹ Đình - HN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

TRÍCH SỔ CÁI

Tên tài khoản: Doanh thu bán hàng

Số hiệu TK: 511

Năm 2009

ĐVT: VNĐ

Chứng từ		Diễn Giải	TK Đ U'	Số tiền	
NT	SH			Nợ	Có
		<u>SDDK</u>			
		Số phát sinh			
					
15/12	HĐ51468	Bán lẻ hàng hoá	111		36.251.000
18/12	HĐ51469	Bán chịu cho cty TNHH Bình Minh	131		132.584.500
					
19/12	HĐ82409	Thiết kế web cho Tổng cty Dầu khí	131		45.012.000
20/12	HĐ82412	Bán hàng cho ctyCPTM số Duy Anh	131		39.270.000
31/12	PKT04/12	Kết chuyển sang 911	911	107.158.982.	
		Cộng phát sinh		107.158.982.	107.158.982.
		<u>SDCK</u>			

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

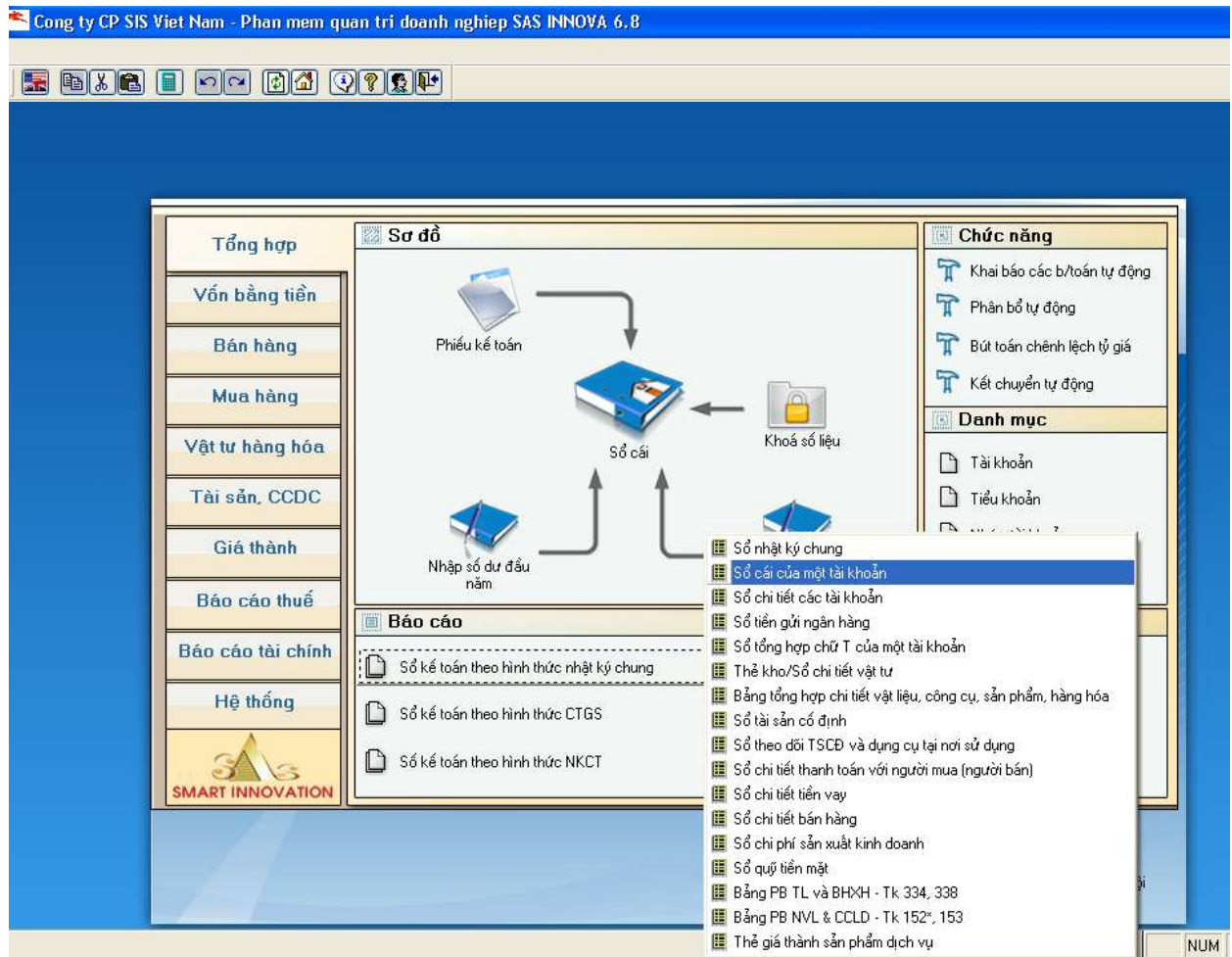
(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Để xem sổ cái TK 511: Từ màn chính kế toán chọn mục “Tổng hợp”, sau đó vào mục: “Sổ kế toán theo hình thức nhật ký chung\Sổ cái của một tài khoản”, nhập tên tài khoản và tháng năm cần xem (Ví dụ: từ 01/12/2009 đến 31/12 /2009) và chọn “nhận”, trên màn hình sẽ xuất hiện sổ cái TK 511, muốn thoát ấn ESC (Biểu số 2.9)

Biểu số 2.14: Giao diện đường dẫn vào sổ cái



2.2.1.2 Tổ chức kế toán doanh thu hoạt động tài chính

DT hoạt động tài chính của công ty CP Vinaway chủ yếu là lãi tiền gửi ngân hàng.

➤ Tài khoản sử dụng :

+ TK 515 : Doanh thu hoạt động tài chính

➤ Chứng từ sử dụng :

+ Sổ phụ, Giấy báo có

+ Giấy báo lãi

+ Bản sao kê của ngân hàng

➤ Sổ sách sử dụng :

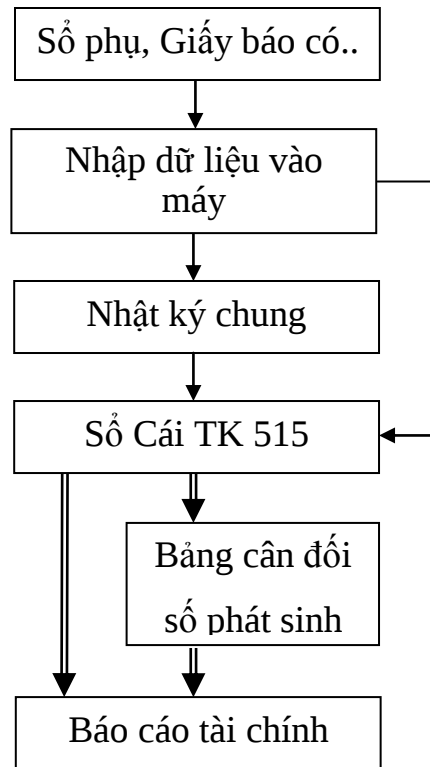
+ Sổ cái TK 515

+ Bảng cân đối số phát sinh

+ Báo cáo tài chính

➤ *Phương pháp hạch toán :*

Sơ đồ 2.15 : Quy trình ghi sổ doanh thu hoạt động tài chính



Ví dụ 2: Ngày 31/12/2009 nhập lãi tiền gửi ngân hàng Thương mại Á Châu tháng 12 là 2.541.429 VNĐ theo giấy báo Có số 354182.

Chứng từ gốc bao gồm: sổ phụ và giấy báo có.

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI Á CHÂU			
ASIA COMMERCIAL BANK		Số: 054	
Tài khoản: 542175		SỔ PHỤ VND	
CTY CỔ PHẦN VIANAWAY		Ngày 31/12/2009	
DIỄN GIẢI	GHI NỢ	GHI CÓ	
	Số dư đầu ngày	14.215.471	
## LÃI NHẬP TIỀN GỬI ##		2.541.429	
	Tổng phát sinh ngày	0	2.541.429
	Số dư cuối ngày	16.756.900	
SỔ PHỤ		KIỂM SOÁT	

Biểu số 2.16: Sổ phụ và Giấy báo có

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI Á CHÂU ASIA COMMERCIAL BANK	Mã GDV: BATCH Mã KH: 104366
GIẤY BÁO CÓ Số GD: 542172 Ngày 31/12/2009	
Kính gửi: Công ty cổ phần cổ phần Vinaway Hôm nay, chúng tôi xin báo đã ghi Có tài khoản của quý khách hàng với nội dung sau: Số tài khoản ghi Có: 542175 Số tiền bằng số: 2.541.429 VNĐ Số tiền bằng chữ: [+] Hai triệu năm trăm bốn mươi một nghìn bốn trăm hai mươi chín VNĐ Nội dung: Lãi suất tiền gửi không kỳ hạn tại ngân hàng Thương mại Á Châu	
GIAO DỊCH VIÊN	KIỂM SOÁT

Dựa trên chứng từ gốc: sổ phụ và giấy báo có, kế toán tiến hành lập phiếu thu bằng phần mềm kế toán Sas innova

Từ màn hình, kế toán vào theo đường dẫn: “Vốn bằng tiền/danh mục/thu qua ngân hàng”

The screenshot displays the 'Sơ đồ' (Diagram) section of the Sas innova software, which illustrates the flow of transactions. It shows a sequence: 'Thu tiền mặt' (Cash received) leading to 'Sổ quỹ' (Treasury book), which then leads to 'Chi tiền mặt' (Cash paid). Below this, specific transaction types are listed: 'Thu tiền mặt n.tệ', 'Thu qua ngân hàng', and 'Thu n.tệ qua ngân hàng' on the left; and 'Chi tiền mặt n.tệ', 'Chi qua ngân hàng', and 'Chi n.tệ qua ngân hàng' on the right. To the right of the diagram is the 'Danh mục' (List) section, which includes a tree view with categories: 'Ngân hàng', 'Khế ước', 'Ngoại tệ', and 'Tỷ giá ngoại tệ'. At the bottom, the 'Báo cáo' (Reports) section is visible, showing options for 'Báo cáo tiền mặt, tiền gửi ngân hàng' and 'Báo cáo quản trị tiền mặt, tiền gửi'.

Sau khi kích vào “thu qua ngân hàng”, kế toán điền các thông tin vào bảng nhập phiếu thu (qua ngân hàng) – Biểu số 2.14

Biểu số 2.17: Giao diện nhập phiếu thu (qua ngân hàng)

Thu qua ngân hàng

Mã đơn vị: VNW Công ty cổ phần Vianway Số pt: 56
 Mã giao dịch: 2 Thu khác: của 1 khách Ngày lập ctừ: 31/12/2009
 Mã hạch toán: BC02 Ngày hạch toán: 31/12/2009
 Mã khách: NH Ngân hàng TM á châu Tỷ giá: VND 1,00
 Địa chỉ: - Số: 0 Tk nợ: 1121
 Người nộp tiền: MST:
 Mã kế ước:
 F4-T thêm dòng mới, F8-Xóa dòng, Ctrl+Tab-Ra khỏi chi tiết hạch toán

Tk có	Tên tài khoản	Ps có VND	Diễn giải	Vụ việc	Mã tự do	Ps có
515	Thu nhập hoạt động tài chính	2 541 429	lãi tiền gửi ngân hàng tháng 12			1 429

Tiền hh, dv: 2 541 429

Số HĐ: 1 Trạng thái: 1 - Đã, 2 - Chưa Số chứng từ gốc kèm theo: 2

Lưu Mới In từ Hủy bỏ Xóa Xem Tìm Copy Quay ra

ABC 0905-0320EDDB2 # CuongHi 17/05/2010

Địa chỉ: Số 17/183 - Đường Tiến Đông - Đống Đa - Hà Nội
 Tel: (04) 511 7785 Fax: (04) 511 7787

Khi các thông tin được hoàn tất, kế toán kích “lưu”, muốn xem hoặc in PT kế toán kích vào “in chứng từ”. Màn hình xuất hiện giao diện PT (qua ngân hàng):

Print Preview

CÔNG TY CP SIS VIỆT NAM
 Số 17/183 Đường Tiến Đông - Đống Đa - Hà Nội

Quyển số:
 Số: 56
 Nợ: 1121
 Có: 515 : 2 541 429

PHIẾU THU (TIỀN NGÂN HÀNG)
 Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Họ, tên người nộp tiền: NH - Ngân hàng TM á châu
 Địa chỉ: -
 Lý do nộp: lãi tiền gửi ngân hàng tháng 12
 Số tiền: 2 541 429 đ
 Bằng chữ: Hai triệu, năm trăm bốn mươi một nghìn, bốn trăm hai mươi chín đồng chẵn

Kèm theo: 2 chứng từ gốc.

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ):

Ngày: ... tháng ... năm ...

Thủ trưởng đơn vị (Ký, họ tên) Kế toán trưởng (Ký, họ tên) Người lập phiếu (Ký, họ tên) Thủ quỹ (Ký, họ tên) Người nộp (Ký, họ tên)

Phiếu thu được lập bằng phần mềm kế toán Sas Innova, các số liệu sẽ tự động chạy vào sổ nhật ký chung (theo Biểu số 2.10 – trang 52), sổ cái TK 515 (Biểu số 2.15)

Biểu số 2.18: Trích sổ cái TK 515

Đơn vị: CTY CỔ PHẦN VINAWAY

Mẫu số S03a-DN

Địa chỉ: 15B - Mỹ Đình - HN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Doanh thu hoạt động tài chính

Số hiệu TK: 515

Năm 2009

ĐVT: VNĐ

Chứng từ		Diễn Giải	TK Đ U'	Số tiền	
NT	SH			Nợ	Có
		<u>SDDK</u>			
		Số phát sinh			
					
30/11	BC276102	Nhập lãi TGNH T11	112		1.289.547
31/12	BC276145	Nhập lãi TGNH T12	112		2.541.429
31/12	PKT05/12	Kết chuyển sang 911	911	15.263.695.662	
		Cộng phát sinh		15.263.695.662	15.263.695.662
		<u>SDCK</u>			

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

2.2.2 Tổ chức kế toán chi phí tại công ty cổ phần Vinaway

2.2.2.1 Tổ chức kế toán giá vốn hàng bán:

Giá vốn của hàng bán chính là giá gốc của hàng hoá hoặc nguyên giá của hàng hóa nhập kho. Giá vốn có ảnh hưởng rất lớn đến kết quả hoạt động sản xuất

kinh doanh, từ đó ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận. Vì vậy phải theo dõi chặt chẽ và xác định đúng giá vốn của hàng bán ra trong kỳ.

- Công ty tính giá vốn hàng bán theo phương pháp bình quân gia quyền. Theo phương pháp này, căn cứ vào giá thực tế của sản phẩm, hàng hoá tồn đầu kỳ và nhập trong kỳ, kế toán xác định được giá bình quân của một đơn vị sản phẩm, hàng hoá. Căn cứ vào số lượng hàng hoá, nguyên vật liệu xuất ra trong kỳ và giá đơn vị bình quân để xác định giá thực tế xuất trong kỳ.

➤ *Chứng từ sử dụng:*

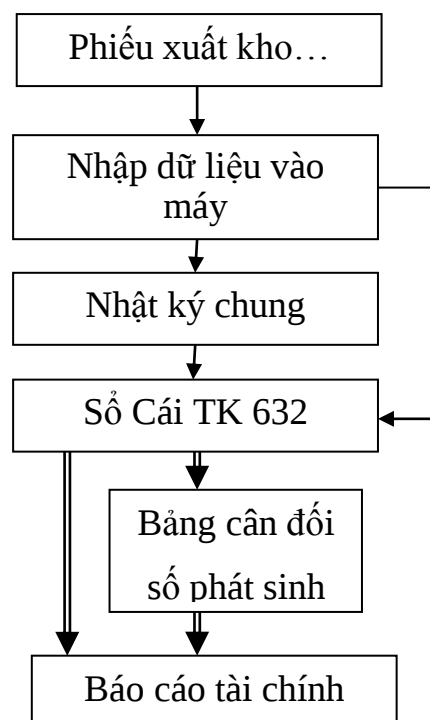
- Phiếu xuất kho
- Bảng kê mua hàng

➤ *Sổ sách sử dụng:*

- Sổ nhật ký chung, Sổ cái tài khoản 632
- Bảng cân đối số phát sinh, Báo cáo tài chính

➤ *Phương pháp hạch toán:*

Sơ đồ 2.19: Quy trình ghi sổ giá vốn hàng bán tại công ty CP Vinaway



Ghi chú:

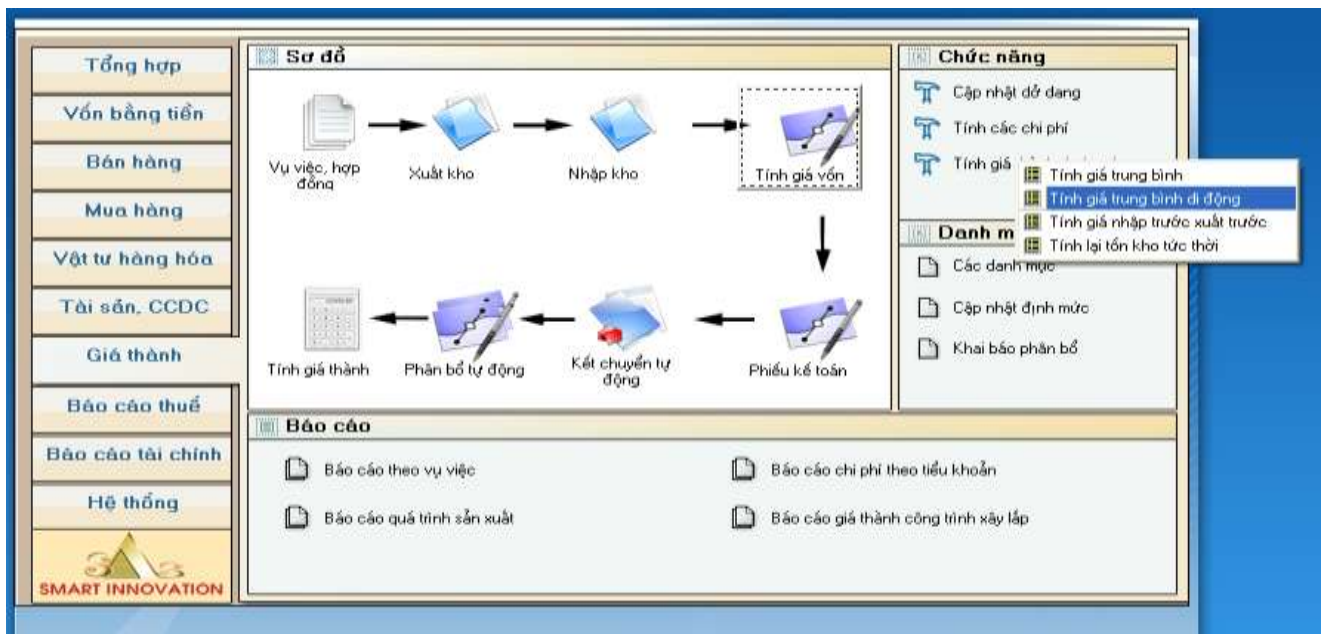
Ghi hàng ngày: →

Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ: ⇒

Ví dụ 3: Vẫn sử dụng VD 1: Theo hợp đồng số 2210/2009/HĐMB ngày 20/12/2009, Công ty xuất bán cho công ty cổ phần thương mại số Duy Anh một số USB đã thanh toán bằng tiền mặt, tổng cộng tiền thanh toán: 39.270.000, thuế suất GTGT cho loại mặt hàng này: 10%

- Giá mua thực tế của hàng xuất kho sẽ được máy tính tự động tính theo phương pháp bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập hóa đơn giá trị gia tăng.

- Khi màn hình phần mềm kế toán xuất hiện, Kế toán vào tính giá vốn theo đường dẫn: “Giá thành\Tính giá vốn\Tính giá trung bình di động”



Biểu số 2.20: Giao diện nhập, tính giá vốn tự động

Sau khi kích vào: “Tính giá trung bình di động”, màn hình xuất hiện:

Trên màn hình này, ta nhập ngày tháng năm cần tính giá vốn, rồi kích “Nhận”.

Máy tính sẽ tự động tính giá vốn và cho ra P XK

Sau khi tính giá vốn tự động ở mục “Giá thành”, kế toán quay lại mục “Bán hàng”, vào lại hóa đơn vừa lập, kích vào “In chứng từ”, chọn số 3 để xem P XK:

Biểu số 2.21: Giao diện vào phiếu xuất kho

Hoa đơn bán hàng

In theo: 3 1- Hoá đơn bán hàng, 2- Phiếu thu, 3- Phiếu xuất kho

Tiêu đề: Phiếu xuất kho

Tiêu đề 2: Stock Issues voucher

Số liên: 1

Số chứng từ gốc kèm theo: 0

In tất cả hoá đơn: ☐

Mẫu VND ☒ Mẫu ngoại tệ ☐ Tiếng Việt ☒ Tiếng Anh ☐

Buttons: In, Xem, Sửa mẫu, Quay ra

STT	Mã kho	Tên, nhãn hiệu, quy cách phẩm chất vật tư (sản phẩm hàng hóa)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	156G2	USB 28G	Chiếc	50,00	50.000,00	2.500.000,00
2	156G4	USB 48G	Chiếc	30,00	50.000,00	1.500.000,00
3	156G8	USB 88G	Chiếc	30,00	20.000,00	600.000,00
4	156G16	USB 168G	Chiếc	10,00	100.000,00	1.000.000,00
Tổng cộng:						32.000.000,00

Số lượng: 120,00 Tiền vốn: 32.000.000

Mã thuế: 10 10,00% Tk thuế: 1111 / 33311

Tiền hàng: 35.700.000

Tiền thuế: 3.570.000

Tiền ck: 0

Tổng TT: 39.270.000

Trạng thái: 1 1 - Ghi, 2 - Chưa, 3 - Ghi SC, 4 - Ghi SK

Buttons: Lưu, Mới, In từ, Sửa, Xóa, Xem, Inm, Copy, Quay ra

Footer: 0905-0320EDDB2 # CuongHi 18/05/2010

Tại biểu số 2.18, chọn số 3 – Phiếu xuất rồi kích nút “xem” hoặc “in” P XK:

Hoa đơn bán hàng, Esc - Quay ra

CÔNG TY CP SIS VIỆT NAM
Số 17/103 Đường Trần Hưng Đạo - Đống Đa - Hà Nội

PHIẾU XUẤT KHO
Ngày 27 tháng 12 năm 2009

Số: 55
Mã: 1111
Mã: 156
Mã: 158
Mã: 158

Họ, tên người nhận hàng: Trần Thị Thanh Hồng
Đơn vị: 1310A - Công ty Thương mại số Duy Anh
Địa chỉ: B 202, 47 Đường Bạ, Hà Nội
Nội dung: Bán hàng, thu tiền

STT	Mã kho	Tên, nhãn hiệu, quy cách phẩm chất vật tư (sản phẩm hàng hóa)	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Thực xuất	Thực nhập		
1	K2	156G2 - USB 28G	Chiếc	50,00		130.000,00	6.500.000
2	K2	156G4 - USB 48G	Chiếc	30,00		210.000,00	6.300.000
3	K2	156G8 - USB 88G	Chiếc	30,00		380.000,00	11.400.000
4	K2	156G16 - USB 168G	Chiếc	10,00		780.000,00	7.800.000
Tổng cộng:							32.000.000

Ba mươi hai triệu đồng chẵn

Phụ trách bộ phận sử dụng (Ký, họ tên) Phụ trách cung cấp (Ký, họ tên) Người nhận hàng (Ký, họ tên) Thủ kho (Ký, họ tên)

Xuất ngày tháng năm

Công ty cổ phần Vinaway sử dụng phiếu xuất kho:

- P XK dùng để theo dõi chặt chẽ số lượng hàng hóa xuất kho cho các bộ phận sử dụng trong doanh nghiệp, làm căn cứ để hạch toán chi phí sản xuất.

- P XK được in ra thành 3 liên: Liên 1: Lưu gốc (lưu trên máy tính), Liên 2: Kế toán lưu lại làm chứng từ, Liên 3: Người nhận hàng hóa giữ để theo dõi ở bộ phận sử dụng

Phiếu xuất kho được lập bởi phần mềm kế toán Sas innva, số liệu sẽ tự động vào các sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.10 – Trang 53), sổ cái TK 632 (Biểu số 2.20)

Biểu số 2.22: Trích Sổ cái TK 632

Đơn vị: CTY CỔ PHẦN VINAWAY

Mẫu số S03a-DN

Địa chỉ: 15B - Mỹ Đình - HN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Giá vốn hàng bán

Số hiệu TK: 632

Năm 2009

ĐVT: VNĐ

Chứng từ		Diễn Giải	TK ĐƯ	Số tiền	
NT	SH			Nợ	Có
		<u>SĐĐK</u>			
		Số phát sinh			
					
15/12	PX13/12	Xuất bán lẻ	156	30.179.751	
18/12	PX14/12	Xuất bán cho cty TNHH Bình Minh	156	124.952.478	
					
20/12	PX55/12	Xuất bán cho cty CPTM Duy Anh	156	32.000.000	
31/12	PKT06/12	Kết chuyển sang 911	911		89.623.554.610
		Cộng phát sinh		89.623.554.610	89.623.554.610
		<u>SDCK</u>			

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

2.2.2.2 Tổ chức kế toán chi phí bán hàng

Đối với những doanh nghiệp sản xuất kinh doanh thì CP BH và CP QLDN là những loại chi phí không thể thiếu được và thường chiếm một tỉ trọng không nhỏ. Vì vậy việc theo dõi và hạch toán các loại chi phí này một cách chính xác rất quan trọng, nó ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả hoạt động kinh doanh của công ty.

Nội dung kinh tế của các khoản chi phí bán hàng tại công ty có:

- Chi phí nhân viên bán hàng: Bao gồm tiền lương, tiền công và quỹ trích nộp bắt buộc theo tiền công (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và kinh phí công đoàn)
- Chi phí vật liệu, bao bì: Chi dùng thực tế cho nhu cầu sửa chữa tài sản, xử lý hàng hoá dự trữ, bao gói hàng để tăng thêm giá trị thương mại cho hàng hoá
- Chi phí khấu hao TSCĐ của các khâu bán hàng (kho, quầy, cửa hàng, phương tiện vận tải,...)
- Chi phí dịch vụ mua ngoài: Dịch vụ điện, nước, ga, bảo hành, quảng cáo, điện thoại, vận tải, hoa hồng ...

Chi phí bằng tiền mặt khác: Các khoản chi không thuộc nội dung trên, được chi bằng tiền mặt, tiền gửi ngân hàng hoặc tiền tạm ứng.

➤ *Chứng từ sổ sách sử dụng :*

- + Phiếu chi, giấy đề nghị thanh toán, hóa đơn GTGT
- + Bảng thanh toán lương, bảng trích khấu hao TSCĐ
- + Phiếu kế toán
- + Sổ nhật ký chung
- + Sổ cái TK 641,111,112.....
- + Bảng cân đối phát sinh, báo cáo tài chính

➤ *Tài khoản sử dụng:*

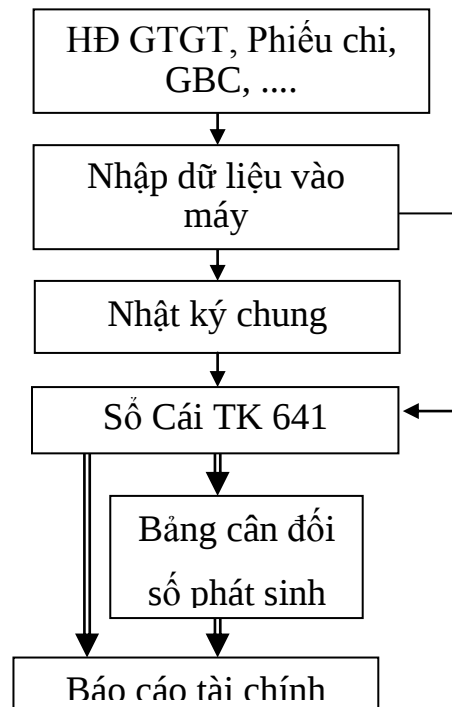
Kế toán sử dụng tài khoản 641- Chi phí bán hàng

Các tài khoản liên quan: TK 111, 112, 131, 133,...

➤ *Phương pháp hạch toán:*

Sơ đồ 2.20 : Quy trình ghi sổ chi phí bán hàng (trang bên)

Sơ đồ 2.23: Quy trình ghi sổ chi phí bán hàng



Ví dụ 4: Ngày 18/12/2009, công ty chi tiền mặt thanh toán tiền điện phục vụ sản xuất kinh doanh (tháng 12) cho công ty điện lực Hà Nội, số tiền: 3.094.212

Biểu số 2.24: HÓA ĐƠN TIỀN ĐIỆN GTGT

Ký hiệu: AA/2003
Số : 0647243

(Liên 2: Giao cho khách hàng)

EVN 003.678.680.840

Công ty điện lực HN Kỳ: 1 Từ ngày: 17/11 đến ngày: 18/12/2009

Điện lực: Hoàn Kiếm – HN MST: 0200340211 Phiên: 1

Địa chỉ: 690Đinh Tiên Hoàng, HN Số GCS: ĐĐ 257- 60 Số hộ: 1

Điện thoại: 3.215478 Tài khoản: 57A- 00247 NHCT Ba Đình

Tên và địa chỉ khách hàng: Công ty cổ phần Vinaway - Số 15B - Mỹ Đình – HN

MST KH: 0102595719

Mã KH: 000874587

Chỉ số mới	Chỉ số cũ	Hệ số nhân	Điện TT	Đơn giá	Thành tiền
5041	2910	1	2131	1320	2.812.920
Ngày: TUQ Giám đốc Nguyễn Huy Hà					
		Cộng	2131		2.812.920
		Thuế suất GTGT: 10% . Thuế GTGT			281.292
		Tổng cộng tiền thanh toán			3.094.212
Số viết bằng chữ: Ba triệu không trăm chín mươi bốn nghìn hai trăm mười hai đồng					

Trên màn hình vi tính, Kế toán vào mục: “Vốn bằng tiền”, sau đó chọn “Chi tiền mặt” để bắt đầu cập nhật phiếu chi.

Biểu số 2.25: Giao diện Vốn bằng tiền

Tại biểu số 2.21, trên sơ đồ kế toán kích vào “chi tiền mặt”. Một màn hình mới xuất hiện giao diện nhập phiếu chi (Biểu số 2.22). Kế toán tiến hành nhập các thông tin có liên quan đến chứng từ gốc: Hóa đơn tiền điện GTGT

Biểu số 2.26: Giao diện nhập phiếu chi

Sau khi điền đầy đủ các thông tin trong Biểu số 2.22, kế toán kích “Lưu”, rồi vào “in chứng từ” để xem hoặc in phiếu chi:

Chi tiền mặt. Esc - Quay ra

CÔNG TY CP SIS VIỆT NAM
Số 17/183 Đinh Tiên Hoàng - Đống Đa - Hà Nội

PHIẾU CHI
Ngày 18 tháng 12 năm 2009

Họ, tên người nhận tiền: Mế Thi Cung
Địa chỉ: 690 Đinh Tiên Hoàng - HN
Lý do chi: Trả tiền điện p.vụ bán hàng, Trả tiền điện p.vụ QLDN
Số tiền: **3 094 212 đ**
Bằng chữ: Ba triệu, chín mươi bốn nghìn, hai trăm mười hai đồng chẵn

Kèm theo: 1 chứng từ gốc.

Quyển số:
Số: 48
Cố: 1111 : 3 094 212
Ng: 641 : 1 707 500
642 : 1 105 420
13311 : 281 292

Ngày . . . tháng . . . năm

Thủ trưởng đơn vị (Ký, họ tên) Kế toán trưởng (Ký, họ tên) Thủ quỹ (Ký, họ tên) Người lập phiếu (Ký, họ tên) Người nhận tiền (Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ):

Biểu số 2.27: Giao điện Phiếu chi

Công ty tiến hành hạch toán nghiệp vụ này như sau:

Công ty tiến hành chi tiền mặt để thanh toán tiền điện tháng 12 cho công ty Điện Lực Hà Nội. Để chi tiền, kế toán dựa trên phiếu chi và tiến hành lập PC:

- PC phản ánh số tiền mà công ty phải trả cho công ty Điện Lực HN, đồng thời xác định các khoản tiền mặt thực tế xuất quỹ và làm căn cứ để thủ quỹ xuất quỹ và kế toán ghi sổ kế toán.

- PC phải có đầy đủ các chữ ký sống ở cả 3 liên nhằm đảm bảo tính trung thực và phải được kế toán trưởng và thủ trưởng ký duyệt chi trước khi chi.

- Phiếu chi được lập thành 3 liên:

- + Liên 1: Lưu gốc (lưu trên phần mềm kế toán)

- + Liên 2: Kế toán sau khi lập sẽ lưu lại làm chứng từ

- + Liên 3: Giao cho người nhận tiền

Cũng như các nghiệp vụ trước, bằng phần mềm kế toán Sas innova, các số liệu tại phiếu chi sẽ tự động vào các sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.10 – trang 53), sổ cái TK 641(Biểu số 2.23)

Biểu số 2.28: Trích sổ cái TK 641

Đơn vị: CTY CỔ PHẦN VINAWAY

Mẫu số S03a-DN

Địa chỉ: 15B - Mỹ Đình - HN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Chi phí bán hàng

Số hiệu TK: 641

Năm 2009

ĐVT: VNĐ

Chứng từ		Diễn Giải	TK ĐƯ	Số tiền	
NT	SH			Nợ	Có
		<u>SDDK</u>			
		Số phát sinh			
					
18/12	PC48/12	T/t tiền điện theo HD0647243	111	1.707.500	
					
19/12	PC51/12	T/t tiền nước tháng 12	111	259.250	
					
31/12	PKT63/12	Trích khấu hao tháng 12	214	500.000	
31/12	PKT07/12	Kc sang TK 911	911		4.889.357.442
		Cộng phát sinh		4.889.357.442	4.889.357.442
		<u>SDCK</u>			

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

2.2.2.3 Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

CP QLDN cũng là một trong những khoản chi phí lớn của Công ty. CP QLDN là những khoản chi phí có liên quan đến toàn bộ hoạt động của doanh nghiệp mà không tách riêng ra được cho bất cứ hoạt động nào. CP QLDN của công ty gồm các khoản: chi phí nhân viên quản lý, chi phí đồ dùng văn phòng, khấu hao TSCĐ, thuế phí lệ phí, chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

- Chi phí nhân viên quản lý: Các khoản phải trả cho cán bộ quản lý doanh nghiệp bao gồm tiền lương, các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn...

- Chi phí đồ dùng văn phòng: Chi phí dụng cụ, đồ dùng văn phòng dùng cho công tác quản lý

- Chi phí khấu hao TSCĐ: Chi phí nhà cửa làm việc của các phòng ban, máy móc thiết bị quản lý dùng trên văn phòng,...

- Thuế, phí và lệ phí: Chi phí thuế môn bài, tiền thuê đất...

- Chi phí dịch vụ mua ngoài: dịch vụ điện, nước, điện thoại...

- Chi phí bằng tiền khác: Chi phí tiếp khách, công tác phí, tàu xe, khoản chi cho lao động nữ...

➤ *Các chứng từ sổ sách sử dụng :*

+ Phiếu chi, giấy đề nghị thanh toán, hóa đơn GTGT

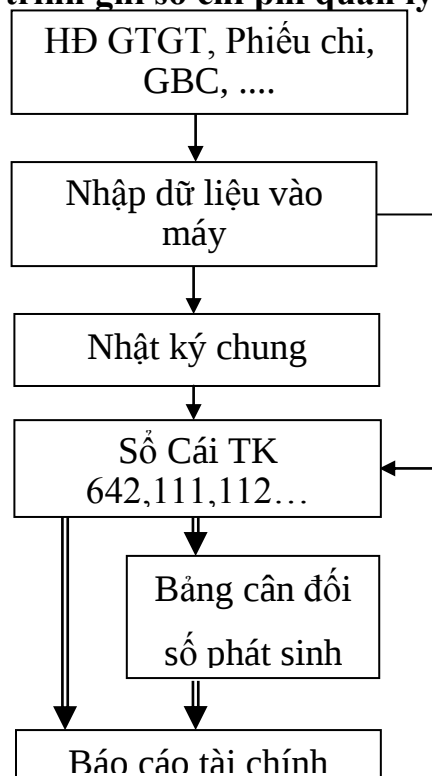
+ Bảng thanh toán lương, bảng trích khấu hao TSCĐ, Phiếu kế toán

+ Sổ cái TK 642, Bảng cân đối phát sinh, Báo cáo tài chính.

➤ *Tài khoản sử dụng :* Kế toán sử dụng TK 642 – Chi phí QLDN

➤ *Phương pháp hạch toán*

Sơ đồ 2.29: Quy trình ghi sổ chi phí quản lý doanh nghiệp



Ví dụ 5: Tháng 12, kế toán tiến hành trích khấu hao TSCĐ (theo bảng tổng hợp trích khấu hao TSCĐ) :

Biểu số 2.30 : Bảng tổng hợp trích khấu hao TSCĐ

Đơn vị: **Cty Cổ Phần Vinaway**

Mẫu số S31-DN

Địa chỉ: 15B - Mỹ Đình - HN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

BẢNG TỔNG HỢP TRÍCH KHẤU HAO TSCĐ

Tháng 12 năm 2009

STT	Ngày bàn giao	Tên tài sản	Bộ phận sử dụng	Nguyên giá	GTHK lũy kế đến cuối tháng 11	Mức KH năm (hoặc TG sử dụng)	Số KH phải trích tháng 12	Phân bổ cho đối tượng sử dụng		GTHK lũy kế đến cuối tháng 12
								641	642	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11= 5 + 7
										
2	30/11/08	Máy điều hòa LG	QLDN	35.120.950	0	10 năm	1.108.904		1.108.904	1.108.904
3	30/11/08	Bộ kê tủ quây hàng	BH	20.000.000	0	30%	500.000	500.000		500.000
										
		Cộng		1.547.820.541	0		5.210.321	1.240.510	3.587.212	5.210.321

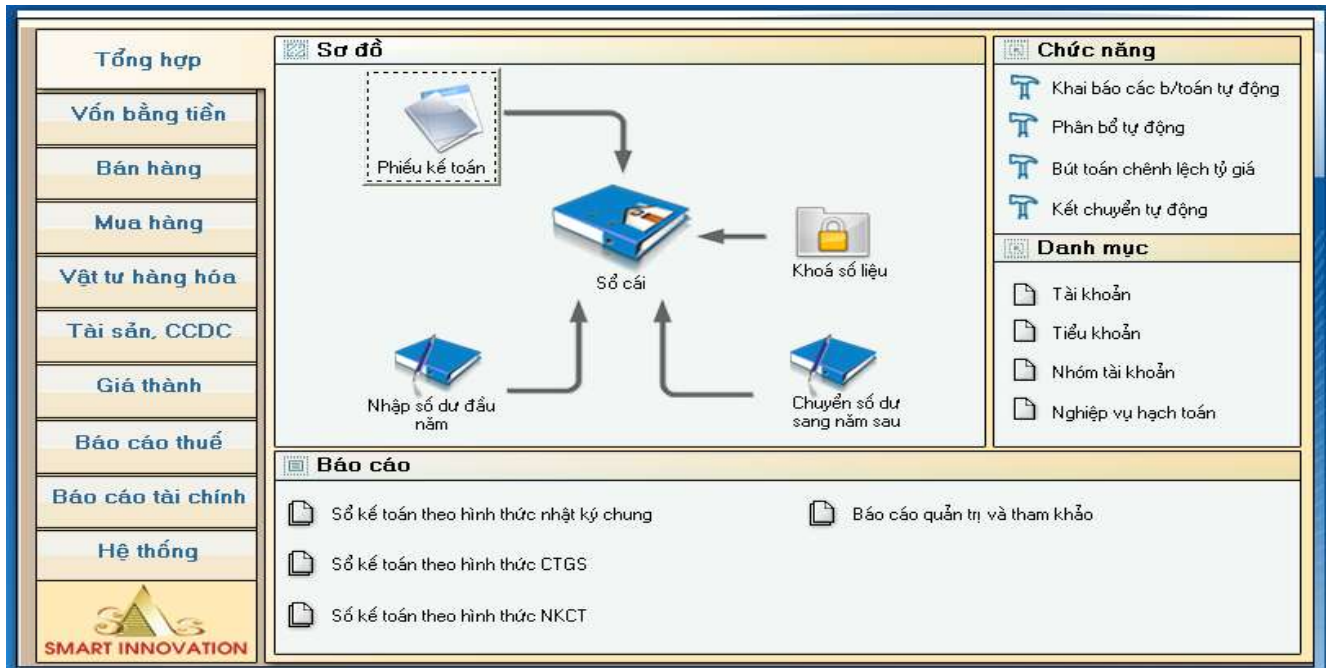
Hà nội, ngày 31 tháng 12 năm 2009

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người lập
(Ký, họ tên)

Từ bảng tổng hợp trích khấu hao TSCĐ, kế toán lập “Phiếu kế toán” các TK liên quan. Kế toán vào mục: “Tổng hợp\Sơ đồ\Phiếu kế toán” (Biểu số 2.22)

Biểu số 2.31: Giao diện vào Phiếu kế toán



Kế toán kích vào ô “Phiếu kế toán”. Màn hình xuất hiện giao diện phiếu kế toán (Biểu số 2.25). Kế toán điền các thông tin vào các mục trong bảng

Biểu số 2.32: Giao diện nhập phiếu kế toán

Phiếu kế toán

Mã đơn vị: VNW
Số ctừ: 63
Ngày lập hđ: 31/12/2009 Ngày trừ: 31/12/2009 Tỷ giá: VND 1,00

F4-Thêm dòng mới, F8-Xóa dòng, Ctrl+Tab-Ra khỏi chi tiết hạch toán

Tk	Tên tài khoản	Mã khách	Tên khách	Ps nợ VND	Ps có VND	Diễn giải
641	Chi phí bán hàng			500 000	0	Khấu hao TSCĐ
642	Chi phí quản lý doanh nghiệp			1 108 904	0	Khấu hao TSCĐ
2141	Hao mòn TSCĐ hữu hình			0	1 608 904	Khấu hao TSCĐ

☒ Thuế GTGT đầu vào 1 608 904 1 608 904

Trạng thái: 1 1 - Đã, 2 - Chưa

Lưu Mới In ctừ Huỷ bỏ Xóa Xem Tìm Copy Quay ra

ABC THANGCONGTHAN # ThanhTh 15/06/2010

Kế toán kích “Lưu” và vào “In chứng” để xem hoặc “Phiếu kế toán”

Phieu ke toan. Esc - Quay ra

CÔNG TY CP SIS VIỆT NAM
Số 17/183 Đường Tiến Đông - Đồng Đa - Hà nội

PHIẾU KẾ TOÁN

Số: 63

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Nội dung	Tài khoản	Vụ việc	Ps nợ	Ps có
Khấu hao TSCĐ	641	156V1	500 000	
Khấu hao TSCĐ	642	156V1	1 108 904	
Khấu hao TSCĐ	2141	156V1		1 608 904
Tổng			1 608 904	1 608 904

Bằng chữ: Một triệu, sáu trăm linh tám nghìn, chín trăm linh bốn đồng chẵn

Ngày tháng năm

Kế toán trưởng

Người lập phiếu

Biểu số 2.33: Giao diện Phiếu kế toán

PKT là chứng từ kế toán, do kế toán lập, căn cứ vào đó để kế toán (người lập) hoặc kế toán phần hành khác nhận được hạch toán các nghiệp vụ vào sổ

Công ty sử dụng phiếu kế toán để hạch toán nghiệp vụ kế toán không có chứng từ kế toán kèm theo. Chẳng hạn như phiếu hạch toán kế toán các nghiệp vụ kết chuyển GTGT, phiếu kế toán liên quan đến khấu hao, tiền lương...

Từ các số liệu kế toán nhập vào, máy tính sẽ tự động chạy vào nhật ký chung (Biểu số 2.10 – trang 53), sổ cái TK 642 (Biểu số 2.27 – trang bên)

Biểu số 2.34: Trích sổ cái TK 642

Đơn vị: CTY CỔ PHẦN VINAWAY

Mẫu số S03a-DN

Địa chỉ: 15B - Mỹ Đình - HN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Chi phí bán hàng

Số hiệu TK: 642

Năm 2009

ĐVT: VNĐ

Chứng từ		Diễn Giải	TK ĐƯ	Số tiền	
NT	SH			Nợ	Có
		<u>SDDK</u>			
		Số phát sinh			
					
18/12	PC48/12	T/t tiền điện theo HĐ0647243	111	1.105.420	
					
19/12	PC51/12	T/t tiền nước tháng 12	111	300.000	
					
31/12	PKT63/12	Trích khấu hao tháng 12	214	1.108.904	
31/12	PKT07/12	Kc sang TK 911	911		4.894.800.851
		Cộng phát sinh		4.894.800.851	4.894.800.851
		<u>SDCK</u>			

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

2.2.2.4 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ để xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính

Kế toán sử dụng TK 821- Chi phí thuế TNDN gồm 2 TK con:

TK 8211 – Chi phí thuế TNDN hiện hành

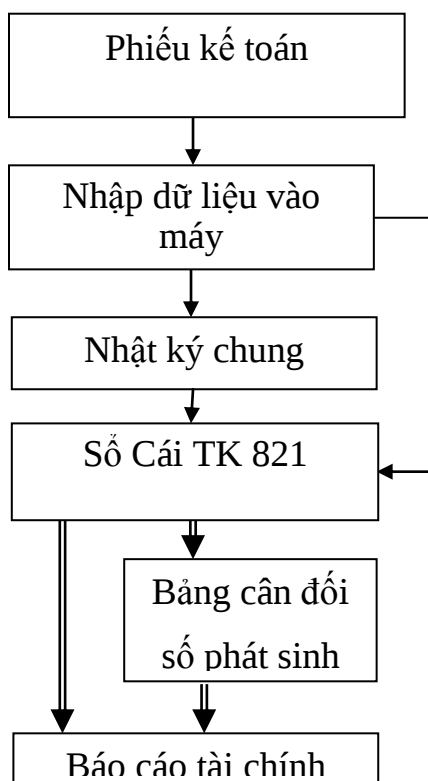
TK 8212 – Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Cuối kỳ kế toán thực hiện các bút toán kết chuyển doanh thu và chi phí để xác định kết quả lãi lỗ và xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.

Chứng từ và sổ sách kế toán sử dụng: Phiếu kế toán, sổ Nhật ký chung, sổ cái TK 821, bảng cân đối số phát sinh, báo cáo tài chính.

Phương pháp hạch toán:

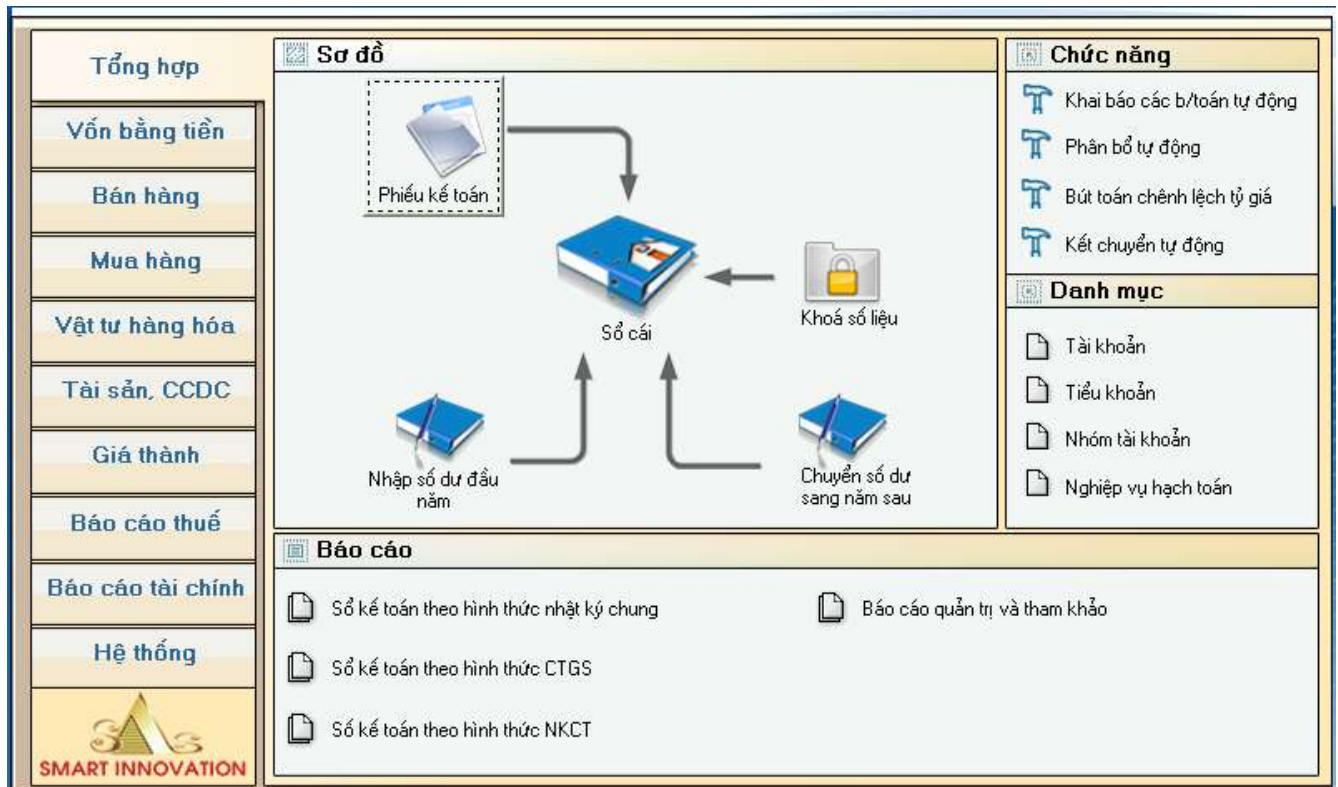
Sơ đồ 2.35: Quy trình hạch toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp



Ví dụ 6: Trong tháng 12, Công ty thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh có lãi, Số tiền thuế TNDN phải nộp: 6 442 260 299

Kế toán tiến hành viết phiếu kế toán bằng phần mềm kế toán.

Kế toán vào theo đường dẫn: “ Tổng hợp\ Phiếu kế toán”. Màn hình xuất hiện:



Kích vào “Phiếu kế toán”, sau đó điền các thông tin vào bảng (Biểu số 2.29)

Biểu số 2.36: Giao diện nhập Phiếu kế toán

Phiếu kế toán

Mã đơn vị: VNW Công ty cổ phần Vianway
 Số chữ: 64
 Ngày lập hồ: 31/12/2009 Ngày chữ: 31/12/2009 Tỷ giá: VND 1,00

F4-Thêm dòng mới, F8-Xóa dòng, Ctrl+Tab-Ra khỏi chi tiết hạch toán

Tk	Tên tài khoản	Mã khách	Tên khách	Ps nợ VND	Ps có VND	Diễn giải	M
821	chi phí thuế TNDN			6 442 260 299	0	Xác định thuế TNDN	
3334	Thuế thu nhập doanh nghiệp				0 6 442 260 299	Xác định thuế TNDN	

☐ Thuế GTGT đầu vào 6 442 260 299 6 442 260 299

Trạng thái: 1 1 - Đã, 2 - Chưa

Lưu Mới In chữ Hủy bỏ Xóa Xem Tìm Copy Quay ra

ABC 0905-0320EDDD82 # CuongHi 27/05/2010

Kế toán kích “Lưu” rồi vào “in chứng từ” để “xem” hoặc “in” phiếu kế toán:

CÔNG TY CP SIS VIỆT NAM
Số 17/183 Đường Tiến Đông - Đống Đa - Hà Nội

Số: 64

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Nội dung	Tài khoản	Vụ việc	Ps nợ	Ps có
Xác định thuế thu TNDN	3334		6 442 260 299	
Xác định thuế TNDN	821			6 442 260 299
Cộng			6 442 260 299	6 442 260 299

Bằng chữ: Sáu tỷ , bốn trăm bốn mươi hai triệu, hai trăm sáu mươi nghìn, hai trăm chín mươi chín đồng chẵn

Ngày tháng năm

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người lập phiếu
(Ký, họ tên)

Phiếu kế toán xuất hiện:

Số liệu trong phiếu kế toán được nhập sẽ tự động vào sổ nhật ký chung (Biểu số 2.10-trang 54), sổ cái TK 821 (Biểu số 2.30 – trang bên)

Đơn vị: CTY CỔ PHẦN VINAWAY**Mẫu số S03a-DN****Địa chỉ: 15B - Mỹ Đình - HN****Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC****ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC****Biểu số 2.37: Trích sổ cái TK 821****SỔ CÁI****Tên tài khoản: Chi phí thuế TNDN****Số hiệu TK: 821****Năm: 2009****ĐVT: VNĐ**

Chứng từ		DIỄN GIẢI	TK ĐƯ	Số tiền	
SH	NT			Nợ	Có
		<u>SĐĐK</u>			
		Số phát sinh			
PKT64/12	31/12	Thuế thu nhập DN phải nộp	3334	6.442.230.299	
NKC/12	31/12	Kết chuyển thuế TNDN	821		6.442.230.299
		Cộng phát sinh		6.442.230.299	6.442.230.299
		<u>SDCK</u>			

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

2.2.3 Tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty CP Vinaway

Việc xác định kết quả kinh doanh có ý nghĩa quan trọng, nó phản ánh được tình hình kinh doanh của công ty trong năm là lãi hay lỗ. Kết quả này được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo này rất quan trọng không chỉ cho nhà quản lý mà còn cho đối tượng quan tâm khác: cục thuế, nhà đầu tư, ngân hàng.... Vì vậy báo cáo phải được phản ánh một cách chính xác, kịp thời, toàn diện và khách quan.

Căn cứ vào các loại sổ chi tiết, sổ tổng hợp của các phần hành liên quan, cuối tháng kế toán tổng hợp lên báo cáo kết quả kinh doanh.

❖ **Chứng từ, sổ sách sử dụng:**

- Sổ Nhật ký chung
- Sổ cái TK 911, 421
- Bảng cân đối số phát sinh, Báo cáo tài chính.

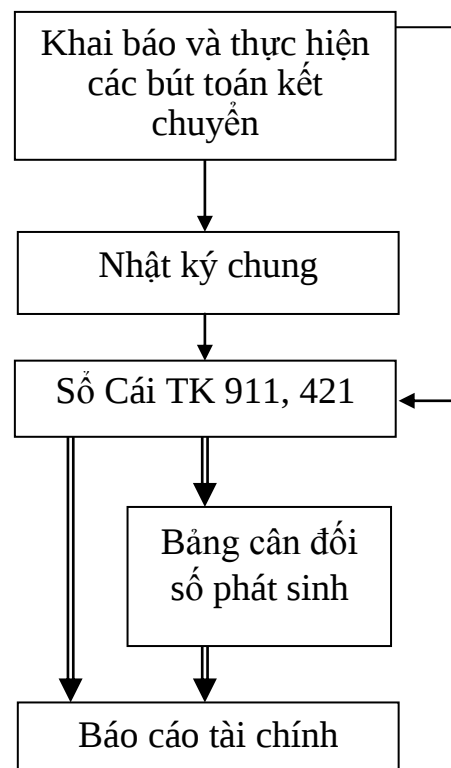
❖ **Tài khoản sử dụng:**

Kế toán sử dụng TK 911-Xác định kết quả kinh doanh và TK 421 – Lợi nhuận chưa phân phối

❖ **Phương pháp hạch toán:**

Kết quả kinh doanh = Doanh thu thuần – Giá vốn – (Chi phí bán hàng + Chi phí quản lý doanh nghiệp) + Kết quả HĐTC + KQHĐ khác.

Sơ đồ 2.38: Quy trình hạch toán xác định kết quả kinh doanh

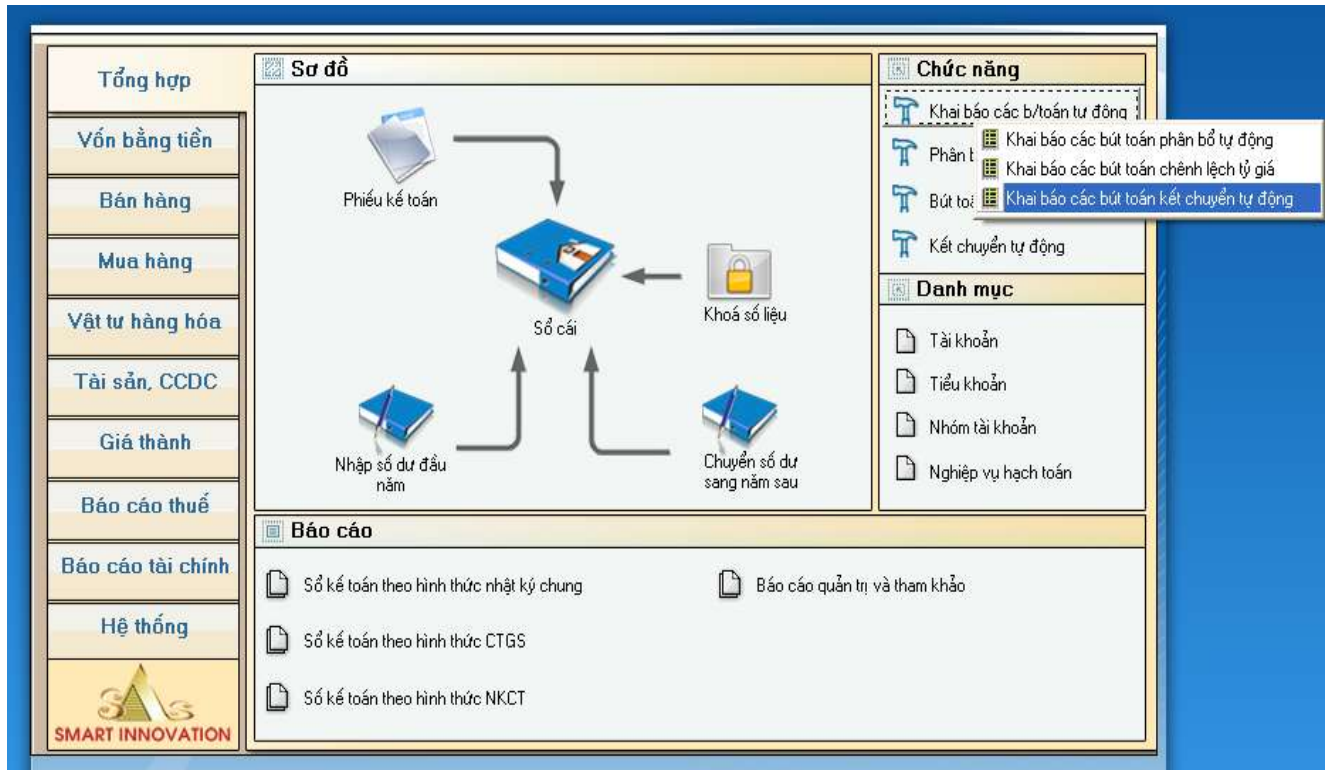


✓ Trình tự trên máy vi tính:

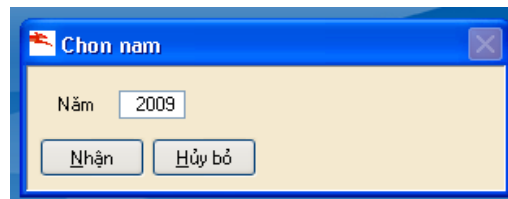
- Để máy tính có thể tự động các bút toán kết chuyển, trước hết kế toán phải khai báo các bút toán kết chuyển bằng cách vào phân hệ “ Tổng hợp” chọn “Khai báo các bút toán tự động”

- Biểu số 2.32: Giao diện nhập các bút toán kết chuyển (trang bên)

Biểu số 2.39: Giao diện nhập các bút toán kết chuyển



- Sau đó màn hình xuất hiện:

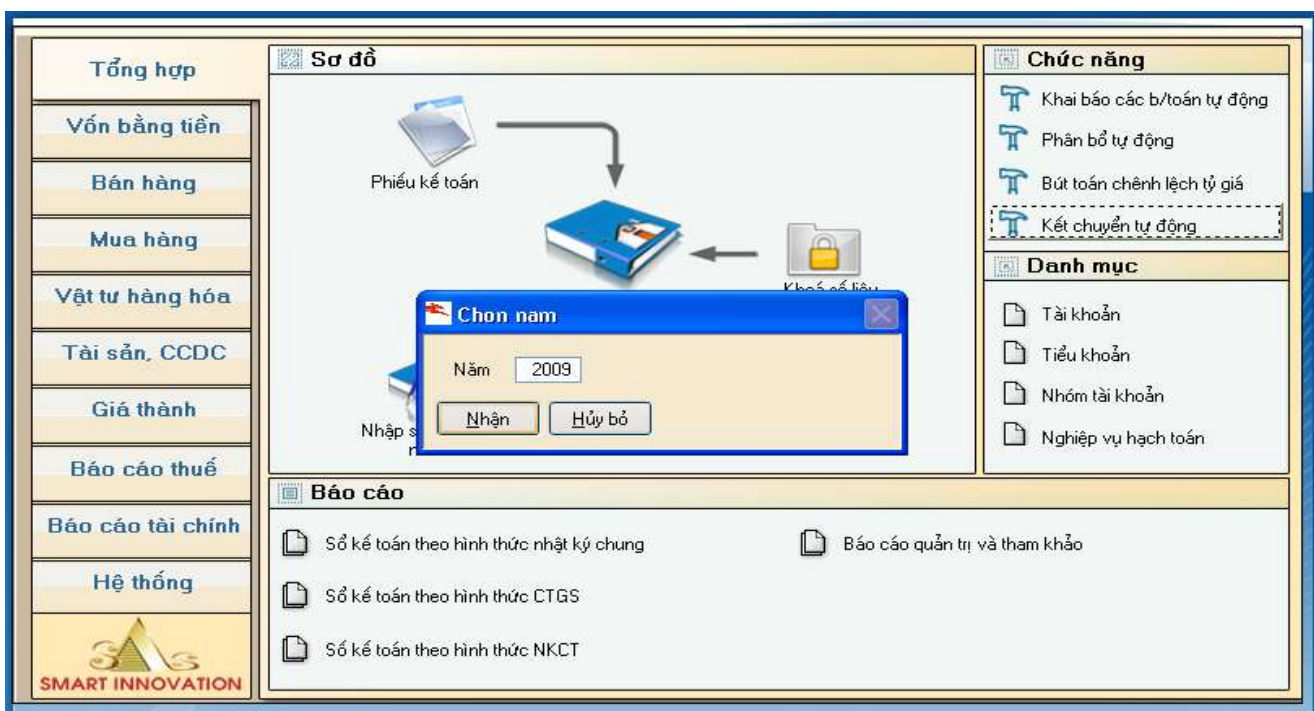


- Chọn năm cần khai báo, rồi kích “Nhận” màn hình xuất hiện các mục khai báo các bút toán kết chuyển, F3 - Sửa, F4 - Thêm, F8 - Xóa, ESC - Quay ra:

Danh sách các bút toán kết chuyển. F3-Sua, F4-Thêm, F7-In, F8-Xóa, ESC-Quay ra							
Năm	Stt	Ten_bt	Tk_co	Ma_vv_co	Tk_no	Ma_vv_no	Loại kc
2009	5	kc chi giá vốn	632		911		Co->No
2009	6	kc chi phí bán hàng	641		911		Co->No
2009	7	kc chi phí QLDN	642		911		Co->No
2009	9	kc doanh thu	911		511		No->Co
2009	10	kc doanh thu hoạt động	911		515		No->Co
2009	11	kc chi phí thuế TNDN	821		911		Co->No
2009	12	kc lãi	421		911		No->Co
2009	13	kc lỗ	911		421		Co->No

- Khi khai báo xong các bút toán kết chuyển, kế toán tiến hành kết chuyển tự động.

Kế toán vào mục: “Tổng hợp\Kết chuyển tự động\Chọn năm\Nhập”



- Màn hình kết chuyển tự động xuất hiện, ta đánh dấu “x” vào bút toán cần kết chuyển. (Đánh dấu “x” bằng cách ấn phím “cách” trên bàn phím) và tiến hành kết chuyển tự động: “Ấn F4\Chọn ngày tháng cần kết chuyển\Nhập”

Phím cách-Danh dấu, F4-Tạo các bút toán KC, F8-Xóa các bút toán đã KC, F9-Xóa tất cả, Esc-Quay ra										
Tag	Stt	Ten_bt	Tk_no	Ma_vv_no	Tk_co	Ma_vv_co	Loại kc	So_ct01	So_ct02	So_ct03
x	5	kc chi giá vốn	911		632		Co->No			
x	6	kc chi phí bán hàng	911		641		Co->No			
x	7	kc chi phí QLDN	911		642		Co->No			
x	9	kc doanh thu	511		911		No->Co			
x	10	kc doanh thu hoạt động	515		911		No->Co			
	11	kc dchí phí thuế TNDN	911		821		Co->No			
	12	kc lãi	911		421		No->Co			
	13	kc lỗ	421		911		Co->No			

- Muốn xem các bút toán đã kết chuyển, kế toán vào: “Tổng hợp\Sổ kế toán theo hình thức nhật ký chung”

- Khi máy tính tự động kết chuyển, các bút toán kết chuyển sẽ tự động chạy vào nhật ký chung (Biểu số 2.10-trang 54), sổ cái TK 911 (Biểu số 2.33 – trang bên), sổ cái TK 421 (Biểu số 2.34 – trang bên)

Biểu số 2.40: Trích sổ cái TK 911

Đơn vị: CTY CỔ PHẦN VINAWAY

Mẫu số S03a-DN

Địa chỉ: 15B - Mỹ Đình - HN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Xác định kết quả kinh doanh

Số hiệu TK: 911

Năm 2009

ĐVT: VNĐ

Chứng từ		DIỄN GIẢI	TK ĐƯ	Số tiền	
SH	NT			Nợ	Có
		<u>SĐĐK</u>			
		Số phát sinh			
PKT04/12	31/12	Kết chuyển doanh thu thuần	511		107.158.982.595
PKT05/12	31/12	Kết chuyển DT tài chính	515		15.263.695.662
PKT06/12	31/12	Kết chuyển giá vốn	632	89.623.554.610	
PKT07/12	31/12	Kết chuyển chi phí BH	641	4.889.357.442	
PKT08/12	31/12	Kết chuyển chi phí QLDN	642	4.891.800.851	
PKT10/12	31/12	Kết chuyển thuế TNDN	821	6.442.230.299	
PKT11/12	31/12	Kết chuyển lãi	421	16.565.735.055	
		Cộng phát sinh		122.422.678.257	122.422.678.257
		<u>SDCK</u>			

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên)

Biểu số 2.41: Trích sổ cái TK 421**Đơn vị: CTY CỔ PHẦN VINAWAY****Mẫu số S03a-DN****Địa chỉ: 15B - Mỹ Đình - HN****Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC****SỔ CÁI****Tên tài khoản: Lợi nhuận chưa phân phối****Số hiệu TK: 421****Năm 2009****ĐVT: VNĐ**

Chứng từ		DIỄN GIẢI	TK ĐƯ	Số tiền	
SH	NT			Nợ	Có
		<u>SDDK</u>			813.413.565
		Số phát sinh			
					
NKC/12	31/12	Kết chuyển lãi	911		16.565.735.055
		Cộng phát sinh			16.757.147.670
		<u>SDCK</u>			34.327.708.905

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

Chương 3**MỘT SỐ Ý KIẾN NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC
KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH
DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN VINAWAY****3.1 MỘT SỐ NHẬN XÉT CHUNG VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN
TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN VINAWAY**

Bước sang nền kinh tế thị trường, khi mà các doanh nghiệp gặp vô vàn những khó khăn trong thị trường cạnh tranh đầy thách thức như hiện nay thì công ty vẫn đứng vững và ngày càng phát triển bền vững. Doanh thu và lợi nhuận của công ty tăng lên qua các năm, thu nhập của người lao động theo đó cũng được cải thiện, số lượng khách hàng ngày càng nhiều. Đó là kết quả của sự cố gắng và nỗ lực lâu dài của toàn thể ban Giám đốc và của sự lao động tích cực của các cán bộ nhân viên trong công ty.

Có thể nói rằng, để có thể tồn tại và phát triển, mỗi doanh nghiệp phải tìm cho mình một chiến lược kinh doanh phù hợp để nâng cao khả năng cạnh tranh trong thị trường ngày nay. Doanh thu bán hàng là nguồn thu nhập, do vậy công ty ý thức được tầm quan trọng của công tác tiêu thụ và luôn đặt nhiệm vụ tổ chức tốt công tác tiêu thụ lên hàng đầu. Để thực hiện mục tiêu này, công ty đã tổ chức một bộ máy kế toán nhạy bén với nhiệm vụ, cung cấp thông tin một cách kịp thời, đầy đủ hỗ trợ cho công tác quản lý của ban lãnh đạo công ty. Đặc biệt là bộ phận kế toán tiêu thụ hàng hóa và xác định kết quả tiêu thụ đã thực hiện tốt nhiệm vụ của mình trong việc phản ánh tình hình tiêu thụ một cách chi tiết về số lượng, doanh thu bán hàng, giá vốn hàng bán... và đã trở thành một công cụ đắc lực giúp ban lãnh đạo công ty ra quyết định kinh doanh một cách đúng đắn.

3.1.1 Ưu điểm:****) Hình thức kế toán áp dụng***

Hiện nay Công ty đang áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung. Với kết cấu đơn giản, dễ ghi chép hình thức này rất phù hợp với công tác kế toán tại doanh nghiệp, đảm bảo hệ thống kế toán của doanh nghiệp thực hiện tốt chức năng,

nhiệm vụ quản lý sản xuất kinh doanh, đảm bảo cung cấp thông tin kịp thời cho công tác quản lý của doanh nghiệp. Bên cạnh đó, công ty sử dụng phần mềm kế toán Sas Innova giúp cho công tác kế toán giảm bớt công việc ghi chép, đồng thời công việc hạch toán kịp thời và chính xác hơn.

****) Cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán***

Bộ máy kế toán được tổ chức có sự phân công phân nhiệm rõ ràng. Cán bộ phòng kế toán đều là những người có trình độ chuyên môn nghiệp vụ, nhiệt tình được bố trí công việc hợp lý, phù hợp với năng lực của từng người, không những thế cán bộ kế toán Công ty còn không ngừng học hỏi, nâng cao kiến thức hoàn thành tốt nhiệm vụ cấp trên giao cho.

****) Hệ thống chứng từ kế toán***

Việc xây dựng hệ thống chứng từ, sổ sách, tài khoản của công ty được vận dụng đúng theo chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành. Chứng từ được tổ chức hợp lý, ghi chép đầy đủ, trung thực các nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Sổ sách của Công ty được tổ chức chặt chẽ, thuận tiện cho quá trình ghi chép và lập Báo cáo tài chính.

Các chứng từ liên quan đến công tác hạch toán chi phí sản xuất như: Bảng tính và phân bổ khấu hao, Hoá đơn, chứng từ chi tiền mặt.... được thiết lập đầy đủ, qui trình luân chuyển chặt chẽ, thuận tiện cho công tác tính giá thành sản phẩm. Do sử dụng kế toán máy nên việc xử lý thông tin trên các chứng từ khá đơn giản, việc tính giá thành có thể được thực hiện nhanh chóng và chính xác. Thông qua đó nâng cao độ tin cậy của báo cáo tài chính và giúp nhà quản lý đưa ra các quyết định chính xác, kịp thời.

****) Về công tác tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả KD:***

Trải qua một quá trình phát triển công ty đã dần hoàn thiện công tác hạch toán của mình. Công ty đã nắm bắt nhanh những thông tin kinh tế và những thay đổi mới về chế độ kế toán để áp dụng cho đơn vị mình một cách phù hợp đặc biệt là vấn đề hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. Hệ thống tài khoản và phương pháp hạch toán được áp dụng phù hợp với những quy định mới

của bộ tài chính. Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đã biết gắn liền giữa tình hình sản xuất kinh doanh tại công ty với những nguyên tắc trong hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. Hạch toán nhanh chóng, chính xác các nghiệp vụ kinh tế phát sinh góp phần đảm bảo thống nhất và nhịp nhàng trong công tác hạch toán. Hơn nữa, bộ máy kế toán còn đáp ứng số liệu báo cáo kế toán phục vụ cho nhu cầu của ban lãnh đạo công ty.

3.1.2 Nhược điểm

Nhìn chung, công tác kế toán của Nhà máy được tổ chức chặt chẽ, hiệu quả tuân thủ chế độ kế toán. Tuy nhiên, do những nguyên nhân khách quan và chủ quan mà công tác kế toán vẫn còn một số điểm chưa hoàn thiện:

****) Về công tác tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định KQ KD:***

Việc tập hợp và hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tương đối hoàn chỉnh nhưng việc hạch toán doanh thu chưa thật chi tiết và phản ánh chưa rõ đặc thù khi doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được tạo ra từ việc cung cấp hàng hoá và dịch vụ kèm theo. Công ty vẫn chưa mở sổ chi tiết bán hàng để theo dõi từng loại mặt hàng bán ra.

****) Về việc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu:***

Ở công ty hầu như không xuất hiện trường hợp khách hàng trả lại hàng bán hay giảm giá hàng bán do hàng bị kém phẩm chất. Tuy nhiên, trong quá trình kinh doanh không thể đảm bảo chắc chắn rằng sản phẩm cung cấp trên thị trường là đạt tiêu chuẩn. Khi khách hàng mua phải sản phẩm kém phẩm chất thì việc trả lại và giảm giá hàng bán là điều không thể tránh khỏi. Vì vậy, công ty cần theo dõi các nghiệp vụ trả lại cũng như giảm giá hàng bán ra.

Trên thực tế, công ty đã có phát sinh trường hợp trên và công ty đã hạch toán giảm giá hàng bằng cách trừ ngay vào giá trị hàng bán, hạch toán chiết khấu thương mại vào chi phí bán hàng. Như vậy, sẽ không thuận lợi cho việc theo dõi các loại hàng bán bị trả lại, giảm giá hàng bán hay chiết khấu thương mại phát sinh như thế nào và sẽ gây khó khăn cho việc xác định doanh thuần.

***) Về chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp:**

Để xác định kết quả kinh doanh chính xác thì việc quản lý và hạch toán chi phí phải hợp lý và đúng đắn. Tại Công ty cổ phần Vinaway, kế toán không tiến hành phân bổ chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp cho từng loại để có thể xác định được kết quả một cách đúng đắn cho từng loại hàng hóa.

***) Việc thanh toán công nợ:**

Việc giải quyết tình trạng chiếm dụng vốn là một vấn đề nan giải của nhiều nhà quản lý. Do công ty không áp dụng các phương pháp khuyến khích khách hàng thanh toán sớm tiền (như áp dụng chính sách chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán...) nên dẫn đến tình trạng thu hồi nợ của công ty diễn ra chậm.

3.2 MỘT SỐ BIỆN PHÁP HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN CHI PHÍ, DOANH THU VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN VINAWAY

3.2.1 Yêu cầu của việc hoàn thiện:

Sự thành bại của một doanh nghiệp phụ thuộc rất lớn vào công tác kế toán. Thông qua việc kiểm tra, tính toán, ghi chép, phân loại, tổng hợp nghiệp vụ phát sinh bằng hệ thống phương pháp khoa học của kế toán: chứng từ, đối ứng tài khoản, tính giá, tổng hợp cân đối có thể biết được thông tin đầy đủ, chính xác, kịp thời toàn diện về tài sản và nguồn vốn của doanh nghiệp

Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có vai trò quan trọng trong công tác kế toán của Công ty. Bởi phần hành này phản ánh một cách trực tiếp các thông tin về sản phẩm, khách hàng, thị trường tiêu thụ, khả năng bù đắp chi phí và tạo ra lợi nhuận trong kỳ. Bất kỳ một sự hạn chế nào trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đều ảnh hưởng đến tính chính xác và kịp thời của thông tin kế toán tại doanh nghiệp. Do vậy việc hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí thành phẩm và xác định kết quả kinh doanh là hết sức cần thiết.

Hoàn thiện là cần thiết và tất yếu, nhưng để đảm bảo tính khoa học trong việc hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh thì các biện pháp hoàn

thiện phải có tính khả thi, phù hợp với chế độ kế toán hiện hành. Do đó, hoàn thiện công tác kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cần phải đảm bảo một số yêu cầu sau:

Thứ nhất, hoàn thiện phải dựa trên cơ sở tôn trọng các cơ chế tài chính, chế độ kế toán. Kế toán không chỉ là công cụ quản lý của doanh nghiệp, nó còn là công cụ quản lý tài chính quan trọng của Nhà nước. Tuy nhiên việc Nhà nước ban hành các cơ chế tài chính, văn bản pháp lý chỉ mang tính chất tổng hợp và hướng dẫn cho các doanh nghiệp. Việc tổ chức kế toán tại doanh nghiệp cần phải vận dụng sáng tạo, linh hoạt, tránh dập khuôn máy móc.

Thứ hai, hoàn thiện phải dựa trên cơ sở tiết kiệm chi phí, giảm nhẹ công tác kế toán nhưng vẫn đảm bảo tính khoa học, đảm bảo hiệu quả của công tác kế toán nói chung.

Thứ ba, hoàn thiện phải trên cơ sở phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Mỗi doanh nghiệp có đặc điểm tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh khác nhau. Chính vì vậy, việc vận dụng chế độ kế toán sao cho phù hợp với trình độ của doanh nghiệp, ngành nghề sản xuất kinh doanh, điều kiện vật chất... của doanh nghiệp là cần thiết.

3.2.2 Một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

❖ Kiến nghị 1: Về công tác tổ chức kế toán tiêu thụ và xác định KQ KD

Đối với bộ phận kế toán tiêu thụ và xác định kết quả cần phải mở sổ chi tiết bán hàng, thường xuyên ghi chép phản ánh chính xác, đầy đủ khối lượng hàng hoá bán ra, số hàng hoá đã giao cho các cửa hàng tiêu thụ và tình hình tiêu thụ số hàng đó để phản ánh kịp thời giá vốn làm cơ sở cho việc tính chỉ tiêu lợi nhuận gộp, lợi nhuận thuần trong kỳ và doanh thu cùng các khoản giảm trừ doanh thu, chi phí bán hàng để từ đó xác định chỉ tiêu doanh thu thuần cũng như lợi tức thuần về tiêu thụ được xác định.

Biểu số 3.1: Mẫu sổ chi tiết bán hàng (trang bên): Sổ này mở theo từng sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư, dịch vụ đã bán hoặc đã cung cấp được khách hàng thanh toán tiền ngay hay chấp nhận thanh toán

❖ **Kiến nghị 2: Về việc phân bổ chi phí bán hàng và chi phí quản lý DN;**

Việc phân bổ chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp này giúp cho công ty có thể tính lãi, lỗ của từng loại mặt hàng. Vì chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp liên quan đến mọi mặt của hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp nên theo em nên chọn hai tiêu thức phân bổ là doanh thu bán hàng của doanh nghiệp

Việc phân bổ 2 loại chi phí trên được tiến hành như sau:

$$\begin{aligned} \text{Chi phí bán hàng phân} & \quad \text{Tổng chi phí phát} \\ \text{bổ cho loại sản phẩm A} & \quad \text{sinh trong tháng} \\ \text{trong tháng} & \quad \text{Tổng doanh thu} \quad * \quad \text{Doanh thu của sản} \\ & \quad \text{trong tháng} \quad \text{phẩm A trong tháng} \\ \\ \text{Chi phí quản lý doanh} & \quad \text{Tổng chi phí quản lý} \\ \text{nghiệp phân bổ cho loại} & \quad \text{doanh nghiệp phát} \\ \text{sản phẩm A trong tháng} & \quad \text{sinh trong tháng} \\ & \quad \text{Tổng doanh thu} \quad * \quad \text{Doanh thu của sản} \\ & \quad \text{trong tháng} \quad \text{phẩm A trong tháng} \end{aligned}$$

Mẫu số 3.1: Mẫu sổ chi tiết bán hàng

Đơn vị:

Mẫu số S35 - DN

Địa chỉ:

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/2/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Tên sản phẩm (hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư):.....

Năm:.....

Quyển số:.....

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Doanh thu			Các khoản tính trừ	
	Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác (521, 531 532)
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5
			Cộng số phát sinh						
			- Doanh thu thuần						
			- Giá vốn hàng bán						
			- Lãi gộp						

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Ngày ... tháng ... năm
(Ký, họ tên)

❖ Kiến nghị 3: Về các khoản giảm trừ doanh thu

Để giảm tối đa tình trạng bị chiếm dụng vốn từ phía khách hàng công ty nên áp dụng các khoản chiết khấu thanh toán trong bán hàng. Công ty cần có những biện pháp thiết thực như: nếu khách hàng thanh toán trước thời hạn thì sẽ áp dụng chiết khấu bao nhiêu phần trăm trên tổng giá thanh toán tại thời điểm đó, mức chiết khấu theo thời gian thanh toán cho khách hàng có thể được xác định dựa vào: tỷ lệ lãi vay ngân hàng hiện nay của công ty, số tiền mua hàng phát sinh hoặc thời gian thanh toán tiền hàng. Như vậy công ty mới có khả năng thu hồi vốn nhanh, tăng được vòng quay luân chuyển vốn lưu động, mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và hạn chế được các khoản đi vay của công ty. Đồng thời công ty nên áp dụng các hình thức chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán để làm tăng lượng hàng hoá tiêu thụ và làm tăng tổng doanh thu bán hàng.

❖ Kiến nghị 4: Về việc thu hồi nợ:

Công ty phải theo dõi và thu hồi công nợ đúng hạn, có những biện pháp tích cực đòi nợ nhưng vẫn chú ý giữ gìn mối quan hệ với khách hàng. Công ty nên tiến hành trích lập dự phòng các khoản phải thu khó đòi để tránh những rủi ro trong kinh doanh khi khách hàng không có khả năng thanh toán. Dự phòng phải thu khó đòi được phản ánh vào tài khoản 139. Mức trích lập theo quy định của chế độ kế toán hiện hành như sau: Đối với những khoản nợ được xác định là khó đòi dưới 01 năm mức trích lập là 30%, từ 01 năm đến 02 năm mức trích lập là 50%, từ 02 năm đến 03 năm mức trích lập là 70%, trên 03 năm thì được coi là khoản nợ không đòi được

- Theo quy định hiện hành thì các khoản phải thu được coi là khoản phải thu khó đòi phải có các bằng chứng chủ yếu sau:

+ Số tiền phải thu theo dõi được cho từng đối tượng, theo từng nội dung, từng khoản nợ, trong đó ghi rõ số nợ phải thu khó đòi

+ Phải có chứng từ gốc hoặc giấy xác nhận của khách nợ về số tiền còn nợ chưa trả bao gồm: Hợp đồng kinh tế, khế ước vay nợ

Căn cứ để được ghi nhận là một khoản nợ phải thu khó đòi là

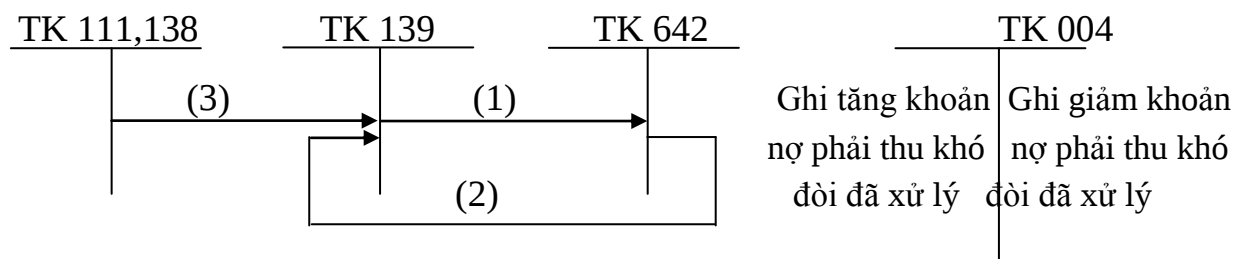
+ Nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong Hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, Công ty đã đòi nhiều lần nhưng

vẫn chưa được

+ Nợ phải thu chưa đến thời hạn thanh toán nhưng khách nợ đã làm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn

Cuối kỳ kế toán, Công ty căn cứ vào các khoản nợ phải thu được xác định là chắc chắn không thu được, kế toán tiến hành tính toán và trích lập dự phòng phải thu khó đòi

Sơ đồ kế toán dự phòng phải thu khó đòi



(1): Nếu số dự phòng phải thu khó đòi cần phải trích lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã trích lập ở cuối niên độ trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch dự phòng cần phải trích lập thêm

(2): Nếu số dự phòng phải thu khó đòi cần phải trích lập năm nay nhỏ hơn số dự phòng phải thu khó đòi đã trích lập ở cuối niên độ trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch được hoàn nhập, ghi giảm chi phí

(3): Các khoản nợ phải thu khó đòi khi xác định thực sự là không đòi được, được phép xóa nợ (việc xóa nợ phải theo đúng chế độ tài chính hiện hành). Căn cứ vào quyết định xóa nợ về khoản nợ phải thu khó đòi ghi

KẾT LUẬN

Hạch toán kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp chiếm vị trí, vai trò rất quan trọng trong quá trình sản xuất kinh doanh tiêu thụ sản phẩm của doanh nghiệp. Thông qua hạch toán kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh người quản lý doanh nghiệp, các đối tượng cần tìm hiểu về doanh nghiệp biết được doanh nghiệp đó hoạt động có hiệu quả hay không, từ đó có những quyết định về mặt chiến lược đối với doanh nghiệp, quyết định đầu tư đối với các nhà đầu tư.

Nhận thức được vấn đề trên và được sự giúp đỡ, hướng dẫn tận tâm, nhiệt tình của Tiến sĩ Giang Thị Xuyên cùng các cán bộ nhân viên của Công ty cổ phần Vinaway đã giúp đỡ em hoàn thành khóa luận tốt nghiệp của mình với đề tài: “Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần Vinaway”

Mặc dù có nhiều cố gắng, nhưng do trình độ có hạn, nguồn tài liệu tham khảo hạn hẹp nên bài viết này của em mới chỉ đề cập đến những vấn đề có tính chất cơ bản, cũng mới chỉ đưa ra những ý kiến bước đầu nên không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được sự quan tâm, góp ý kiến và chỉ bảo của các thầy cô giáo cùng các cán bộ phòng Kế toán tài vụ Công ty cổ phần Vinaway để bài viết này được hoàn thiện hơn.

Cuối cùng, em xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đến Tiến sĩ Giang Thị Xuyên, các thầy cô giáo bộ môn cùng các cán bộ phòng Kế toán tài vụ Công ty cổ phần Vinaway đã tận tình giúp đỡ em hoàn thành bài khóa luận tốt nghiệp.

Em xin chân thành cảm ơn!

Hải phòng, ngày 28 tháng 06 năm 2010

SV : Phạm Thị Ngọc Hoàn

Lớp : QT 1002K

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chế độ kế toán doanh nghiệp (ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính)
2. Kế toán tài chính (tái bản lần thứ 4 đã chỉnh lý bổ sung theo thông tư số 23/2005/TT-BTC ban hành ngày 30/03/2005)
3. Kế toán doanh nghiệp (theo luật kế toán mới – nhà xuất bản thống kê Hà Nội)
4. Các khoá luận năm trước
5. Các sổ sách, chứng từ kế toán tại chi nhánh công ty cổ phần Vinaway
6. Hướng dẫn thực hành chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ (TS. Phạm Duy Đoàn – nhà xuất bản tài chính)

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1: Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	8
Sơ đồ 1.2: Kế toán bán hàng thông qua đại lý	9
Sơ đồ 1.3: Kế toán bán hàng theo phương pháp trả chậm (hoặc trả góp)	9
Sơ đồ 1.4: Hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu	11
Sơ đồ 1.5: Sơ đồ hạch toán các khoản thuế làm giảm doanh thu	12
Sơ đồ 1.6: Sơ đồ hạch toán một số nghiệp vụ kinh tế chủ yếu của TK 515.....	13
Sơ đồ 1.7: Sơ đồ hạch toán thu nhập khác	14
Sơ đồ 1.8: Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên	17
Sơ đồ 1.9: Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ	18
Sơ đồ 1.10: Sơ đồ hạch toán chi phí bán hàng.....	19
Sơ đồ 1.11: Sơ đồ hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp.....	21
Sơ đồ 1.12: Sơ đồ hạch toán thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.	22
Sơ đồ 1.13: Sơ đồ hạch toán thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (TNDN HL)...	22
Sơ đồ 1.14: Sơ đồ hạch toán một số nghiệp vụ kinh tế chủ yếu của TK 635.....	23
Sơ đồ 1.15 Sơ đồ hạch toán một số nghiệp vụ kinh tế của TK 811.....	24
Sơ đồ 1.16: Hạch toán kết quả hoạt động sản xuất – kinh doanh (bán hàng).....	26
Sơ đồ 1.17: Trình tự hạch toán theo hình thức Nhật ký - Sổ cái	27
Sơ đồ 1.18: Trình tự hạch toán theo hình thức Nhật ký chung.....	28
Sơ đồ 1.19: Trình tự hạch toán theo hình thức Nhật ký chứng từ.	29
Sơ đồ 1.20: Trình tự hạch toán theo hình thức Chứng từ ghi sổ	30
Sơ đồ 1.21: Trình tự kế toán theo hình thức trên máy vi tính.....	30

Sơ đồ 2.1: Sơ đồ bộ máy quản lý điều hành của công ty cổ phần Vinaway.....	36
Sơ đồ 2.2: Sơ đồ bộ máy kế toán công ty cổ phần Vinaway	37
Sơ đồ 2.4: Quy trình luân chuyển chứng từ tại Công ty	41
Sơ đồ 2.5: Qui trình ghi sổ doanh thu bán hàng	45
Sơ đồ 2.15 : Quy trình ghi sổ doanh thu hoạt động tài chính	57
Sơ đồ 2.19: Quy trình ghi sổ giá vốn hàng bán tại công ty CP Vinaway	61
Sơ đồ 2.23: Quy trình ghi sổ chi phí bán hàng	66
Sơ đồ 2.29: Quy trình ghi sổ chi phí quản lý doanh nghiệp	70
Sơ đồ 2.35: Quy trình hạch toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	75
Sơ đồ 2.38: Quy trình hạch toán xác định kết quả kinh doanh.....	79